

TRANH CHẶN TRÂU

THE TEN OX HERDING

H.T. THÍCH THANH TỪ
Dịch Chánh Văn

Bình Giải

YAMADA MUMON
SHENG YEN
MYOKYO-NI

[1]

Biên dịch: Thuận Bạch

Tác Giả Bình Giải

Nội Dung

1/ Mumon Yamada (山田 無文, Sơn Điền Vô Văn) Sinh ngày 16 tháng 7 năm 1900 – Tịch 24 tháng 12 năm 1988) lão sư tông Lâm Tế, nhà thơ pháp, và Trụ Trì Thánh Phước tự ở Kobe, Nhật. Về sau Chủ Tịch trường Đại Học Hanazono và Trụ Trì Diệu Tâm tự.

2/ Sheng Yen (Hòa Thượng Thánh Nghiêm 聖嚴) Sinh ngày 22 tháng giêng năm 1931 – Tịch 3 tháng 2 năm 2009, Đài Loan. Tông Tào Động và Lâm Tế.

3/ Myokyo-Ni (Irmgard Schlögl): Ni Diệu Kính Sinh ngày 29 tháng giêng năm 1921 – Tịch 29 tháng 3 năm 2007.

Nguyên quán: Leitersdorf, Styria, Áo quốc.

Cư sĩ: Tu học chùa Đại Đức, tổ đình tông Lâm Tế Nhật bản.

Xuất gia với thiền sư Soko Morinaga, nhân vật chính trong sách Từ Nụ Đến Hoa.

Giáo Thọ và Trụ Trì Thiền Viện Fairlight Zen Buddhist Monastery, Luton, Anh quốc.

*

Lời Tựa	5
Mười Bức Tranh Chăn Trâu	
- Sơn Điền Vô Văn	11
- Thánh Nghiêm	65
Tranh Thiền Tông Số 1: TÌM TRÂU	
- HT Thích Thanh Từ	86
- Sơn Điền Vô Văn	88
- Thánh Nghiêm	122
- Ni Diệu Kính	126
Tranh Thiền Tông Số 2: THẤY DẤU	
- HT Thích Thanh Từ	166
- Sơn Điền Vô Văn	168
- Thánh Nghiêm	190
- Ni Diệu Kính	194
PHỤ BẢN	237

Introduction

Jion Oshò
Yamada Mumon

Now, all sentient beings possess within themselves from birth the true source by which each develops into a buddha. Through confusion, they get enmired in the Three Realms; through awakening, they escape at once from the Four Births. In this way, they come forth as buddhas or they come forth as sentient beings. For these reasons, the Original Sage in his compassion made many paths across a broad field. In doctrine, he put forth both the partial and the complete; in teachings, he expounded both the sudden and the gradual. He included both the rough and the fine, encompassed both the shallow and the profound. Towards the end of his life, he cast a look with his lotus eyes and drew forth a smile from the ascetic. With this act, the Repository of the True Dharma Eye was transmitted to all heaven and earth, to all our mundane and every other world. To grasp the principle of the Dharma is to transcend sect and overcome doctrine just as a bird in flight leaves no traces.

Lời Tựa

Từ Viễn

HT Thích Thanh Từ dịch

Tất cả chúng sanh vốn sẵn có nguồn chơn [của] chư Phật [từ đó triển khai thành Phật]. Nhơn mê lầm nên trầm luân trong tam giới, nhưn giác ngộ chóng thoát sanh tử (Tứ sanh). Do đó, có Phật để thành và chúng sanh để tạo. Thế nên bậc Tiên Hiền thương xót chúng sanh rộng nói nhiều đường. Lý có thiên (từng phần) và viên (toàn diện), giáo chia đốn (nhanh thẳng) và tiệm (từng bậc). Từ thô đến tế, từ cạn đến sâu. Rồi sau Đức Phật ở trong hội Linh Sơn nâng cành hoa lên, [đưa mắt sen nhìn] và Ca Diếp mỉm cười. Từ đây Chánh Pháp Nhãn Tạng được lưu thông khắp Trời, Người, nơi này chốn khác. Người đạt lý thì siêu tông việt cách, như chim bay không để lại dấu vết.

But to grasp at particulars is to quibble over phrasing, to be misled by words and be no better than the fabled turtle that swept away its tracks with its tail. In recent times a priest, Seigo Zenji, has appeared who takes into consideration the basic condition of his followers, and then, like a doctor matching treatment to ailment, uses pictures of an ox to adapt his teaching to their individual capacities. At first, he shows stages of not yet realized ability as gradations of whiteness, then he displays the root potential slowly ripening into the attainment of pure truth. There, at the stage where both person and ox have disappeared from sight, he shows the extinguishing of both mind and things. But here, though the principle underlying the pictures has reached its logical conclusion, his method of expression still leaves a kind of shroud. Because of this, those whose practice is still shallow of root will have doubts and those of limited ability will be thrown into confusion; they may even fall into nihilism or plunge into eternalism. Now, when we look at Sokko Zenji, though he models his pictures after those of his talented predecessors, he nevertheless expresses his own mind; his ten verses are so well composed, they illuminate each other with their brilliance.

Người nhận nơi sự thì kẹt câu lầm lời như rùa linh lê đuôi. Khoảng này, Thiền sư Thanh Cư xem nơi căn cơ chúng sanh hợp bệnh cho thuốc, làm bản đồ mười mục chẵn trâu theo cơ nói giáo. Ban đầu [như trâu] đen dần dần trắng nói lên sức [huân tu] mạnh chưa đủ. Kế đến [trâu trắng đã] thuần chơn tiêu biểu cho căn cơ từ từ soi sáng. Sau rốt người trâu chẳng thấy, tượng trung tâm pháp cả hai đều hết. [Tuy] lý ấy đã tốt cội nguồn, pháp [tu] kia vẫn còn che đậy, khiến kẻ căn cơ bậc trung và hạ nghi ngờ phân vân, rơi vào không ngờ (đoạn kiến) hoặc kẹt vào thường kiến. Nay Thiền sư Tắc Công nghĩ đến mô phạm của bậc Tiên Hiền, phát xuất từ đáy lòng mình làm những bài tụng hay, khiến ánh sáng xen nhau (soi sáng lẫn nhau).

From the very first "Being Lost" to the final "Return to the Source", his skilful ministering to the abilities of his followers is comparable to feeding the starving and bringing water to the thirsty.

In turn, I, Jion, have used these pictures to seek and understand the mystery and meaning of the Dharma, to touch and grasp its profound subtleness. Just as the eyeless jellyfish uses the shrimp as its eyes in its search for food, so also I have used these pictures as my eyes.

Yet from the first "Searching for the Ox" to the final "Reentry into the Marketplace", I have willfully stirred up waves and attached horns sideways onto the ox's head. Furthermore, **since fundamentally there is no heart-mind to be sought after, why then should there be any need to search for an ox?** Just who is that devil that at the end enters the marketplace? And what is worse, **when an ancestor's tomb is not completed, then misfortune strikes the descendants. Thus, recognizing that it may all be nonsense, I present this commentary.**

*

Ban đầu từ chỗ mất trâu rớt đến hoàn nguyên, khéo ứng hợp quần cơ như cứu người đói khát.

Rồi [tôi], Từ Viễn, nướng đây suu tầm diêu nghĩa, lượm lật chỗ huyền vi [của Phật pháp], như con thủy mẫu (sứa) muốn đi ăn phải nướng con tôm làm mất dẫn đường, [như chính tôi cũng vậy sử dụng tranh chẵn trâu này làm mắt].

Ban đầu từ tìm trâu, đến rớt sau buông thông tay vào chợ. Đó là gắng làm dậy sóng ngang sanh đầu sùng. **Còn không tâm có thể tìm nào có trâu để có thể kiếm?** Đến buông tay vào chợ ma muội làm sao? **Huống là cha ông chẳng rõ, họa đến cháu con, chẳng ngại hoang đường thử làm đề xướng.**

*

The Ten Oxherding Pictures - Yamada Mumon

Today we began a series of lectures on *The Ten Oxherding Pictures*. This first lecture is on Jion Osho's Introduction. *The Ten Oxherding Pictures* were drawn by the priest Kakuan Shion Zenji who resided on Mount Ryozan in Tei-shu in China and it was he who composed and appended a verse to each picture. But it was Kakuan Osho's Dharma heir, Jion Osho, who published the pictures and added this Introduction. Kakuan Shion Zenji belongs the Yogi branch of the Rinzai Sect having received Dharma transmission from Daizui Genjo Zenji in the lineage that runs Yogi Hoe Zenji, Hakuun Shutan Zenji, Goso Hoen Zenji, Daizui Genjo Zenji. He was the successor to Daizui Genjo. Engo Kokugon Zenji, who wrote the *Hekigan-roku [Blue Cliff Records]*, is also descended from Goso Hoen Zenji and is Dharma uncle to Kakuan. Also Daie Sòkò Zenji, known as the person who burned the *Blue Cliff Records*, is a brother disciple in the Dharma.

The Ten Oxherding Pictures is a rather early work produced very shortly after the *Blue Cliff Records*.

Mười Bức Tranh Chăn Trâu – SƠN ĐIỀN VÔ VĂN

Hôm nay chúng tôi bắt đầu loạt bài giảng về Mười Bức Tranh Chăn Trâu. Bài giảng đầu tiên về Lời Tựa của Từ Viễn. Mười Bức Tranh Chăn Trâu do Thiền sư Quách Am Sư Viễn trên núi Lương Sơn, phủ Thường Đức, Trung Hoa, họa và viết Lời Dẫn, Kệ Tụng cho mỗi bức tranh. Nhưng Pháp tử là Từ Viễn ấn hành Tranh Chăn Trâu và viết thêm Lời Tựa này. Quách Am Sư Viễn thuộc tông Lâm Tế phái Dương Kỳ, truyền thừa từ Đại Tùy Chân Như thuộc phái Dương Kỳ Phương Hội, Bạch Vân Thủ Đoan, Ngũ Tổ Pháp Diễn, Đại Tùy Chân Như. Quách Am Sư Viễn kế thừa Đại Tùy Chân Như. Viên Ngộ Khắc Cần trước tác Bích Nham Lục, thuộc dòng Ngũ Tổ Pháp Diễn, là sư chú của Quách Am. Đại Huệ Tông Cảo, người thiêu hủy Bích Nham Lục, là huynh đệ của Quách Am.

Mười Bức Tranh Chăn Trâu là pho sách ấn hành ngay sau Bích Nham Lục.

A nice combination of pictures with verse, from early on, it appealed to many people and was widely read. To this, Jion Osho wrote his Introduction giving an outline of its contents and thus broadening even further its reach in society at large.

Now, all sentient beings possess within themselves from birth the true source by which each develops into a buddha.

"Now" is just used here to introduce the paragraph. "The true source by which each develops into a buddha"—by this is meant the fundamental source of all buddhas past, present or future. It is in the possession of every sentient being from birth. Stated otherwise, the true source of all buddhas, is that "original face" which each person possesses. Rinzai Osho says, "On your lump of red flesh, there is a true person without rank who is always going in and out of the face of every one of you. Those who have not proved him, look! look!" Within the body of each one of you, within that five-foot bag of dung which you call your body there is a "true person without rank," someone who has no status, who is neither buddha nor bodhisattva, neither saint nor sinner; each one of you possesses that true person without rank, so Rinzai says.

Một sự kết hợp tài tình giữa hình ảnh và thi tụng, từ đầu đã thu hút nhiều người đọc và rất phổ biến. Chủ đề này, Từ Viễn đã viết Lời Tựa phác thảo nội dung và từ đó truyền bá Tranh Chấn Trâu rộng khắp trong xã hội.

[Hiện nay] tất cả chúng sanh vốn sẵn có nguồn chơn [của] chư Phật [từ đó triển khai thành Phật].

“Hiện nay” chỉ là mở đầu đoạn này. “**Nguồn chơn [của] chư Phật [từ đó triển khai thành Phật]**”—có nghĩa **nguồn chơn [từ đó triển khai thành Phật]** ở cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, mỗi chúng sanh đều có từ bản hữu. Nói cách khác **nguồn chơn [của] chư Phật** là “**gương mặt xưa nay**” mọi người đều có. Lâm Tế gọi là “**Trên cục thịt đỏ có vô vị chân nhân, thường từ cửa mặt các ông ra vào. Người chưa được chứng cứ hãy xem! Xem!**” Ngay nơi thân này, nơi “**đầy da hôi thúi năm tấc**” gọi là thân này, mỗi người các ông, đều có vô vị chân nhân, một người không địa vị ngôi thứ, chẳng phải Phật hay Bồ-tát, chẳng thánh chẳng phàm; mỗi người các ông đều có vô vị chân nhân này, như Lâm Tế nói.

This true person without rank is the true source of all buddhas. To grasp this clearly, to see this precisely, is *kensho jobutsu*, "to see one's nature and realize buddha." Rinzai says, "He is always going out and coming in through your five senses." Having gone out, he becomes the objective world, the world of myriad phenomena. He becomes mountains and rivers, rain and wind. But entering within, he becomes the subject, feeling hungry or sleepy, happy or sad. This is the true source of all buddhas, the true person of no rank.

This buddha-nature in each person, which becomes objective when externalized and subjective when internalized, is fundamentally one single entity, one single life, one single consciousness. Now, broadly speaking, we take the self to be something subjective and consider everything outside the self to be the objective world. The self is "person" and all else is "the world". But on closer analysis, even what I call myself, even my own body, turns out to be an object as well. I can direct my attention to my own bodily movements such as when I move my hand or foot or when I scratch my head.

Vô vị chân nhân chính là nguồn chơn [của] chư Phật. Muốn thấu suốt, muốn hội được phải “kiến tánh thành Phật.” Lâm Tế nói: “Thường ra vào nơi năm căn¹.” Ra ngoài Vô vị chân nhân là thế gian đối tượng (ngoại cảnh), thế giới hiện tượng. Đó là sông núi, mưa gió; nhưng vào trong là chủ thể, biết đói hay ngủ, buồn hay vui. Đây là nguồn chơn thực sự của chư Phật, là vô vị chân nhân.

Phật tánh này nơi mỗi người, trở thành khách quan đối với ngoại cảnh và chủ quan đối với nội tâm, cơ bản là một thực thể duy nhất, một cuộc sống duy nhất, một tâm thức duy nhất. Bây giờ nói rộng, chúng ta cho cái ngã là chủ thể và xem bên ngoài cái ngã là thế giới đối tượng. Ngã là “nhân” và mọi thứ khác là “cảnh”. Xem xét kỹ, cho dù gọi là tôi, là thân tôi, đều trở thành đối tượng dễ dàng. Chúng ta có thể chú ý vào động tác thân thể như động tay, chuyển chân hoặc gãi đầu.

¹ Ở mắt gọi thấy, Ở tai gọi nghe, Ở mũi ngửi hương, Ở miệng nói bàn, Ở tay nắm bắt, Ở chân đi chạy. (Lâm Tế Ngữ Lục) - D.G.

Saying things like, "Lately during the rainy season, my body feels so heavy; I've lost my appetite, maybe something's wrong somewhere," we can look at our own bodies. Examined closely, our own bodies are objective, are external objects.

One's own mental self, too, when examined closely turns out to be objective. When you say, "Today I came up with a good idea," or "Today I did something I shouldn't have," or in self-reflection, "I am full of delusive obsessions; I am an evil person weighed down with bad karma," the self being reflected upon is the object while the reflecting consciousness is the subject.

Humans, it is said, differ from animals in that humans possess a mirror. The fact that humans can look at their own faces makes humans different from animals. One is reflecting upon oneself when one looks in a mirror and says, "Uh, oh, there's a smudge on my face," or "Hmm, my collar's a bit crooked." That is what is unique about humans, but the self that is reflected in the mirror is entirely an object. Absolute subjectivity is just the mirror by itself. A mirror reflects all things but a mirror by itself projects no image.

Nói rằng: "Mùa mưa tôi thấy thân nặng nề; ăn không ngon miệng, chắc có điều gì không ổn," tức là chúng ta để ý bản thân mình. Xem xét kỹ, thân chúng ta là đối tượng, là ngoại cảnh.

Cái ngã tâm linh của chúng ta cũng vậy, xem xét kỹ, lại trở thành đối tượng. Khi chúng ta nói: "Hôm nay tôi đã thành công," hay "Hôm nay tôi lỡ hành động không đúng," hay tự phản chiếu: "Mình quá nhiều ám ảnh ngu muội; mình xấu xa sẽ chịu nghiệp báo nặng nề," cái ngã bị phản chiếu là đối tượng trong khi thức phản chiếu lại là chủ thể.

Con người khác với loài vật vì có gương soi. Sự kiện con người có thể nhìn lại bộ mặt mình khiến khác xa loài súc sanh. Chúng ta phản quan tự kỷ khi nhìn vào gương và nói: "Ồ, mặt mình dính bụi nhơ," hoặc "Ồ, cổ áo của mình không thẳng." Chỉ có con người mới thấy được như thế, nhưng cái ngã bị phản chiếu thấy trong gương hoàn toàn là đối tượng. Chủ thể tuyệt đối lại chính là mặt gương. Gương chiếu soi mọi vật nhưng tự tấm gương thì không có hình bóng.

The subjectivity which projects nothing at all is absolute subjectivity and this is the true source of all buddhas. The Buddhist term, "Great Perfect Mirror Wisdom," refers to just this. There is also the old saying, "Between two mirrors no image is reflected." One Master meeting another Master is like one mirror reflecting another mirror for there is no projecting across of any image. That heart-mind which we all have, that neither images nor is imaged, is our real source, our innermost deepest place of abode. This is the true source of all buddhas. The true source from which all buddhas arise is the place where not even the thought of a thought arises, like a mirror without a speck of dust. The self who is reflected in the mirror can acknowledge, "Yes, I am indeed a deluded and obsessed person weighed down with bad karma." This is the provisional self, the self which acts. If we divide the self into the self which reflects and the self which is reflected upon, then the self which reflects is the true source of all buddhas and the self reflected upon is the ordinary person weighed down with bad karma.

Ikkyu Osho writes in his poetry:

Chủ thể không soi chiếu chính mình là chủ thể tuyệt đối và đó là chân nguyên chư Phật. Theo thuật ngữ Phật giáo Đại Viên Cảnh Trí là mặt gương này. Có câu nói: “Giữa hai mặt gương không có hình ảnh phản chiếu.” Thiền sư gặp Thiền sư như hai mặt gương phản chiếu lẫn nhau bởi vì không một bóng hình xuất hiện ở giữa. Gương tâm này chúng ta ai cũng có, không phải hình cũng không phải bóng, chính là bản nguyên, trụ xứ nội tâm thâm cùng nhất. Đó là chân nguyên chư Phật. Nguồn chân từ đó chư Phật lưu xuất là chỗ ngay cả không một niệm của niệm móng khởi, như mặt gương không dính bụi. Cái ngã bị phản chiếu trong gương sẽ nhận biết: “Vâng, tôi mê muội bị nghiệp báo nặng nề.” Đó là cái ngã tạm thời, cái ngã tạo tác. Nếu chúng ta chia hai bản ngã thành ngã chiếu soi và ngã bị phản chiếu thì ngã chiếu soi là chân nguyên chư Phật và ngã bị phản chiếu là phàm nhân bị nghiệp báo nặng nề.

Nhất Hưu viết trong một bài thơ:

From the heart suspended from his neck
Will the puppeteer pull out a devil or a
buddha?²

We can see here what we call our heart or mind is on one face a buddha and on one face just an ordinary person. There is a saying, "Intrinsic wisdom is mother to all the buddhas." The fundamental source from which all buddhas arise is that absolute subjectivity which we all possess, which is the original possession of all sentient beings. The saying, "Each and every sentient being possesses the wisdom and merit of the Tathagatha," refers to just this.

The honorary title of the founder of Myōshin-ji is Honnu Enjō Kokushi, *Honnu* meaning "original possession", *Enjō* meaning "complete perfection" and *Kokushi* meaning "National Master". This name is taken from *honnu enjō butsu* which means "The Buddha in complete perfection is our original possession." Now there is a koan, "The Buddha in complete perfection is our original possession. Why then do we become sentient beings fallen into confusion and suffering?"

² Ikkyū (1394-1481), an early Zen monk known for his unorthodox behavior and his poetry. A medieval street entertainer suspended a box around his neck which he used as a stage for his hand puppets. He told an entertaining story while manipulating these puppets back and forth from behind the box.

Từ gương tâm đeo ngang cổ
Người điều khiển con rối tạo ma hay Phật?³

Chúng ta thấy ở đây điều gọi là tâm một mặt là Phật và một mặt là phàm nhân. Có câu nói: "Trí tuệ bản hữu là mẹ chư Phật."⁴ Nguồn chân từ đó chư Phật xuất hiện là chủ thể tuyệt đối ai ai cũng có, là bản hữu nơi mọi chúng sanh. Câu "Mỗi và mọi người đều có đức trí của Như Lai." diễn bày ý này.

Tổ khai sơn chùa Diệu Tâm được sắc phong là Bản Hữu Viên Thành Quốc Sư. Danh xưng này có ý nghĩa vị Phật viên thành là bản hữu nơi chúng ta. Bây giờ có công án "Vị Phật viên thành là bản hữu, tại sao chúng ta là chúng sanh rơi vào vô minh đau khổ?"

³ Nhất Hưu (1394-1481), một Thiền sư đầu tiên nổi tiếng qua hành vi không chính thống và thơ ca. Một nghệ sĩ mua vui trên đường phố thời xưa đeo một chiếc hộp quanh cổ dùng làm sân khấu cho những con rối. Anh ta kể một câu chuyện mua vui trong khi điều khiển bằng tay những con rối qua lại, từ phía sau chiếc hộp.

⁴ Bát-nhã trí huệ chư Phật mẫu. (D.G.)

If everyone possesses the mind of a buddha, possesses buddha-nature, why then do we become mere ordinary mortals? Why do we become lost? It is said that Dògen Zenji climbed Mount Hiei to the Tendai monastery to learn Buddhism but could not answer to his own satisfaction this question, "The Buddha in complete perfection is our original possession from birth. Why then do we become sentient beings fallen into confusion and suffering?" None of the instructors that he asked could answer him. Then he was told that at the temple Kennin-ji, there was a priest named Yòsai, recently returned from studying Zen in China, who might know. Dògen came down from the mountain, sought out Yòsai at Kennin-ji, and that was how he eventually entered Zen.

Our true nature is originally buddha; it is the Great Perfect Mirror Wisdom. But the self which we find within ourselves is just an ordinary mortal replete with delusive passions and deeply sunk into bad karma. However, the self which is seeing this is the true person of no rank, the true source of all buddhas. So long as there are these two selves within us, we are not truly living. When these two become completely one, we have achieved satori.

Nếu như ai ai đều có Phật tâm, Phật tánh, tại sao lại là phàm phu sanh tử? Tại sao lâm lạc? Thiền sư Đạo Nguyên lên núi Tỳ Duệ đến ngôi chùa thuộc tông Thiên Thai học Phật nhưng không tìm được giải đáp nghi vấn: “Vị Phật viên thành là bản hữu xưa nay, tại sao chúng ta là chúng sanh rơi vào vô minh đau khổ?” Không một vị giáo thọ nào trả lời được câu hỏi này của ngài. Và ngài được chỉ đến chùa Kiến Nhân có vị tăng Minh Am Vinh Tây vừa học Thiền từ Trung Hoa trở về có thể trả lời được. Đạo Nguyên liền xuống núi tìm đến Vinh Tây ở chùa Kiến Nhân và tu Thiền.

Chân tánh chúng ta xưa nay là Phật; là Đại Viên Cảnh Trí. Nhưng cái ngã chúng ta nhận thấy nơi mình chỉ là phàm nhân sanh tử đầy phiền não si mê chìm trong ác nghiệp. Tuy nhiên, cái ngã nhận thấy việc này lại là Vô vị chân nhân, chân nguyên chư Phật. Chừng nào còn hai cái ngã nơi mình, chúng ta không sống chân thực. Khi hai cái ngã hiệp nhất, chúng ta giác ngộ.

To finally attain this is what we seek to achieve in our practice.

Through confusion, they get enmired in the Three Realms; through awakening, they escape at once from the Four Births.

The root of confusion is to think, "That passion-ridden mortal is me." When such confusion arises, one sinks into the Three Realms.⁸ The "Three Realms" is a Buddhist term referring to the Realm of Desire, the Realm of Form and the Realm of the Formless.

The Realm of Desire is the realm where we live only for our desires. Take away these desires and we do not know what we are living for; to think this way is to be in the Realm of Desire. Beyond the level of desire, there is also the realm where we think we cannot live without things; this is to be in the Realm of Form. Look at a scientist doing scientific research. Research is not merely a matter of desires only; research is research into things. To live in the spiritual world beyond desires, beyond things, is to be in the Realm of the Formless though this too is a realm of confusion. The task of Buddhist teaching is to liberate people from these Three Realms.

Đạt ngộ chính là việc chúng ta tìm kiếm trong tu tập.

Nhơn mê lầm nên trầm luân trong tam giới, hơn giác ngộ chóng thoát sanh tử (Tứ sanh).

Căn nguyên mê lầm vì nghĩ "Con người sinh tử phiền não đó chính là tôi." Vô minh, ta chìm vào Tam giới. Tam giới theo đạo Phật là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Dục giới là cõi giới sống trong ái dục. Lìa bỏ ái dục chúng ta không biết mình sống để làm gì; nghĩ như thế là đang ở trong Dục giới. Ra khỏi Dục giới là cõi giới chúng ta nghĩ mình không thể sống mà không có sự vật; đó là Sắc giới. Hãy nhìn nhà khoa học đang nghiên cứu đề tài khoa học. Khảo cứu không chỉ là dục vọng; khảo cứu là khảo cứu sự vật. Sống trong cõi giới tâm linh ra ngoài ái dục và sự vật, là ở trong Vô sắc giới cho dù vẫn trong vòng vô minh. Phật giáo có nhiệm vụ giải thoát chúng sanh ra khỏi Tam giới.

If one awakens to the fact that the self is the absolute subjective, that it is a mirror which lights up everything, but which itself is not lit up by anything, then one may "escape at once from the Four Births". At once, one can escape from the world of ignorance and delusion. The "Four Births" is another Buddhist term. It refers to the four different ways in which beings were thought to be born into the world, that is, from the womb, from eggs, from moisture, and from metamorphosis or transformation. Living things born from the womb include humans, cows, horses and dogs. Those born from eggs include fish, snakes, turtles and birds; first the egg is laid and then these creatures hatch from the egg. Creatures that breed in moisture include maggots, slugs and the like. Birth through metamorphosis or transformation refers to those creatures whose birth involves a change of shape or form. The ugly hairy caterpillar which turns into a beautiful butterfly, the larvae which turn into mosquitoes, and the river maggots which turn into dragonflies are all said to be born from metamorphosis.

Though living creatures have these four ways of being born, nevertheless they all belong to the world of confusion of the ordinary mortal.

Một khi tỉnh ngộ sự thật cái ngã là chủ thể tuyệt đối, nghĩa là mặt gương chiếu soi mọi vật, nhưng chính gương thì không bị chiếu soi, như vậy ngay đó “thoát khỏi sanh tử (Tứ sanh).” Ngay đó thoát khỏi giới xứ vô minh và mê vọng. Sanh tử (hay Tứ sanh) là một thuật ngữ Phật giáo. Có bốn kiểu sanh ra đời là thai sanh, noãn (trứng) sanh, thấp (ẩm) sanh và hóa sanh. Loài thai sanh như người, súc vật là trâu bò, chó ngựa. Noãn sanh gồm loài cá, rắn, rùa và chim chóc; đầu tiên sanh ra trứng và từ trứng nở ra con. Chúng sanh từ ẩm thấp ra đời gồm giòi bọ, ốc sên và đồng loại. Loài hóa sanh gồm sinh vật chuyển hóa hình dạng. Con sâu lông lá xấu xí biến thành con bướm xinh đẹp, ấu trùng thành muỗi mòng, thành chuồn chuồn đều là hóa sanh.

Cho dù chúng sanh ra đời theo bốn kiểu nhưng tất cả đều nằm trong vô minh sanh tử.

If however, you awaken to the fact that your original nature is absolute subjectivity, is the root source of all buddhas beyond anyone's reckoning, is the root source of the universe, then at once you can escape that world of confusion. In this way, for all of us, to be confused is to be an ordinary mortal but to be awakened is at once to become a buddha.

In this way, they come forth as buddhas or they come forth as sentient beings.

We thus have the potential for becoming a buddha or for remaining an ordinary mortal. Are you better off being just an average person or is it better to be a buddha?

For these reasons, the Original Sage in his compassion made many paths across a broad field.

Though we all possess the potential for becoming buddha, dragged back by desire and karma, we fall back into being mere ordinary mortals and bring suffering to both ourselves and others. The term "Original Sage" can refer to any of the ancient teachers but primarily it refers to Shakamuni Buddha.

Tuy nhiên nếu tình ngộ bản tánh là chủ thể tuyệt đối, chân nguyên chư Phật ra ngoài sự ước định của mọi người, là căn nguyên vũ trụ, thì chúng ta sẽ giải thoát khỏi giới xứ vô minh. Như vậy, tất cả chúng ta, mê là chúng sanh, giác ngay đó là Phật.

Do đó, có Phật để thành và có chúng sanh để tạo.

Chúng ta đều có khả năng thành Phật hoặc tiếp tục là phàm nhân. Bạn chỉ muốn làm người thường hay muốn thành Phật?

Thế nên bậc Tiên Hiền thương xót chúng sanh rộng nói nhiều đường.

Mặc dù chúng ta đều có khả năng thành Phật, bị ái dục và nghiệp trì kéo, khiến rơi vào phàm nhân sanh tử và làm chính mình và người khác đau khổ. Danh từ vị "Tiên Hiền" có thể chỉ cho bậc thánh hiền cổ đức nhưng đầu tiên là Phật Thích-ca.

Moved by compassion at the sight of those pathetic people fallen into the world of confused souls where they cause grief to themselves and others around them, Shakamuni made many paths across a broad field. He expounded the dharma on 360 occasions, using 84,000 teachings expounded in more than 5040 sutras. To save all sentient beings, he tried every tactic, used every possible means. Thus he labored for more than forty years. Scholars in the past have studied Shakamuni Buddha's teaching in many ways and have classified its content into the Four Teaching of Methods, the Four Teachings of Doctrine, and the Five Periods and Eight Teachings.

In doctrine, he put forth both the partial and the complete; in teachings, he expounded both the sudden and the gradual. He included both the rough and the fine, encompassed both the shallow and the profound.

If we examine the body of sutras expounded by Shakamuni Buddha in order, we find that he began with partial, simplified, easily understood teachings directed at the common people but eventually ended with a comprehensive doctrine called the "Complete Teaching".

Thương xót chúng sanh khi thấy rơi vào cõi vô minh thật đáng thương, làm khổ mình khổ người chung quanh, đức Thích-ca rộng nói nhiều đường, thuyết pháp trên 360 hội, giảng nói 84,000 pháp môn trong hơn 5040 bộ kinh. Để cứu độ chúng sanh, Phật dùng mọi kỹ xảo, mọi phương tiện, trải qua hơn bốn mươi năm. Người học thời xưa nghe lời Phật chỉ giáo nhiều cách và phân loại theo Tứ Giáo Pháp, Tứ Giáo Thừa,⁵ và Ngũ Thời Bát Giáo.

Lý có thiên (từng phần) và viên (toàn diện), giáo chia đốn (nhanh thẳng) tiệm (thứ bậc). Từ thô đến tế, từ cạn đến sâu.

Nếu xem xét nội dung kinh điển Phật dạy tuần tự, chúng ta thấy bắt đầu thiên giáo, giản dị, dễ hiểu nhắm vào quần chúng và cuối cùng "viên giáo".

⁵ Theo tông Thiên Thai có bát giáo gồm:

- Tứ Giáo Pháp là:

1/ Tiệm Giáo (Pháp) hay phương pháp tiệm ngộ của Kinh A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã Ba La Mật Đa. 2/ Đốn Giáo Pháp của Kinh Hoa Nghiêm. 3/ Mật Giáo Pháp. 4/ Bất Định Giáo Pháp.

- Tứ Giáo Thừa là: 1/ Tạng Giáo (Thừa): giáo pháp Tiểu Thừa, dành cho Thanh Văn, Duyên Giác. 2/ Thông Giáo. 3/ Biệt Giáo. 4/ Viên Giáo.

Further, he expounded a Sudden Doctrine which shows the way to attain buddhahood directly and a Gradual Doctrine which shows how to approach buddhahood in stages by gradually getting rid of delusive passion. In the beginning he expounded the ethical and moral system presented in the early Agamas. He preached a very general doctrine which everyone could understand: one should not kill, one should not steal, one should not tell lies, one should not drink alcohol, etc. From there he went on to teach the Emptiness of Perfect Wisdom. Advancing even further, he taught Wondrous Being in True Emptiness. Finally, he taught the Manifold Dharmas are True Reality. He guides sentient beings following an order that goes from shallow teachings through to deep philosophical principles. He could not help but take pity on sentient beings, beings otherwise destined to slip back into being plain mortals, and went to great pains to lead all to buddhahood.

Towards the end of his life, he cast a look with his lotus eyes and drew forth a smile from the ascetic. With this act, the Repository of the True Dharma Eye was transmitted to all heaven and earth, to all our mundane and every other world.

Lại nữa pháp môn đốn chỉ ra con đường trực tiếp đốn tu thành Phật và pháp môn tiệm tiến đến Phật qua theo thứ bậc bằng cách loại dần phiền não mê vọng. Giai đoạn đầu Phật chỉ dạy hệ thống đạo đức và giới luật trong kinh A-hàm. Phật dạy giáo lý tổng quát cho mọi người có thể hiểu: không sát sanh, không trộm cắp, không nói dối, không uống rượu, v.v. Từ đó Phật dạy tiếp Lý Không của Bát-nhã, tiến lên Chân Không Diệu Hữu. Cuối cùng Chư pháp đa sai biệt là Chân Thực Tại (Tục Đế là Chân Đế). Phật dẫn dắt chúng sanh theo thứ tự giáo lý từ cạn đến sâu. Phật độ chúng sanh không ngoài lòng thương xót, chuyển nghiệp từ đau khổ sanh tử đến thành Phật.

Rốt sau Đức Phật ở trong hội Linh Sơn nâng cành hoa lên, đưa mắt sen nhìn và Ca Diếp mỉm cười. Như thế Chánh Pháp Nhãn Tạng được lưu thông khắp Trời, Người, nơi này chốn khác.

Towards the end of his life, Shakamuni gave the sermon on Vulture Peak. First, a Brahman king approached him, presented him with a golden lotus flower and requested a sermon. Thereupon, Shakamuni mounted the high seat and without a word held out the flower in front of him before the entire assembly. No one there understood what this meant except for Kasho Sonja. Only Kasho, among the ten disciples the most advanced in ascetic practice, understood and smiled. "Lotus eyes" refers to the furled leaf of the lotus. The underside of the leaf is white so that when the two edges are furled inward, the white part comes to the front; in the middle of that white, there is a green portion visible. This is said to resemble the eyes of a beautiful woman. Shakamuni Buddha was said to have had such beautiful eyes. When Kasho Sonja saw it, he smiled. At that point, Shakamuni Buddha said, "I have the True Dharma Eye, the Marvelous Mind of Nirvana, the True Form of the Formless, the Subtle Dharma Gate. It is not founded on words or phrases; it is a separate transmission outside scripture. This I entrust to you, Great Kasho." This is the origin of the Zen teaching of "Not founded on words or phrases" and "A separate transmission outside scripture".

Đến cuối đời, Phật thuyết trên hội Linh Thứu. Đầu tiên Phạm vương tiến đến dâng lên đóa sen vàng xin nghe Pháp. Phật thặng tòa không nói một lời chỉ đưa lên cành hoa trước mặt Phạm vương và hội chúng. Không một ai hiểu ý chỉ, riêng Đại Ca-diếp, một trong mười đại đệ tử hội được và mỉm cười. "Mắt sen" ý nói đến lá sen cong. Mặt dưới lá sen màu trắng nên khi hai cạnh lá cong vào, phần trắng hiện lên trên; giữa lá toàn trắng thấy một mảng xanh, giống như đôi mắt người đẹp. Phật có đôi mắt đẹp như thế. Khi Ca-diếp nhìn thấy liền mỉm cười. Ngay đó Phật nói: "Ta có Chánh Pháp Nhãn Tạng, Niết-bàn diệu tâm, Thực tướng vô tướng, Pháp môn vi diệu, Bất lập văn tự, Giáo ngoại biệt truyền. Nay truyền cho Đại Ca-diếp." Đây là nguồn gốc của "Bất lập văn tự, Giáo ngoại biệt truyền".

From here the Zen teaching of *Shobogenzo*, the Repository of the True Dharma Eye, spread throughout heaven and earth, throughout India, China and Japan, to all places.

To grasp the principle of the Dharma is to transcend sect and overcome doctrine just as a bird in flight leaves no traces. But to grasp at particulars is to quibble over phrasing, to be misled by words and be no better than the fabled turtle who swept its tracks with its tails.

If you grasp the fundamental point of Zen and understand the basic principle of Buddhism, then you will "transcend sect and overcome doctrine". You must transcend the differences between the basic teachings of each sect, for example, between the "self power" of Zen and the "other power" of Pure Land, or between Hinayana and Mahayana. Each sect also has its own style or character; you must not get distracted by these either. A bird leaves no traces when it flies. Similarly, if you really understand Zen, you leave Zen behind. "The best *miso* does not smell of *miso*." True satori does not smell of satori. But, if you fail to understand the basic truth and get caught up on particulars,

Từ đó Chánh Pháp Nhân Tạng được lưu thông khắp Trời, Người, khắp Ấn Độ, Trung Hoa và Nhật Bản, cùng khắp nơi.

Người đạt lý thì siêu tông việt cách, như chim bay không để lại dấu vết. Người nhận nơi sự thì kẹt câu lầm lời như rùa linh lê đuôi.

Nếu nắm được yếu chỉ của Thiền và đại ý Phật pháp, sẽ "siêu tông việt cách." Phải siêu vượt khác biệt giữa giáo lý căn bản mỗi tông phái, ví như giữa "tự lực" của Thiền và "tha lực" của Tịnh độ, hoặc giữa Tiểu thừa và Đại thừa. Mỗi tông phái đều có tông chỉ và đặc tính riêng; không nên vì thế mà tán tâm. Chim bay không để lại dấu vết. Cũng vậy, nếu hội Thiền, sẽ không để lại vết tích Thiền. "Xúp *miso*⁶ chánh gốc sẽ không còn mùi *miso*." Chân ngộ sẽ không còn hương vị ngộ. Nhưng nếu không đạt lý mà kẹt nơi sự,

⁶ Một loại xúp nấu với đậu hũ và tương.

then you will argue about what the Lankavatara Sutra says as opposed to what the Nirvana Sutra says, what Bodhidharma said as opposed to what the Sixth Patriarch said. You will be confused by words and get hung up on terminology; you will get caught up on the differences between sectarian doctrines. This is exactly like the ancient turtle that attempted to wipe out its tracks by sweeping with its tail. It was certainly clever of the turtle to think of sweeping away its footprints with its tail but it amounted to nothing since it then left behind its tailprint. If you have really grasped Zen, the truly real, you will not get caught up on differences in sect or doctrine. If you have not really grasped Zen, then no matter how clever you may be, some residue will remain. When you "transcend sect and overcome doctrine," then nothing at all remains. This is the world of the complete circle. Your ultimate objective is that state where there is nothing left. We usually think this is where things end but *The Ten Oxherding Pictures* go on to explain that there are even further stages of Zen training. There is first, destroying that circle, then "Return to the Origin, Back to the Source" and finally "Reentry into the Marketplace" where you start again from scratch, where not even satori is left.

sẽ bàn luận kinh Lăng-già nói khác kinh Niết-bàn, tổ Bồ-đề Đạt-ma nói ngược với Lục Tổ, sẽ nhầm lẫn vì câu cú và chập dính vào thuật ngữ; sẽ trói buộc vào sự khác biệt giữa các học thuyết tông phái. Giống như rùa linh cố xóa bỏ dấu vết bằng cách kéo lê đuôi. Chắc chắn rùa khéo léo muốn quét sạch để bôi mất vết tích nhưng sẽ không đi đến đâu vì vẫn để lại dấu đuôi. Nếu thực sự hội Thiên, Thiên chân chánh, sẽ không trói buộc vào giáo điển hay tông phái. Nếu không thực sự hội Thiên, cho dù khéo léo kiểu nào, vẫn để lại dấu vết. Một khi "siêu tông việt cách" sẽ không còn gì để lại. Đến đây là giới xứ của viên tướng. Chỗ cứu cánh là tâm thái không còn gì. Chúng ta thường nghĩ đến đây chấm dứt, nhưng Mười Bức Tranh Chăn Trâu tiếp tục giải thích là còn giai đoạn tu tập thêm nữa. Trước tiên phá bỏ viên tướng, "Trở về Nguồn Cội" và cuối cùng "Thông tay vào Chợ", chỗ khởi sự lại từ nơi xuất phát, chỗ ngay cả chúng ngộ cũng không còn.

In recent times a priest, Seigo Zenji, has appeared who takes into consideration the basic condition of his followers, and then, like a doctor matching treatment to ailment, uses pictures of an ox to adapt his teaching to their individual capacities.

Around that time, a Soto Zen priest named Seigo Kosho Zenji had been using a "skilful means" suited to the condition of his followers just as a doctor's treatments are suited to his patients' ailments. He adapted his teachings to his followers' abilities by drawing pictures of an oxherd saying that one imitates the training of a wild ox. Even from very ancient times, there was a custom of learning from the ox. Because the precept against killing living things is so widely accepted in India, India is sometimes called an animal's paradise. The ox is not killed. No one gets angry even if an ox wanders down the middle of a busy street blocking traffic. In Hinduism, the ox is considered a messenger of the gods and is treated with great respect. Accordingly, the keeping of an ox became also the training of one's own spirit on the highest level. In *The Sutra on the Last Teaching of the Buddha*, there is this analogy:

Lúc bấy giờ, Thiên Sư Thanh Cư xem nơi căn cơ chúng sanh hợp bệnh cho thuốc, làm bản đồ mười mục chặn trâu theo cơ nói giáo.

Lúc bấy giờ, Thiên sư Thanh Cư dòng Tào Động dùng "phương tiện thiện xảo" ứng hợp căn cơ chúng sanh như lương y tùy bệnh cho thuốc. Ngài chỉ giáo người học theo căn cơ của họ bằng cách vẽ ra mười bức tranh người chặn điều phục trâu hoang. Từ xưa đã có thông lệ tu học theo con trâu. Bởi vì luật cấm không sát sanh áp dụng rộng rãi ở Ấn Độ, nước Ấn thường gọi là thiên đường của thú vật. Trâu bị cấm giết hại. Không ai tức giận khi trâu đi vào đường phố cản trở xe cộ lưu thông. Theo Ấn giáo, trâu tượng trưng sứ giả của thượng đế và rất được tôn kính. Do đó bảo trọng trâu giống như điều phục tâm ý ở trình độ tu luyện cao nhất. Trong kinh Di Giáo có ẩn dụ:

just as you must firmly lead the ox by the nose and not let it run wild in the neighbor's field, so also you must tie a rope tightly to your heart-mind and not let it run wild. In China also, in the Zen sect, the ox represents the human heart-mind. There are koans like "Sekkyo's Ox" and "Isan's Water Buffalo".

And then there is Nansen Osho's challenge, "Give the ox a bath." Once Nansen came round to the living quarters of the monastery and found one of the monks boiling up the bath. Well, once it's hot enough, give the ox a bath first, will you... When the bath was ready, the monk went round to the Master's quarters and announced, "... Ahem. The water is hot now, Mr. Ox. You can take your bath." At this, Nansen replied, "Well, you said you were going to give the ox a bath but did you bring a rope for leading him?" The monk couldn't reply. He was slightly alive to the situation but his sham was quickly exposed. Just then, Joshu Osho, the head of Nansen's disciples, returned.

Nansen said, "You've come back at just the right time. This monk said he was going to give the ox a bath but he forgot to bring the rope."

At this, Joshu at once grabbed Nansen by the nose and pulled him out coaxing,

phải nắm chặt trâu ngay mũi và không để chạy bừa vào đất hàng xóm, cũng giống như nắm chặt dây và tâm ý của mình không để chạy hoang. Ở Trung Hoa, Thiền tông cũng vậy, trâu tượng trưng tâm ý. Có công án "Trâu của Nam Tuyền" và "Trâu nước của Qui Sơn."⁷

Một hôm Nam Tuyền đi quanh chùa thấy một vị tăng đang nấu nước tắm cho đại chúng.

Nam Tuyền bảo: "Khi nước nóng hãy cho trâu đực đến tắm trước."

Khi nước nóng vị tăng liền tìm đến phương trượng Nam Tuyền báo: "Nước đã nóng xin mời ngài Trâu đực đi tắm."

Nam Tuyền nói: "Được, nếu mời trâu đi tắm có mang theo dây để dẫn trâu không?"

Tăng không đáp được. Ngay lúc đó Triệu Châu, trưởng tử của Nam Tuyền vừa về đến.

Nam Tuyền bảo: "Ông về kịp lúc. Tăng dẫn trâu đi tắm mà quên dây vàm."

Tức thì, Triệu Châu nắm ngay mũi Nam Tuyền vừa dẫn đi vừa nói:

⁷ Xem Phụ Bản 1.

"Come along now. Come along now. This way. Come this way." Nansen was completely taken aback. "Okay! Okay! But you don't have to be so rough," was how Nansen showed his approval of Joshu. Likewise we too must firmly take hold of this ox so that we can use it freely.

In addition to the present *Ten Oxherding Pictures*, there are also Funmyo Zenji's *Ten Oxherding Pictures* and Jitoku Zenji's *Six Oxherding Pictures*. Furthermore, in the *Agama Sutras*, there are the "Twelve Rules of the Ox". From these you can see how from ancient times, the taming of the ox has been used as a model for how we are to use our own buddha-nature. Seigo Zenji's version of *The Ten Oxherding Pictures* are also included in the *Shòyòroku (Record of Serenity)*. Here, at first, the ox is shown as all black. Then gradually as training advances, starting with its head it turns white; eventually it turns completely white.

At first, he shows stages of not yet realized ability as gradations of whiteness, then he displays the root potential slowly ripening into the attainment of pure truth.

In the beginning, just the top of the ox's head is white and the rest of the body is completely black.

"Xin mời đi đường này."

Nam Tuyên hoàn toàn bị dẫn đi.

"Được, được! Nhưng sao thô quá!"

Nam Tuyên thâm nhận Triệu Châu. Cũng vậy chúng ta phải giữ chặt trâu sao cho có thể sử dụng tự tại.

Ngoài ra còn có Mười Bức Tranh Chăn Trâu của Phổ Minh và Sáu Tranh Chăn Trâu của Tụ Đắc Tuệ Huy. Trước nữa trong trong kinh A-hàm có Mười Hai Mục Chăn Trâu. Từ xa xưa, đã sử dụng phương pháp chăn trâu như cách ứng dụng Phật tánh. Mười Bức Chăn Trâu của Thiền sư Thanh Cư có trong Thung Dung Lục. Trong sách này trâu ban đầu hoàn toàn đen, dần dần theo tiến độ tu tập đầu trắng trước rồi toàn thân trắng.

Ban đầu [trâu] đen dần dần trắng nói lên sức [huân tu] mạnh chưa đủ. Kế đến [trâu trắng đã] thuần chơn tiêu biểu cho căn cơ từ từ soi sáng.

Lúc đầu chỉ phía trên đầu trâu là trắng, toàn thân vẫn đen tuyền.

This is the stage where you understand, but you don't understand, the koan *Mu!* Then after seven years or eight years, as your practice in the meditation hall ripens, a white ox finally appears.

There, at the stage where both person and ox have disappeared from sight, he shows the extinguishing of both mind and things.

Gradually as your practice progresses and the ox turns completely white, you find you no longer have any use for the ox. The person who sought the ox also disappears. Person and ox are both gone from sight. In the beginning, you throw yourself completely into turning the ox white but when your practice has matured, when you and the ox become one, then there is neither a person seeking the ox nor an ox to seek. There is only the perfect circle where both mind and object have disappeared. This is what Seigo Zenji's version of *The Ten Oxherding Pictures* show to this point.

But here, though the principle underlying the pictures has reached its logical conclusion, his method of expression still leaves a kind of shroud.

Although the theory behind Seigo Zenji's version of *The Ten Oxherding Pictures* has been taken right to its logical limit,

Đây là giai đoạn tuy có hiểu, nhưng chưa hội, công án *Không!* Sau bảy, tám năm, khi công phu chín muồi, trâu trắng sẽ xuất hiện.

Sau rốt người trâu chẳng thấy, tượng trung tâm pháp cả hai đều hết.

Dần dần theo tiến độ tu tập và trâu hoàn toàn trở thành trắng, sẽ không cần sử dụng trâu nữa. Người tìm trâu cũng mất. Người và trâu cả hai đều mất. Lúc đầu mới tu, phải mang hết thân tâm để biến trâu đen thành trắng, nhưng khi công phu lão luyện, khi người và trâu hiệp nhất, sẽ không còn người tìm lẫn trâu để tìm. Chỉ có vòng tròn viên tượng là chỗ tâm và pháp đều không. Đây là lời giảng của Thiền sư Thanh Cư.

[Tuy] lý ấy đã tột cội nguồn, pháp [tu] kia vẫn còn che đậy,

Mặc dù lý lẽ của Thiền sư Thanh Cư trong lời giảng đúng phần nào,

nevertheless it still leaves the one circle where neither person nor ox remain; this is like a shroud that has not yet been removed.

Because of this, those whose practice is still shallow of root will have doubts and those of limited ability will be thrown into confusion; they may even fall into nihilism or plunge into eternalism.

Here those whose practice has not yet reached maturity will become confused. On seeing Seigo Zenji's version of *The Ten Oxherding Pictures* and being told that the disappearance of person, ox and of everything else, is fine, people of mediocre or lesser ability will plunge into the world of nihilism. Or they may cling to "Fundamentally there is not one thing" and get fixated with the idea that *Mu* is something eternal, that emptiness is something eternal. But the truth of the matter is that you must leave that world of nothingness, return to your original somethingness, and start again from scratch. Here Seigo Zenji's version of the *Ten Oxherding Pictures* suffer from the defect that they may mislead those whose practice is still not mature.

nhưng vẫn còn vòng tròn viên tướng trâu người đều mất; giống như còn tấm màn chưa vén ra hết.

khuyến kẻ căn cơ bậc trung và hạ nghi ngờ phân vân, rơi vào không ngộ (đoạn kiến) hoặc kẹt vào thường kiến.

Đây là chỗ người công phu chưa thuần thực vẫn còn nhầm lẫn. Đọc lời giảng của Thanh Cư đến chỗ người, trâu và mọi sự khác đều mất, thấy khả quan, hành giả căn cơ bậc trung và hạ sẽ rơi vào không ngộ hay đoạn kiến. Hoặc sẽ kẹt vào chỗ “Xưa nay không một vật” và chấp dính vào cái *Không* này cho là thường hằng. Nhưng đúng ra là phải ra khỏi *Không* giới, trở về cái hằng hữu xưa nay, và bắt đầu lại từ mới hỗn tạp. Chỗ này lời giảng của Thanh Cư đối với người chưa công phu thuần thực sẽ gây lầm lạc.

Now, when we look at Sokko Zenji, though he models his pictures after those of his talented predecessors, he nevertheless expresses his own mind; his ten verses are so well composed, they illuminate each other with their brilliance.

Now, if we look at *The Ten Oxherding Pictures* by Sokko Zenji, that is, Kakuan Osho, we see that he has used the works of Seigo Zenji, Funmyo Zenji and other past teachers as models; however he has taken the good parts from them and used them to express his own spirit. To each individual picture he has appended a beautiful poem in the Chinese style; the ten poems together possess a glowing brilliance. It is truly a fine work. In previous versions of *The Ten Oxherding Pictures*, there was something lacking but with Kakuan Osho's pictures, for the first time, we have a completely satisfying work.

From the very first "Being Lost" to the final "Return to the Source", his skilful ministering to the abilities of his followers is comparable to feeding the starving and bringing water to the thirsty.

From the very first arousing of the Bodhi-mind which seeks for the lost ox to the final return to the utter naturalness of things just as they are,

Nay Thiên sư Tác Công nghĩ đến mô phạm của bậc Tiên Hiền, bày tỏ từ chính tâm mình [làm thành] những bài tụng hay, [soi sáng lẫn nhau].

Bây giờ xem lời giảng của Thiên Sư Tác Công, hòa thượng Quách Am, sẽ thấy là vẫn dùng lời giảng của Thanh Cư, Phổ Minh và mẫu mực của chư vị cổ đức; cho dù lấy phần hay sử dụng để diễn bày ý riêng của mình. Nơi mỗi bức tranh Quách Am đều viết bài tụng; mười bài tụng thật sáng chói. Thật là tuyệt phẩm. Trong văn bản Mười Bức Tranh Chăn Trâu trước có thiếu sót nhưng với tranh của Quách Am, lần đầu tiên, là một tác phẩm toàn hảo.

Ban đầu từ chỗ mất trâu rốt đến hoàn nguyên, khéo ứng hợp quần cơ như cứu người đói khát.

Từ sự phát khởi tâm Bồ-đề đầu tiên tìm kiếm trâu lạc đến sự trở về rốt ráo tính bản nhiên tuyệt đối của sự vật tự như như,

these ten stages thoughtfully minister to each person according to each one's level of practice. This is truly like bringing food to the starving or water to the thirsty.

In turn, I, Jion, have used these pictures to seek and understand the mystery and meaning of the Dharma, to touch and grasp its profound subtleness. Just as the eyeless jellyfish uses the shrimp as its eyes in its search for food, so also I have used these pictures as my eyes.

Jion is the person who writes this Introduction. He is said to have been the disciple of Kakuan Osho. Jion is saying that he himself through these pictures was able to seek and finally grasp the meaning and mystery of Zen, to take in and savor its subtle and mysterious flavor. The jellyfish mentioned here apparently has neither eyes nor ears; it can only float aimlessly in the water. How does a jellyfish without eyes find food, you may ask? Within the loose folds of its body, there is a parasol-like organ which emits a sweet secretion that attracts shrimp. The shrimp live permanently within the loose folds of its body. When a predator approaches, the shrimps flee taking the jellyfish with them; when they move to better feeding grounds, they drag the jellyfish along.

mười giai đoạn này chỉ dạy cặn kẽ từng người ứng hợp từng cấp độ công phu, thực sự giống như mang thức ăn cho người đói hoặc đưa nước cho người khát.

Rồi [tôi,] Từ Viễn, nương đây sưu tầm diệu nghĩa, lượm lặt chỗ huyền vi [của Phật pháp], như con thủy mẫu (sứa) muốn đi ăn phải nương con tôm làm mắt dẫn đường, [như chính tôi cũng vậy sử dụng tranh chăn trâu này làm mắt].

Từ Viễn, người viết Lời Dẫn này, là đệ tử của Quách Am. Từ Viễn qua Tranh Chăn Trâu đã hội được lý Thiên huyền nhiệm, chứng nghiệm và nếm trải hương vị vi diệu. Cá thủy mẫu không tai không mắt; chỉ bơi lội không định hướng trong nước. Vậy không mắt làm sao tìm mồi? Thân cá có những nếp gấp rộng bên trong có bộ phận giống chiếc dù tiết ra phân ngọt tôm tép rất ưa thích. Tôm thường sống trong nếp gấp của thủy mẫu. Khi gặp loài ăn thịt đến gần, tôm lội chạy trốn mang theo thủy mẫu; khi đi tìm mồi để ăn, tôm lại kéo thủy mẫu theo.

The jellyfish has no eyes but using the shrimp for eyes, it manages to avoid its enemies and forage for food. In the same way, Jion says he was able to use *The Ten Oxherding Pictures* as his eyes and with them plumb the dark and mysterious principle of Zen, grasp its subtle and mysterious truth.

Yet from the first "Searching for the Ox" to the final "Reentry into the Marketplace", I have willfully stirred up waves and attached horns sideways onto the ox's head.

As a reference or guide, Jion Osho has added a Preface to each picture from the first "Searching for the Ox" to the last "Reentry into the Marketplace." But he says that to do so was perhaps as willful and unnecessary as making waves, or as futile and pointless as attaching horns to the ox's head at some ridiculous angle. Perhaps it was as pointless as the proverbial adding feet to a drawing of a snake.⁸

⁸ "Adding feet to a drawing of a snake" is a Chinese proverb to illustrate the foolishness of doing what is unnecessary. Several attendants of a lord had received a flask of wine, enough only for one person. They decided to have a competition, the winner to take all the wine. The task was to draw a snake. One man finished first. Congratulating himself on his speed, he said, "I even have enough time to add feet." So he added feet. When another man finished his drawing, he declared that a snake does not have feet and took the wine. Thus the man who finished first lost the wine.

Loài cá thủy mẫu không mắt nhưng nương con tôm làm mắt dẫn đường, tránh kẻ thù ăn thịt cũng như đi tìm mồi. Cũng vậy, Từ Viễn nói ngài dùng Tranh Chăn Trâu làm mắt để dò tìm và soi sáng lý Thiên huyền nhiệm, và hội được diệu nghĩa.

Ban đầu từ tìm trâu, đến rốt sau buông thông tay vào chợ. Đó là gắng làm dậy sóng ngang sanh đầu sừng.

Giúp tham khảo hoặc chỉ dạy, Từ Viễn viết thêm Lời Dẫn cho mỗi bức tranh từ "Tìm Trâu" đến rốt sau "Thông Tay Vào Chợ." Nhưng ngài lại nói viết thêm như thế có lẽ chủ tâm và dư thừa như gắng làm dậy sóng, hoặc vô ích và bất lợi như gắn thêm sừng vào đầu trâu. Cũng chẳng cần thiết như cách ngôn nói vẽ thêm chân cho rắn.⁹

⁹ "Thêm chân cho rắn" là một câu tục ngữ của Trung Hoa minh họa sự ngu ngốc khi làm những việc không cần thiết. Nhóm hầu cận của một lãnh chúa nhận được bình rượu chỉ đủ cho một người. Họ quyết định ra một cuộc thi, người chiến thắng sẽ được hết phần rượu. Nhiệm vụ là vẽ một con rắn. Người vẽ xong đầu tiên tự chúc mừng tài vẽ nhanh của mình, anh nói, "Tôi còn đủ thời gian để thêm chân." Thế là anh vẽ thêm chân. Một người khác hoàn thành tác phẩm của mình, tuyên bố rắn thì không có chân và được rượu. Do đó, người đầu tiên mất phần rượu.

Furthermore, since fundamentally there is no heart-mind to be sought after, why then should there be any need to search for an ox?

Fundamentally, though one may search for the heart-mind, there is nothing there to seek. The Second Patriarch Eka Daishi said, "I have sought for my mind and it is nowhere to be found."¹⁰ No matter how much you may search for it or look for it, it is not something which you can grasp in your hand. Why then should you think that the ox is something that can be searched for, sought after and finally captured? If that is so, then hasn't Kakuan Oshò, in first searching for the ox and then eliminating it, done something quite unnecessary? Here Jion is needling Kakuan a bit.

Case number 91 of the *Blue Cliff Record* is called "Enkan's Rhinoceros Fan". Enkan is Enkan Saian Zenji, a successor in the Dharma to Baso Daitso Zenji; it is said that Empress Wu of the T'ang Dynasty took refuge with him.

One day Enkan Oshò said to his attendant, "Attendant, it's hot. Bring me that fan made of ox bone that I always use."

¹⁰ *Gateless Barrier* Case 41.

Còn không tâm có thể tìm nào có trâu để có thể kiếm?

Trên nguyên tắc, mặc dù chúng ta có thể tìm tâm, nhưng ở đây không một vật để tìm. Nhị Tổ Huệ Khả nói: "Con tìm tâm không thấy."¹¹ Dù có tìm đến đâu, tâm không phải vật có thể nắm trong tay. Vậy tại sao lại nghĩ trâu là vật phải tìm và cuối cùng sẽ được trâu? Nếu như thế, có phải Quách Am ban đầu tìm trâu rồi sau đó loại bỏ trâu, làm cho xong một việc rồi sau đó lại thấy không cần thiết? Chỗ này Từ Viễn lại cần đến Quách Am.

Công án 91 *Bích Nham Lục* "Cây Quạt Tê Ngưu của Diêm Quan." Diêm Quan Tề An, pháp tử của Mã Tổ Đạo Nhất; tương truyền Hoàng Đế Võ Tắc Thiên đòi Đường quy y với ngài.

Công án:

Một hôm, Diêm Quan gọi thị giả bảo: "[Thị giả, trời nóng.] Đem cây quạt tê ngưu lại cho ta¹²."

¹¹ Vô Môn Quan tắc 41.

¹² *Cây quạt tê ngưu* có cán làm bằng sừng tê ngưu. Con tê ngưu ở đây chỉ cho tâm chừng ngộ. *Đem lại cho ta*, ý Diêm Quan bảo thị giả hãy trình sớ ngộ ra. (D. G.)

The attendant was a simple person and replied, "Master, that fan is broken. You can't use it anymore." Whereupon Enkan Oshò made the incredible reply, "So, it's broken, is it? Well then, forget the fan. Just bring me the ox. Just lead the rhino in here."

The simple attendant was struck dumb and couldn't reply. Now, this story made the rounds of the monks.

They said, "What's the problem? If I had been that attendant, I would have known what to say," and each shot off a reply.

First, Tòsu Oshò composed this answer for the attendant: "I am not refusing to bring it, but I am afraid the horn is not perfect. If it is your wish, I can lead it out but believe me it is not anything you would want to see."

Next, Sekisò Oshò replied, "If I give it to you, Master, then it's gone. I'll give it over if you order me to, but if I present it to you then I don't have one."

Then, Shifuku Oshò drew a circle before the Master and very carefully drew the character for "Ox" inside.

Thị giả [không hiểu ý] thưa: “Cây quạt đã rách. [thầy không dùng được.]”¹³”

Diêm Quan trả lời thật kỳ đặc: “Cây quạt đã rách [rồi sao? Vậy] trả con tê ngu cho ta”¹⁴.”

Thị giả không đáp được¹⁵. Bấy giờ, câu chuyện làm trong đại chúng bàn tán xôn xao.

Họ nói: "Có vấn đề gì vậy? Nếu tôi là thị giả, tôi sẽ biết cách đáp," và mỗi người đều có câu trả lời.

Đầu Tử nói: “Chẳng từ chối mang quạt ra, nhưng ngại đầu sừng chẳng đủ”¹⁶.”

Thạch Sương nói: “Nếu phải trả cho Hòa thượng thì ta không muốn có vậy”¹⁷.”

Tư Phước vẽ một vòng tròn và vẽ chữ ‘ngư’ bên trong”¹⁸.

¹³ Vị tăng trả lời *cây quạt đã rách* ý muốn nói trước khi ngộ thì nỗ lực công phu, nhưng khi ngộ rồi không bám dính sở ngộ, giống như cây quạt đã rách nên liệng mất. Đến đây thì thị giả đúng, nhưng Diêm Quan hỏi thêm một câu khó hơn.

¹⁴ *Cây quạt đã rách, trả con tê ngu cho ta*: Có nghĩa vị tăng buông được một lớp ngã rồi, nhưng coi chừng còn một lớp ngã khác.

¹⁵ *Thị giả không đáp được*: (BA) “Thị giả leo lên con ngựa hay mà không biết cưỡi.”

¹⁶ *Chẳng từ chối mang quạt ra, nhưng ngại đầu sừng chẳng đủ*, (BA) “vì thực sự đã hoàn toàn rách nát.”

¹⁷ *Nếu phải trả cho Hòa thượng thì ta không muốn có vậy*: (BA) “Đây là một vật không thể cho hoặc lấy mà được. Chỉ có một cách: không có gì để đưa ra.”

¹⁸ *Vẽ một vòng tròn và vẽ chữ ‘ngư’ bên trong*: (BA) “Đây là thủ thuật của tông Qui Ngưu.”

He meant, "Here's the ox. Do what you want with it." Finally, Hofuku Oshò said, "Master, you had better ask someone else. You have become cranky in your old age, and seeing as this is so difficult a job now, perhaps you had better get another attendant."

They all spouted off an answer saying what they would have replied in the attendant's place. The original request, "Bring the rhino here" really meant "Show me your mind," or, in other words, "If you've really understood *Mu*, then show me that *Mu* that you've understood."

Well now, that story is in the *Blue Cliff Record*, but fundamentally, since the mind cannot be grasped, the ox cannot be anything that can be captured. If that is so, then in searching for the ox, Kakuan Oshò has done something completely unnecessary, so Jion reminds us.

Who is that devil that at the end enters the marketplace?

This so-called "Entering the marketplace with extended hands"—wandering around the streets, hobnobbing with Smith here and Jones there—what kind of spectacle is this?

Có nghĩa “Đây là con tê ngu. Ông muốn thì cứ làm theo ý.”

Bảo Phước nói: “Hòa thượng tuổi cao, cần phải mời người khác¹⁹.”

Tất cả đều đưa ra lời đáp thế cho thị giả. Yêu cầu ban đầu "mang con tê ngu cho ta" thực nghĩa là "mang tâm ra cho ta," hoặc nói cách khác, "nếu hội được *Không*, mang *Không* ra đây."

Trên đây là mẫu chuyện trong Bích Nham Lục, nhưng từ căn đề, vì tâm không nắm giữ được, nên trâu không phải là vật có thể chiếm đoạt. Nếu như thế, Quách Am trong công phu tìm trâu đã làm việc hoàn toàn dư thừa, và Từ Viễn nhắc nhở chúng ta.

Đến buông tay vào chợ ma muội làm sao?

Gọi là "Thõng tay vào Chợ"—tức lang thang phố thị đàn đúm, chén chú chén anh—cảnh tượng gì vậy?

¹⁹ Bảo Phước ý nói “Hòa thượng tuổi cao, cần phải mời người khác làm thị giả, vì con không kham nổi,” tức con không dựa vào trách nhiệm này.

If we're being taught such craziness, then we're in trouble.

And what is worse, when an ancestor's tomb is not completed, then misfortune strikes the descendants.

This phrase comes from a text called the *Ninden Ganmoku*. It means, if an ancestor has left behind some unfinished business, then misfortune is sure to strike his descendants. "My illustrious ancestor has created this useless thing called *The Ten Oxherding Pictures*, so unless I put the finishing touches on it and send it out into the world, then I, the descendant, will face misfortune," so Jion Oshò is saying with a little theatrical exaggeration.

Thus, recognizing that it may all be nonsense, I present this commentary.

It may all be incoherent nonsense but hoping to enhance even just a little these *Ten Oxherding Pictures* bequeathed by my ancestor, I, Jion, present this commentary, the unnecessary frettings of a good-intentioned, old lady. With this, Jion Oshò brings his Introduction to a close.

*

Nếu xem đó là khủng điên thì sai lầm.

Huống là cha ông chẳng rõ, họa đến cháu con.

Câu này trong Nhân Thiên Nhân Mục. Có nghĩa nếu cổ đức để lại việc chưa làm xong, chắc chắn con cháu sẽ bất hạnh. "Tổ tiên lừng lẫy của tôi đã tạo ra thứ vô dụng này tên là Mười Bức Tranh Chăn Trâu, vì vậy nếu tôi không phác họa những nét hoàn thiện và gửi cho thế gian, thì tôi, hậu duệ, sẽ phải gặp bất hạnh", vì vậy Từ Viễn mạnh dạn nhắc nhở.

[Do đó] chẳng ngại hoang đường tôi thử làm đề xướng.

Có thể là ý nghĩa không mạch lạc nhưng mong mỗi đề cao *Tranh Chăn Trâu* của cổ đức truyền lại, dù phần nào ít ỏi, tôi Từ Viễn, làm đề xướng không cần thiết với tâm lão bà tha thiết. Và như thế, Từ Viễn kết thúc phần Giới Thiệu của mình.

*

The Ten Oxherding Pictures - Sheng Yen

Of the various symbolic schemes devised to express the dynamics of the Chan path that of the oxherder and the ox is perhaps the most popular. The image of "herding the ox" is an old one in Chinese Buddhist lore. The *Yijiao ching* ("Sùtra of the Bequeathing of the Teaching") likens the Buddhist practitioner to an oxherder who—ever watchful, ever patient—herds his ox with stick in hand, never letting it stray. In Chan tradition he becomes a model for the meditator, who must constantly guard his or her mind to prevent it from straying into defilement.

In one of the most celebrated examples of this ox metaphor, Mazu Daoyi (709-788) is said to have once asked a monk tending the fires in the kitchen, "What are you up to?"

The monk replied, "Tending the ox."

"How does one tend the ox?" Mazu pressed.

The monk answered, "When he strays into the grass, I pull his nose back onto the path."

"You really do know how to tend the ox!" Mazu replied.

Mười Bức Tranh Chăn Trâu - THÁNH NGHIÊM

Trong những đồ hình biểu trưng diễn tả động lực Thiền tập, người chăn và con trâu có lẽ thông dụng nhất. Hình ảnh "chăn trâu" thuộc về truyền thống đạo Phật Trung Hoa. Kinh Di Giáo ẩn dụ người tu là người chăn—thường xuyên xem xét, luôn luôn kiên nhẫn—tay nắm chặt roi, chăn dắt trâu không để chạy lạc. Trong Thiền tông người chăn là mẫu mực cho Thiền giả, phải thường xuyên chăn giữ tâm ý không cho chạy lạc vào trần lao.

Một mẫu chuyện nổi tiếng về ẩn dụ con trâu, là Mã Tổ Đạo Nhất (709-788), một hôm hỏi vị tăng đang nhóm lửa trong bếp: "Ông đang làm gì?"

Tăng đáp: - Chăn trâu.

Mã Tổ hỏi vặn lại: - Làm thế nào chăn trâu?

Tăng đáp: - Khi nó chạy lạc vào cỏ, con nắm mũi kéo trở về đường đi.

- Ông thật biết chăn trâu.

Similar instances where Chan practice is likened to "tending an ox" appear among the sayings of other masters of the Tang Period, including Baizhang Huaihai and Guishan Lingyou (771-853). The analogy seems to have been a pertinent one, for by the time the Chan tradition was reaching its full institutional development in the Song Dynasty (960-1276), "tending or herding the ox" had become a well-known metaphor for Chan training.

Precisely when and where people first began to illustrate the stages of Chan practice with graphic representations of harnessing, taming, and riding the ox home is not easy to determine. Historically speaking, two sets of oxherding diagrams, titles, and didactic verses have proved the most enduring—One by the Linji master Kuo'an Shiyuan (twelfth century), the other by a late eleventh—or early twelfth—century master of uncertain provenance known simply as Puming. Although these are the only versions extant today, Chan records of the Song Period indicate that many variations on the oxherding formula were in circulation at the time when Kuo'an and Puming composed their respective schemes.

Những giai thoại tương tự về Thiền tập giống như chăn trâu xuất hiện trong ngữ lục chư cổ đức đời Đường như Bá Trượng Hoài Hải và Qui Sơn Linh Hựu (771-853). Sự tương tự thật là thích đáng, vì thời điểm truyền thống Thiền đạt đến sự phát triển toàn diện vào thời Tống (960-1276), "chăn trâu" đã trở thành ẩn dụ nổi tiếng trong hành trì Thiền tập.

Chính xác khi nào và ở đâu lần đầu tiên có sự minh họa những giai đoạn tu Thiền với biểu đồ họa hình nắm giữ dây vàm, chăn dắt và cưỡi trâu về nhà, không phải dễ dàng để xác định. Trong lịch sử có hai bộ tranh chăn trâu, tựa đề và thi tụng giảng dạy lâu bền nhất—một bộ của Thiền sư Quách Am Sở Viên (thế kỷ 12) thuộc tông Lâm Tế, bộ kia không rõ chi tiết xuất xứ, chỉ biết của ngài Phổ Minh (cuối TK 11 hay đầu TK 12). Dù đến ngày nay chỉ còn hai bộ này, ngữ lục Thiền đời Tống cho biết có nhiều ấn bản khác nhau về phương thức chăn trâu lưu hành thời Quách Am và Phổ Minh trước tác.

D.T Suzuki in his *Manual of Zen Buddhism* counts four distinct versions. The Japanese Zen scholar Yanagida Seizan has found evidence for as many as six. Not only were they produced by persons of different lines—including the likes of Foyin Liaoyuan (1032-1098) and Foguo Weibai (eleventh century) of the Yunmen school. Qingju Haosheng (eleventh century) of the Caodong school, and several other figures from Kuo' an Shiyuan's Yangqi branch of the Linji school—but the number, title, and conceptual organization of the stages varied considerably. There were versions with as few as five, six, or eight pictures, and versions with as many as twelve. Some depicted the ox itself changing color from black to white, much like the famous diagrams of "taming the elephant" from the Gelugpa school of Tibetan Buddhism. Others kept it entirely black. Some had the ox and oxherder completely vanish, to be replaced by an empty circle signifying the inconceivable substance and function of perfect enlightenment. Others appended additional diagrams depicting the reemergence of phenomena, ostensibly in order to emphasize the enlightened bodhisattva's continued activity in the world.

Trong *Manual of Zen Buddhism* của D.T Suzuki tính ra có bốn bản. Học giả Nhật Bản Yanagida Seizan tìm ra chứng liệu có đến sáu bản. Không chỉ khác tác giả mà còn khác tông phái—kể cả Phật Ấn Liễu Nguyên (1032-1098) và Phật Quốc Duy Bạch (TK 11) thuộc tông Vân Môn. Thanh Cư Hạo Thăng (TK 11) thuộc tông Tào Động, và nhiều vị khác từ Quách Am Sư Viễn thuộc tông Lâm Tế phái Dương Kỳ—nhưng hạng mục, tựa đề và cách sắp xếp các giai đoạn khác nhau rất nhiều. Có bản ít tranh hơn chỉ 5, 6 hoặc 8 bức, và có bản nhiều đến 12. Có bản vẽ trâu từ đen thành trắng, giống như tranh "chăn voi" của phái Gelugpa thuộc Phật giáo Tây Tạng. Những bản khác thì giữ thuần đen. Có bản trâu và người chăn hoàn toàn biến mất, thế bằng viên tướng Không chỉ ra thể và dụng bất khả tư nghì của giác ngộ viên mãn. Có bản khác vẽ thêm hình miêu tả việc xuất hiện trở lại thế giới hiện tượng, rõ ràng có ý nhấn mạnh Bồ-tát giác ngộ tiếp tục sinh hoạt giữa lòng đời.

Of the various sets of pictures and verses that circulated in China during the eleventh and twelfth centuries, all have vanished except for those of Kuo'an Shiyuan and Puming. In China and Korea, Puming's version has received the most widespread attention. By contrast, Kuo'an's set has seen only sporadic publication and comment, as when the Ming Dynasty Buddhist reformer Yunqi Zhuhong (1535-1615) included it as an appendix to his reprinting of Puming's verses and diagrams. In Japan, the situation is the reverse. Kuo'an's diagrams and verses were introduced when Chan (Zen) was transmitted to the Japanese isles during the Southern Song (1127-1279) and Yuan (1279-1367) Periods. There they were published together with Sengcan's *Verses on Faith in Mind* (*Xinxin ming*), Yongjia's *Song of Enlightenment* (*Zhengdao ge*), and Changlu Zongze's *Treatise on Sitting in Meditation* (*Zuochan yi*) and circulated in medieval Rinzaï Zen monasteries as one of "four foundational works of the Zen school."

With the recent publication of several English-language translations, Kuo'an's ten oxherding pictures and verses have, in turn, become popular among Western practitioners connected with Japanese Zen.

Trong những bộ tranh và thi kệ lưu hành ở Trung Hoa thế kỷ 11 và 12, tất cả đều không còn trừ bộ tranh của Quách Am Sư Viễn và Phổ Minh. Ở Trung Hoa và Triều Tiên, bộ tranh của Phổ Minh được chú ý nhiều nhất. Trái lại, bộ tranh của Quách Am chỉ ẩn hành và luận giải rải rác, trong khi vị cải cách Phật giáo đời Minh là Vân Thê Châu Hoàng (1535-1615) cho vào phụ lục trong lần tái bản tranh và kệ tụng của Phổ Minh. Ở Nhật tình trạng ngược lại. Tranh và kệ tụng của Quách Am phổ biến khi Thiền tông truyền vào quần đảo Phù Tang vào đời Nam Tống (1127-1279) và Nguyên (1279-1367). Những bộ tranh này ẩn hành chung với *Tín Tâm Minh* của Tam Tổ Tăng Xán, *Chứng Đạo Ca* của Vĩnh Gia Huyền Giác, và *Tọa Thiền Nghi* của Trường Lô Tông Trách và lưu hành trong các Thiền viện Lâm Tế thời xa xưa xem như một trong "bốn tác phẩm căn bản của Thiền tông."

Qua những ấn bản dịch sang tiếng Anh mới đây, tranh chăn trâu và kệ tụng của Quách Am, một lần nữa, phổ biến trong giới người tu theo Thiền tông Nhật Bản ở Tây phương.

Given the current high level of interest and familiarity that the system enjoys among Westerners, I will confine my comments to the ten oxherding pictures and verses of Kuo'an Shiyuan. In the form we find them today, Kuo'an's original pictures and didactic verses are interspersed with prefatory cases and "harmonizing" verses by various later masters in the Chinese Linji line. The harmonizing verses are attributed to Shigu Xiyi (twelfth century), a grand-disciple of the Linji master, Dahui Zonggao (1089-1163).

THE TEN OXHERDING PICTURES

As the central theme that unites the sequence of oxherding pictures, what does the metaphor of the ox and oxherd mean to the Chan practitioner? Certainly, the quality of attentiveness is an essential virtue for good oxherding. In the Chan context, it is not difficult to understand its applicability: it signifies the extraordinary mindfulness and persistence required to train the mind. Every time the mind wanders from the correct practice or proper attention to the activity at hand, the meditator catches it and patiently pulls it back. Such a person never gets upset.

Để phương thức tu tập tăng cao mức độ lợi lạc và thân cận mà giới Tây phương ưa chuộng, tôi xin tiếp cận bình giải mười bức tranh chăn trâu và kệ tụng của Quách Am Sư Viễn. Theo như chúng ta thấy hiện nay, tranh họa và kệ tụng nguyên bản của Quách Am xen kẽ với lời dẫn và thi tụng "hài hòa" của nhiều vị Thiền sư Lâm Tế đời sau. Thi tụng hài hòa thuộc về Thiền sư Thạch Cổ Hi Di (TK 12), đại đệ tử của Đại Huệ Tông Cảo (1089-1163) thuộc tông Lâm Tế.

MƯỜI BỨC TRANH CHĂN TRÂU

Vì chủ đề chánh yếu hiệp nhất toàn bộ mười bức tranh chăn trâu, vậy trâu và người chăn ẩn dụ điều gì đối với Thiền giả? Chắc chắn chú tâm là đức tính thiết yếu cho việc chăn trâu mỹ mãn. Trong nhà Thiền, tính ứng dụng tương đối dễ hiểu: đó là chánh niệm kiên trì đòi hỏi trong sự luyện tâm. Mỗi khi tâm ý lang thang ra khỏi pháp tu đúng hoặc tán tâm đối với hoạt động ngay trước mắt, hành giả nắm lại và kiên nhẫn kéo về, như thế hành giả sẽ không loạn động.

He or she doesn't regret what has passed, doesn't anticipate the future, but, remaining constantly alert to the mind's deviations, catches the wayward mind and gently puts it back on track. In fact, the very awareness that the mind has wandered is itself proper practice, for as soon as it is detected the problem is already corrected. This is watching and reining in the ox. But what is this ox? Who, precisely, is the herder, and what is the significance of their journey homeward?

The oxherder is the practitioner, not in the conventional sense of a total human being or personality, but in the more specific sense of the inner "self," or "I," who is engaged in and motivated to practice. The path is the right direction to go—the course of spiritual growth that leads back to one's original "home" of intrinsic enlightenment, or Buddhahood. As the proper course to follow, it may also be considered part of the method of practice.

These images are fairly easy to comprehend. However, that of the ox is more ambiguous. Generally speaking, one could say that the ox represents the mind and its activities. It is the primary object to which the practitioner directs his or her attention, and that which he or she strives to cultivate or domesticate.

Hành giả sẽ không hối tiếc quá khứ hoặc phóng đến tương lai, nhưng, thường xuyên tỉnh giác khi tâm ý đi lệch, nắm giữ tâm ý ương ngạnh và chặn dắt trở về pháp tu. Đứng ra, chính tỉnh giác tâm ý lang thang tự là pháp tu, vì ngay khi phát hiện thì vấn đề đã giải quyết. Đó là quan sát và chặn trâu. Nhưng trâu là gì? Người chặn là ai, và rong ruổi về nhà ý nghĩa thế nào?

Người chặn là hành giả, không phải theo nghĩa quy ước là toàn thể sinh mạng hay cá nhân, nhưng có nghĩa đặc biệt là "ngã" nội tại, hoặc "cái tôi" dẫn mình và nhiệt tình tu tập. Đường Đạo là hướng đúng để đi—đường tu tiến dần đến bản "gia," bản giác hay Phật tánh. Vì phải đi theo như thế nên có thể xem đây là thành phần trong công phu tu tập.

Những bức tranh thì dễ hiểu. Tuy nhiên, chính trâu có vẻ tối nghĩa. Nói chung trâu tượng trưng tâm ý và sự vận hành của tâm. Đây là đối tượng đầu tiên hành giả phải chú ý, và phải phấn đấu điều phục hoặc thuần hóa.

But what exactly do we mean by "the mind" here? In Chan, we often speak of the mind as inherently enlightened, and equate "seeing the ox" with a "glimpse into one's original nature." Thus, on the one hand, the ox may be seen as the great white ox of enlightened Buddha-nature. Seeking, discovering, taming, and riding the ox home would then signify the process of awakening to and actualizing one's true nature to the point where it is fully integrated with all aspects of life. On the other hand, the ox is characterized as wild and unruly, and must be forcibly restrained from wandering off into the weeds of desire and deluded thinking. This image seems more suggestive of the mind of vexation than the mind of enlightenment. Full enlightenment is achieved only after the practitioner succeeds in finding the ox, harnessing it, subduing it, and herding it down the road to his true home, where it finally disappears.

Both views are admissible, for, conceptually speaking, the mind of affliction is not separate from the mind of enlightenment. As Huineng says, "Deluded, a Buddha is a sentient being; awakened, a sentient being is a Buddha. ... If the mind is warped, a Buddha is a sentient being; if the mind is impartial, a sentient being is a Buddha."

Nhưng chính xác "tâm" ở đây nghĩa là gì? Tâm trong Thiền thường là bản giác, và "thấy trâu" tương đương với "thấy bản tánh." Do đó, trên một phương diện, trâu có thể xem là trâu trắng của Phật tánh đã khai ngộ. Tìm kiếm, khám phá, chần dặt và cưỡi trâu về nhà có nghĩa tiến trình chứng ngộ và hiện hành tự tánh đến chỗ hòa nhập toàn diện vào mọi khía cạnh cuộc đời. Mặt khác, trâu với bản chất hoang dã bất trị, và cần phải ngăn chặn mạnh bạo tránh lang thang vào đồng cỏ ái dục và niệm tưởng mê vọng. Hình ảnh tâm phiền não gợi ý hơn tâm giác ngộ. Chỉ hoàn toàn giác ngộ khi hành giả tìm được trâu, nắm giữ dây vàm, khuất phục nó, và chần dặt xuống đường dẫn về ngôi nhà chân thực, đến chỗ cứu cánh thì ngôi nhà cũng mất.

Cả hai quan điểm đều chấp nhận được, bởi vì, trên lý đạo, tâm mê không rời xa tâm ngộ. Như Huệ Năng nói, "Mê, Phật là phàm phu; ngộ, phàm phu là Phật... Nếu Niệm trước mê tức phàm phu, niệm sau ngộ tức Phật."

In fact, affliction and enlightenment define one another—you cannot understand, much less perceive, one without the other. In the third frame of the oxherding pictures, when the practitioner sees the ox, he not only discovers his true nature, but also comes to know what vexation really is. The subsequent process of harnessing, taming, and herding the ox home involves a simultaneous effort to subdue the mind of vexation and further actualize the mind of enlightenment. Moreover, one will notice that, as practice progresses, the ox, the oxherder, and the relationship between the two changes radically.

In Puming's version of the oxherding pictures, the ox is depicted as gradually oxherder disappear altogether. In the seventh of Kuo'an Shiyuan's ten diagrams, the ox vanishes, leaving only the practitioner. In the eighth, they both have disappeared. What does this signify? Originally, there is no enlightenment to be attained, no person to seek it. Ox and person do not really exist at all. They are illusory distinctions. In Chan, we say that there is really nothing to do, nothing whatsoever to attain. However, people don't understand this deceptively simple fact, so they feel they must learn what it means to "have nothing to do." This is Chan practice.

Đúng ra mê và ngộ xác định lẫn nhau—không thể lĩnh hội hay nhận biết sự kiện này mà thiếu sự kiện kia. Trong tranh số 3, khi người chăn thấy trâu, không phải chỉ khám phá chân tánh nơi mình mà còn nhận biết phiền não thực sự thế nào. Tiến trình kế tiếp nắm giữ dây vàm, chăn dắt, và cưỡi trâu về nhà bao gồm nỗ lực liên tục điều phục tâm phiền não tiến đến hiện hành tâm giác ngộ. Lại nữa, nhận ra như thế khi công phu tiến triển, trâu, người chăn, và mối tương quan giữa cả hai sẽ thay đổi triệt để.

Tranh của Phổ Minh vẽ trâu cùng với người chăn từ từ mất. Tranh số 7 trong mười bức của Quách Am, mất trâu còn người. Tranh số 8 cả hai đều mất. Thế nghĩa là gì? Xưa nay không có giác ngộ để đạt, không có người đi tìm. Trâu và người thực sự đều không hiện hữu, chỉ là sai khác hư vọng. Thiền thì không một việc để làm, không một vật đạt đến. Tuy nhiên, thiên hạ không nhận ra sự kiện gián dị có vẻ hư dối này, do đó họ cảm thấy phải học ý nghĩa “không một việc để làm.” Đó là tu tập Thiền.

The ox is the manifest object or concern of the practitioner, whether it is the mind of enlightened insight, the mind of affliction, or both. The oxherder is the inner voice, or sense of self, of the practitioner. Possessed of the resolute urge to seek enlightenment, the oxherder applies the harness and whip of Chan meditation to the ox. The successive transformations that take place in the relationship among ox, oxherder, and the journey home describe the profound evolution in one's understanding of enlightenment, vexation, self, and practice that occurs over the course of spiritual development. Ultimately, the ox is not really an ox, the person not really a person. As the dualistic distinction between the two vanishes, they revert to one. Yet even this perfect unity cannot be spoken of as "one."

Thus, to try to define the ox strictly as the enlightened mind or the mind of vexation can be misleading. One should not lay too much weight on the fact that, in Kuo' an's ten diagrams, the environment and practitioner reemerge after ox and oxherder vanish, whereas, in Puming's, they do not. Both intend to chart the Chan path to its full completion in the marvelous and inconceivable function of full enlightenment, but they convey it differently.

Trâu là đối tượng thể hiện hoặc mối quan tâm của hành giả, cho dù đó là tâm giác, hay tâm mê, hay cả hai. Người chăn là tiếng nói nội tâm, hoặc cảm thức của tự ngã, của hành giả. Với quyết tâm thúc bách tìm cầu giác ngộ, người chăn nắm giữ dây vàm và roi vọt của Thiên định ứng xử với trâu. Có sự chuyển hóa liên tiếp trong tương giao giữa trâu và người chăn, và hành trình về nhà diễn tả sự chuyển hóa thâm sâu trong sự lĩnh hội giác ngộ, phiền não, tự ngã, và công phu trong tiến độ tu tập. Cứu cánh, trâu không thực sự là trâu, người chăn không thực sự là người chăn. Vì phân biệt đối đãi giữa hai bên không còn nữa, cả hai hiệp nhất. Tuy vậy tính đồng nhất toàn hảo này cũng không thể nói là "một."

Nhưng, cố gắng định nghĩa trâu một cách tuyệt đối là tâm giác ngộ, hay tâm phiền não sẽ sai lầm. Không nên đặt nặng như thế, trong mười bức tranh của Quách Am, cảnh trí và hành giả lại xuất hiện sau khi trâu và người chăn đều mất, trong khi tranh của Phổ Minh không có. Cả hai bộ tranh đều có ý vẽ thật hoàn chỉnh con đường tu Thiền dẫn đến tính diệu dụng bất khả tư nghì của giác ngộ viên mãn, nhưng lại truyền đạt khác nhau.

Rather than be confused by such differences, it is more important to be aware of just how the relationship between ox and oxherder, self and objective, changes over the course of the ten pictures.

As a final word of caution, one must still be careful not to inflate the importance of such formal representations of the Chan path, for it may create the impression that there are hard and fast definitions of enlightenment and spiritual progress to which everyone's practice will conform. This is simply not the case. People's responses to training will vary according to their individual karmic capacities, as well as manifest causes and conditions. Some may develop very quickly and steadily, others slowly or intermittently. Likewise, the form and circumstances of their enlightenment experiences will vary. Thus, although schemes such as the ten oxherding diagrams and the Caodong five ranks provide valuable sense of the aims and tenor of the Chan path, in no way should they be considered definitive.

The discussion below is an interpretive commentary on the diagrams and verses of Kuo'an Shiyuan, together with appended prefatory cases and harmonizing verses.

*

Thay vì bị những sai khác làm rối rắm, tốt hơn nên biết rõ mối tương quan giữa trâu và người chăn, chủ thể và đối tượng, chuyển hóa như thế nào trong tiến trình của mười bức tranh.

Chữ cuối cùng cần trọng là ta cần phải dè dặt chớ quan trọng quá đáng những biểu thị con đường tu Thiền, vì có thể gây ra cảm tưởng định nghĩa thô thiên và vội vã về giác ngộ và công phu tu tiến theo ý mỗi người. Đây không phải như thế. Tùy theo căn cơ và nhân duyên hiện hành mà chúng ta hành trì khác nhau. Có người tu nhanh và vững chắc, có người chậm lụt hoặc không liên tục. Cũng vậy, dạng thức và hoàn cảnh giác ngộ thay đổi không giống nhau. Nhưng, mặc dù những giản đồ mười bức tranh chăn trâu và Ngũ vị quân thân của tông Tào Động có giá trị về ý hướng và mục đích tu Thiền, không thể nào xem là rất ráo được.

Luận giải sau sẽ diễn tả tranh họa và bình giải của Quách Am, cùng với lời dẫn và kệ tụng ở mỗi bức tranh.

*

1. SEARCHING the OX

Yamada Mumon

PREFACE:

Till now, the ox has never been lost. Why then do you need to search for it? Turning away from your own awakening, you became estranged from it; then enclosed by dust, in the end you lost it. The hills of home recede farther and farther away; you're lost as soon as the paths divide. Winning and losing consume you like flames. Right and wrong rise round you like blades.

VERSE:

Beating about the endless wild grass, you seek and search,

The rivers broaden, the mountains stretch on and the trails go ever deeper.

Your strength exhausted and spirit wearied, no place allows you refuge.

The only sound-evening cicadas shrill in the maples.

TRANH THIÊN TÔNG SỐ 1: TÌM TRÂU

HT Thích Thanh Từ dịch

DẪN:

Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm. Do trái tánh giác trở thành xa cách. Bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp. Quê nhà dần xa lối rẽ chợt lờ mờ. Được mất bưng



lên, phải quấy đua khởi.

TỤNG:

*Mang mang bát thảo khứ truy tâm
Thủy hoạt sơn diêu lộ cánh thâm
Lực tận thần bì vô mịch xứ
Đản văn phong thụ vãn Thiên ngâm.*

*(Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu
Núi thăm đường xa nước lại sâu
Kiệt sức mệt mỏi tìm chẳng thấy
Chỉ nghe véo vắt giọng ve sầu.)*

1. YAMADA MUMON

Today we begin the first talk on the Ten Oxherding Pictures. The first step is to go out in search of the ox. We are at the stage of *hotsu bodaishin*, "arousing Bodhi-mind," the desire for enlightenment where each person affirms the vow to seek the Buddha-dharma. All your practice is in vain if you do not first make that affirmation of the vow. These days we are often told that we must live our lives with hope. That is very important of course, but in Buddhism the affirmation of the vow is what is primary. There are people who lack the fire to bring light into their own future; they lapse into wishful thinking hoping someone else will provide that light for them. Having nothing to do with this kind of thinking. You must affirm the vow never to give up until you have become a buddha and brought peace to this world. The Jodo (Pure Land) School of Buddhism teaches that we are saved through Amida Buddha's Original Vow. It does not teach that we are saved by Amida Buddha's satori or by Amida Buddha's teachings. It is by Amida Buddha's Original Vow that we are saved, by his affirmation of the vow that we may not go unsaved.

1. SƠN ĐIỀN VÔ VĂN

Hôm nay chúng ta bắt đầu Pháp thoại Mười Bức Tranh Chăn Trâu. Bước đầu hành giả đi tìm trâu. Chúng ta đang ở giai đoạn "phát Bồ-đề tâm," khao khát giác ngộ khiến mỗi người phát nguyện tìm cầu Phật pháp. Mọi sự tu tập đều vô ích nếu trước tiên không xác định lời nguyện. Thời nay chúng ta thường nói phải sống đời mình trong hy vọng. Đương nhiên là quan trọng, nhưng đối với Phật giáo đầu tiên phải xác định lời nguyện. Người thiếu ngọn lửa mang ánh sáng đến tương lai sẽ rơi vào ý nghĩ hy vọng có người khác mang ánh sáng đến cho mình. Không lợi lạc gì khi nghĩ tưởng như thế. Chúng ta phải giải quyết để tạo ánh sáng cho chính mình. Phải xác định lời nguyện không bao giờ ngừng tu cho đến khi thành Phật và mang bình an đến thế gian. Tịnh Độ tông dạy rằng tất cả chúng ta được Bản Nguyện Phật A-di-đà cứu độ. Nhưng không nói là chúng ta được sự giác ngộ hay giáo pháp của Phật A-di-đà cứu độ. Chính nhờ Bản Nguyện Phật A-di-đà chúng ta được cứu độ, nhờ Phật xác định lời nguyện mà chúng ta sẽ được cứu độ.

It is the same for us. We are not saved by our satori. We are saved by our affirmation of the vow that we must attain satori, attain enlightenment.

The Pure Land School says that the Original Vow belongs to the Buddha. In Zen, we say that the Original Vow is ours; it belongs to one's self. It looks like we are making a distinction between two things here but if you look closely, you will see that they are the same. Each person's Original Vow is itself the Original Vow of the Buddha; the Original Vow of the Buddha is itself each person's Original Vow. In Buddhism, there is a saying: "The first arousing of mind, that moment, is already true realization." When you first affirm the vow to attain enlightenment, at that moment there is already a splendid enlightenment. Thus, the first step is that each one of you must affirm the vow. You must affirm, "Sentient beings are numberless; I vow to save them." You must affirm, "Delusive passions are inexhaustible; I vow to put an end to them." You must affirm, "Dharma teachings are unfathomable; I vow to master them." You must affirm, "The Buddha's way is supreme; I vow to attain it."

Đối với chúng ta cũng vậy. Chúng ta không phải được cứu thoát bằng sự giác ngộ, mà cứu thoát nhờ xác định phát nguyện đạt ngộ.

Tịnh Độ tông nói Bản Nguyện thuộc về chư Phật. Theo Thiền tông thì Bản Nguyện thuộc về chính mình; thuộc về mỗi người chúng ta. Có vẻ như chúng ta tạo ra khác biệt giữa hai sự việc, nhưng xem xét kỹ, cả hai không khác. Bản Nguyện mỗi người tự là Bản Nguyện của Phật; Bản Nguyện của Phật tự là Bản Nguyện mỗi người. Phật giáo nói: "Vừa phát Bồ-đề tâm, ngay đó là chứng ngộ (Sơ phát tâm tiện thành chánh giác.)" Khi xác nhận phát nguyện đạt ngộ, ngay lúc đó đã là chứng ngộ tuyệt vời. Như vậy, bước đầu tiên mỗi người chúng ta cần xác định lời thệ nguyện:

"Chúng sanh vô biên, thệ nguyện độ.

Phiền não vô tận, thệ nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng, thệ nguyện học.

Phật đạo vô thượng, thệ nguyện thành."

PREFACE:

Till now, the ox has never been lost. Why then do you need to search for it?

Going out to search for the ox—this is really about each one of you trying to grasp your original face before you were born, about you becoming aware of your spiritual self. Now then, "Till now, the ox has never gone astray." That is, do you recall ever having lost your buddha-nature? Has there ever been an occasion when you misplaced your original face? No, your buddha-nature, not just yours but everyone's buddha-nature, till now has never been lost, is not something which can be lost. Your original face is not something which you can leave lying around somewhere, not even once. When you eat, when you drink, when you lie down to sleep or when you awake and get up, this is all buddha-nature. These acts are all original face at work, are they not?

"Till now, the ox has never been lost. Why then do you need to search for it?" We are already living our daily lives within Buddha-nature. Isn't it then a little odd to go in search of it? Why should we have to search for it? Remember, "All sentient beings possess within themselves from birth the true source by which each develops into a buddha."

DẪN:

Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm.

Đi tìm trâu—chính là mỗi người chúng ta cố thấu suốt bản lai diện mục trước khi cha mẹ sinh ra, giác tỉnh trước chân ngã. Bây giờ, "Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm." Có nghĩa, chúng ta có nhớ mình đã từng lạc mất Phật-tánh bao giờ chưa? Có bao giờ đặt bản lai diện mục không đúng chỗ? Không, Phật-tánh nơi bạn, không phải chỉ Phật-tánh nơi bạn mà Phật-tánh nơi mọi người, từ lâu chẳng mất, không thể nào mất được. Bản lai diện mục không phải chúng ta có thể rời bỏ đâu đó, dù chỉ một lần. Khi ăn, khi uống, nằm xuống ngủ hoặc thức dậy đứng lên, tất cả đều là Phật-tánh. Mọi động tác thi vi đều là bản lai diện mục, chẳng phải vậy sao?

"Từ lâu chẳng mất, đâu cần kiếm tìm." Chúng ta đã từng sống đời mình hằng ngày trong Phật tánh. Tìm kiếm có phải là dư thừa không? Tại sao cần phải đi tìm? Nên nhớ: "Mọi chúng sanh xưa nay vốn sẵn có nguồn chân khai triển thành Phật."

Since we all possess a buddha within ourselves from the beginning, since we have never lost that buddha-nature, does it make sense to say that we now have to go in search of it? It is like looking for your glasses with your glasses on, or like searching for your walking stick with your walking stick, or like looking for the shoes that you are right now wearing. Going in search of the ox is the same sort of queer thing. Do you search for an ox when you are riding on its back?

Turning away from your own awakening, you became estranged from it; then enclosed by dust, in the end you lost it.

Although we all possess this buddha-nature, although we all have an original face, although we each have an immaculate spiritual self, yet we turn our backs on that original face because we are all attached to the belief that only in the world of sensations, in the world of the body and emotions, in the world of discrimination does the self exist. When we deny our buddha-nature, we become estranged from it. Buddha-nature is that place without discriminating consciousness, but because we fall into discriminating consciousness, we end up strangers to our own buddha-nature.

Vì xưa nay mọi người đều có đức Phật nơi mình, vì chưa bao giờ lạc mất Phật tánh, vậy bây giờ đi tìm có thuận lý không? Giống như đang mang gương mà tìm gương, hoặc đang cầm gậy nhịp bước lại đi tìm gậy, hoặc tìm giày khi hiện thời đang mang giày. Đi tìm trâu cũng lại như thế. Có phải chúng ta tìm trâu khi đang cưỡi trâu không?

Do trái tánh giác trở thành xa cách. Bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp.

Mặc dù tất cả chúng ta vốn sẵn Phật tánh, vốn sẵn bản lai diện mục, mặc dù ai cũng có chân ngã thanh tịnh, nhưng lại quay lưng với bản lai diện mục vì chấp dính vào niềm tin rằng chỉ có thế giới cảm giác, thế giới thân xác và cảm xúc, thế giới phân biệt đối đãi mà cái ngã hiện hữu. Khi chối bỏ Phật tánh (bối giác), chúng ta trở thành xa cách. Phật tánh là chỗ không còn thức phân biệt đối đãi, vì nếu chúng ta rơi vào thức phân biệt đối đãi, sẽ thành kẻ xa cách Phật tánh nơi mình.

The selfless self, like that of a newborn baby, is our original face, but as soon as we gain a little unnecessary knowledge, we end up strangers to our original face. An old verse goes:

What a mistake to dye it Kyoto-white!

My own white hair was better.

As soon as you discriminate in thought, do something ridiculous like that, you lose that original face. **"Then enclosed by dust, in the end you lost it,"** says the Preface. That is, when you fall into the "vulgar world of the five desires," it is like having your feet mired in a mud field, the mud of constantly saying this is pleasant and that is painful, this is good and that is bad, this is worthwhile and that is not. When you do this, you have lost your original face. This discriminatory thinking, mired in the vulgar world of the five desires, makes you more and more estranged from original face.

The hills of home recede farther and farther away; you're lost as soon as the paths divide.

Here you are falling deeper and deeper into the world of discrimination. In a certain neighborhood, a family lost one of its sheep and all the people in the family had to go out in search for it.

Cái ngã vô ngã, như của trẻ sơ sinh, chính là bản lai diện mục nơi mình, nhưng một khi chứng đạt phần nào trí vô sư, chúng ta sẽ không còn xa cách với bản lai diện mục. Cổ ngôn có nói:

Thật là sai lầm khi muốn nhuộm trắng Kyoto!

Tóc của tôi còn trắng hơn.

Ngay lúc khởi niệm phân biệt, tạo tác kỳ cục, chúng ta lạc mất bản lai diện mục. Lời Dẫn nói "Bởi theo vọng trần bèn thành khuất lấp." Có nghĩa khi chúng ta rơi vào "ngũ dục thế gian," giống như chân dính vào bùn, bùn thì luôn nói đây là lạc đây là khổ, đây là tốt đây là xấu, đây là phẩm giá đây là không. Nghĩ như thế tức lạc mất bản lai diện mục. Ý nghĩ phân biệt, vậy bùn ngũ dục thế gian sẽ làm chúng ta càng xa cách bản lai diện mục.

Quê nhà dần xa lối rẽ chợt lằm.

Ở đây chúng ta càng lún sâu vào thế giới phân biệt đối đãi. Bên nhà hàng xóm, có một gia đình lạc mất một con trâu trong đàn và cả nhà phải chạy đi tìm.

They came upon a man in his house and asked, "If you have some time, can you help us look for our sheep? We've asked the whole village to help us."

The man in the house asked, "'What's happened?"

"Our sheep has got lost."

"For one sheep, why do you need so many people to help you?"

"But we need lots of people. When *we* go looking for sheep, we go down a path. The path divides into two, so we need to split up into two. We go along in two groups but the two paths divide into four and so we need to split into four groups. Then later on, when the paths branch again, we need to split into eight. The path keeps branching, that's why we need a lot of people to help. So won't you help a little?" They all went off chattering in a large group looking for the sheep. But when night came, they all returned home empty-handed.

"What happened?"

"The path kept branching but in the end we didn't have enough people. So we gave up and came back."

Họ gặp một người đang ở trong nhà, hỏi: "Nếu có thời giờ xin giúp tìm con trừu giùm. Chúng tôi nhờ hết cả làng giúp đỡ."

Người trong nhà hỏi: "Việc gì xảy ra?"

"Con trừu của chúng tôi đi lạc mất."

"Một con trừu, sao cần nhiều người tìm vậy?"

"Nhưng tôi cần nhiều người. Đi tìm con trừu, chúng tôi phải ra đường. Đường đi chia ra hai ngã, nên chúng tôi chia ra hai nhóm. Nhưng đường lại chia ra bốn nên phải phân ra bốn nhóm. Về sau, đường phân ra nhiều nhánh nữa, chúng tôi phải chia ra nữa, vì thế phải cần số đông người. Vậy ông có giúp tôi không?"

Họ ngưng đối đáp, vào nhóm lớn đi tìm con trừu. Nhưng đêm xuống, tất cả họ trở về tay không.

"Việc gì xảy ra?"

"Đường chia ra nhiều ngã nhưng rồi chúng tôi không đủ người. Nên bỏ cuộc quay về."

This little story illustrates, "You're lost as soon as the paths divide." With discriminative thinking, you fall into the relative world, you jump into making comparisons, but discrimination only brings more discrimination which only brings on more discrimination until finally you don't know what is what.

Winning and losing consume you like flames.

Right and wrong rise round you like blades.

I'm happy or I'm sad; I win or I lose; that was good or that was bad—these are the flames of discrimination which blaze up around us like a conflagration plunging us into an all-consuming discrimination which traps us no matter which way we turn. Here at this point, it certainly looks like there is no way out. More and more it looks like there's a nervous breakdown approaching which can't be avoided.

We used to say that parents and children are one single entity, but now they are not a single entity, they are separate individuals. We used to say that husband and wife are one, but now they each have individual rights. Now the eldest son should not have special privileges; all brothers and sisters in a family are to have equal rights.

Câu chuyện nhỏ này cho thấy "Chúng ta sẽ lạc lối ngay khi đường đi chia ra nhiều ngã rẽ." Suy nghĩ phân biệt sẽ rơi vào thế giới tương đối, chúng ta lọt vào so sánh, nhưng phân biệt chỉ thêm phân biệt rồi lại thêm phân biệt đến cuối cùng sẽ hết biết đó là gì.

Được mất bùng lên

phải quấy đua khởi.

Vui hay buồn; được hay mất, tốt hay xấu—tất cả đều là lửa phân biệt cháy rực chung quanh như trận hỏa hoạn lớn bao trùm và thiêu đốt chúng ta trong lửa phân biệt khiến kẹt dính không cách nào thoát khỏi. Ở đây có vẻ như không còn lối thoát. Càng lúc suy sụp càng căng thẳng gần không thể tránh khỏi.

Chúng ta thường nói cha mẹ và con cái là một thực thể, nhưng giờ đây là cá nhân riêng biệt. Vợ chồng là một, nhưng bây giờ mỗi người có quyền lợi riêng. Đứa con lớn nhất không được có quyền lợi đặc biệt; anh chị em trong nhà phải có quyền lợi đồng đều.

If we try to divide up all our daily life like this following the dictates of discriminative thinking, then each person's share will never be enough. Claiming, "This is unfair! That's unequal!" each person will fall headlong into the discrimination where "Winning and losing consume you like flames. Right and wrong rise around you like blades." From this, it doesn't look as if there is any way out. There is a common expression, "You can't cut a peach into four equal parts." Though you may think that you have cut the peach into four equal parts, each portion is slightly different in size. Each portion is slightly different in taste. If you really try to equalize all these things, you won't be able to divide even an ordinary cookie into equal parts. Clinging to this divisive way of thinking, getting hung up on dividing everything, is what causes the conflict in modern life.

Here is where the modern person's troubles arise. But your true self, your real self, does not reside here. Giving the larger portion to the other and taking the smaller for yourself so that everyone is satisfied—this is true equality. When everyone defers to the other saying, "Please, you take the larger portion," then everyone feels pleased and says "Thank you, thank you."

Nếu chia chẻ đời sống hằng ngày của mình theo sự chỉ đạo của suy nghĩ phân biệt, mỗi phần chia sẽ không bao giờ đầy đủ. Khi gào lên "Bất công! Không đồng đều!" mỗi người sẽ đâm đầu vào vòng phân biệt đối đãi, chỗ "Được mát bùng lên phải quấy đua khởi." Từ đó, sẽ không có lối thoát. Có câu nói thông dụng: "Không thể cắt quả đào ra bốn phần bằng nhau được." Dù cho rằng cắt được bằng nhau, mỗi phần cũng có hình dạng hơi khác. Mỗi phần mùi vị cũng không thật giống nhau. Nếu thực sự muốn mọi phần đồng đều, chia một chiếc bánh quy tầm thường cũng không thể nào được. Chấp dính vào lối suy nghĩ phân biệt chia chẻ, bám chặt vào phân hai mọi sự vật, đó là nguyên nhân xung đột trong đời sống hiện đại.

Đây là chỗ con người thời nay phiền não. Nhưng chân ngã, thực ngã nơi mình không an trú ở đây. Nhường người khác phần lớn hơn và lấy phần nhỏ cho mình thì mọi người sẽ hoan hỷ—đó là bình đẳng chân thực. Khi mọi người đều chiều ý người khác và nói: "Xin vui lòng lấy miếng lớn," ai cũng vui và nói: "Cám ơn, cám ơn."

This is how to share things equally.

The real self, the true self, is not found in this world of discrimination; it resides in a higher place that transcends discrimination. In that place that transcends discrimination, there is true human equality. It is just this human equality which is the Buddha we must all revere. Unless we go right back to the original starting point, there will be no world anywhere where we can be saved.

"Till now, the ox has never been lost. Why then does he need to search for it?" Though we are all fallen into the world of discrimination, nevertheless still we have managed to bring forth the Bodhi-mind, the noble desire to seek the ox beyond discrimination. "The first arousing of mind, that moment, is already true realization." Just to recognize that our original face, our eternal self, resides in that place beyond discrimination, proves that we humans are originally buddha. You must generate the bodhi-mind, you must affirm the vow and set forth to seek the ox.

VERSE:

Beating about the endless wildgrass, you seek and search.

Đây là cách chia sẻ đồng đều.

Chân ngã, thực ngã, không thể tìm thấy trong giới xứ của phân biệt; phải là ở chỗ cao hơn, vượt qua phân biệt. Chỗ siêu vượt phân biệt, là chân nhân bình đẳng. Riêng chân nhân bình đẳng này là vị Phật mà tất cả chúng ta phải tôn kính. Nếu không trở về thẳng nơi điểm gốc khởi đầu, sẽ không có cõi giới nào chúng ta được độ thoát.

"Từ lâu chẳng mất đâu cần kiếm tìm." Cho dù đang rơi vào giới xứ của phân biệt, tuy nhiên chúng ta vẫn xoay sở đẩy mạnh Bồ-đề tâm với ý nguyện hướng thượng tìm trâu siêu vượt phân biệt. "Vừa phát khởi Bồ-đề tâm, ngay đó, đã giác ngộ." Chỉ cần nhận ra bản lai diện mục, chân ngã thường hằng ngụ nơi siêu vượt phân biệt, sẽ chứng tỏ con người chúng ta xưa nay là Phật. Bạn cần phát Bồ-đề tâm, cần xác định lời nguyện và dẫn thân tìm trâu.

TỤNG:

Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu.

Despite having affirmed the vow, wherever you look, you find your mind is still filled with illusory thoughts and driven by delusive passion. You are probably wondering, can there really be buddha-nature here? But whatever the case, you know that you have to do zazen. So you endured the trials of "begging outside the gate" and "requesting temporary stay"²⁰ and were finally admitted to the monks' meditation hall. But the more you sit, the more your mind fills with thoughts. This is "***Beating about the endless wildgrass, you seek and search.***" No trace of the ox, not even a footprint, can you find. You can't catch a glimpse of even the tip of its tail. You think to yourself, "Where do I find this thing called *kensho*?" In your impatience, you may even start to think, "Who needs *kensho* anyway? I'll take my deluded self just as it is."

²⁰ Begging outside the gate: *Niwa zume* – ("literally, "occupy the garden"). Requesting temporary stay: *Tangazume* – (literally "occupy the temporary quarters"). When a monk asks for entry into a monastery, the monastery refuses him. To show his earnest desire to engage in Zen training, the monk does not withdraw but instead "occupies the garden," remaining in the entranceway bent over in bowing posture all day. After several days, he is allowed to "occupy the temporary quarters" sitting erect in zazen all day long under the gaze of the head monk. The entire process may take from 5 to 7 days, after which the monk is accepted into the monastery.

Mặc dù đã xác định lời nguyện, nhìn đâu đâu bạn cũng thấy tâm đầy vọng tưởng và bị dục vọng lôi kéo. Bạn có thể thắc mắc, thực sự ở đây có phải Phật tánh chăng? Nhưng dù trường hợp nào bạn đều phải tọa Thiền. Như thế bạn kham nhẫn thử thách "đình cật (khất thực ngoài cửa)" và "đán quá cật (tạm trú)"²¹ rồi được nhập môn vào Tăng đường. Nhưng càng ngồi Thiền thì tâm càng đầy niệm tưởng. Đó là "***Nao nao vạch cỏ kiếm tìm trâu.***" Trâu bắt vết tích, ngay cả một dấu chân cũng không thấy. Thoáng chót đuôi trâu cũng không hiện. Bạn trầm nghĩ: "Tìm ở đâu điều gọi là kiến tánh?" Nôn nóng, bạn có thể nghĩ rằng: "Ai cần phải kiến tánh? Mình sẽ theo cái ngã hư vọng tự như như."

²¹ Theo ngữ nguyên "đình cật" là lo việc ngoài vườn". "Tạm trú (đán quá cật)" là ở tạm khu vực riêng. Khi một vị tăng xin nhập tự sẽ bị chùa từ chối. Để chứng tỏ lòng nhiệt tình tu tập, tăng thay vì rút lui sẽ khất thực ngoài cửa, ở lại nơi cổng vào rạp mình lễ lạy cả ngày. Sau nhiều ngày sẽ được phép "tạm trú" ở khu vực riêng, thẳng lưng ngồi Thiền suốt ngày dưới cặp mắt giám sát của vị thủ chúng. Toàn bộ tiến trình này kéo dài khoảng 5 đến 7 ngày, sau đó tăng mới được thu nhận vào chùa.

You may even end up thinking such things as, "Shinran Shonin says that we are fine just as we are. Maybe I'm better off in that kind of religion where they say my deluded self is okay just as it is."

The rivers broaden, the mountains stretch on and the trails go ever deeper.

The streams of passion and desire grow broader and broader; the mountains of ego stretch on and on. There doesn't seem to be any way to get across the waters of passion and desire, or to climb over those mountains of ego. It doesn't look like you will ever get to the other side to continue your search there. The further into those mountains you go, the narrower and more frightening the path becomes. There is no point in even thinking of asking someone for help since there is absolutely no one around. Lost in the dark valleys of the deep mountains, you don't know what to do or which way to go.

The *kansho*²² bell rings. You've probably been thinking to yourself, "I'll go to *sanzen* and just say, 'I don't know'. Maybe the Roshi will just tell me."

²² *Kansho* bell. Several times a day, monks in a Rinzai Zen monastery must go to *sanzen*, where each monk individually enters the Master's room to give an answer to the koan on which he is currently doing meditation. This is signaled by the ringing of the *kansho* bell.

Thậm chí, bạn có thể sẽ nghĩ như "Thân Loan Thánh Nhân nói rằng chúng ta như thị vẫn ổn. Có lẽ tốt hơn nên đi xa xin vào loại tôn giáo nào nói cái ngã si mê của tôi cũng như thị là tốt."

Núi thăm đường xa nước lại sâu.

Dòng nước tham ái và dục vọng càng lúc càng sâu rộng; ngọn núi bản ngã chông chát ngày càng cao. Rất khó băng qua sông dục biển ái, hoặc leo trèo tận đỉnh núi bản ngã. Không hẳn là bạn phải qua bờ bên kia để truy tìm. Càng đi xa vào núi, lối đi càng nhỏ hẹp và đầy sợ hãi. Không chỗ nào để tìm hỏi giúp đỡ vì tuyệt đối không một bóng người. Lạc lối trong núi non sâu thăm thung lũng đen tối, bạn không biết phải làm sao, đi lối nào.

Chuông hoán chung²³ reo lên. Bạn có thể nghĩ: "Tôi sẽ bước vào phòng tham Thiền và chỉ nói với thầy 'không biết'. Có thể thầy sẽ chỉ cho tôi biết."

²³ Nhiều lần trong ngày, một vị tăng trong Thiền viện Lâm Tế phải tham Thiền, tức là từng người vào phòng thầy—lúc đó chuông hoán chung rung lên—trả lời công án đang tham cứu khi tọa Thiền.

But not only does he not tell you, he thunders at you and then summarily dismisses you. Yes, truly, "*The rivers broaden, the mountains stretch on and the trails go ever deeper.*"

Your strength exhausted and spirit wearied, no place allows you refuge."

You are now at the point of saying to yourself. "Three months have gone by since I entered the *zendo* and I still can't get this koan, 'Joshu's *Mu*'. I'm at the end of my rope. Even if I stay here three years, I'm never going to get *kensho*. I'll just put in the required one or two years for a temple priest's certificate and then go back to my home temple. Actually, I don't even need to take over a temple. If I go out and perhaps get even a part time job, that will bring in some money. What's the point of living this monk's life, all shut up, going '*Mu! Mu!*' from morning to night. This is awful. Maybe I should go back to lay life. All I want to do when the end of term comes, is to get home in hurry, take it easy and enjoy an afternoon nap." But, no matter what you do, you can't hand on it. You've fallen into this black hole where you understand and then you don't understand.

Nhưng không những thầy không chỉ dạy mà còn la mắng và đuổi ra. Quả là, "*Núi thăm đường xa nước lại sâu.*"

Kiệt sức mệt nhòaì tìm chẳng thấy.

Bây giờ là lúc bạn phải nhủ thầm: "Ba tháng trôi qua kể từ khi nhập chúng vào Thiên đường mà chưa thấu phá được công án '*Không* của Triệu Châu.' Mình đã tới đường cùng rồi. Nếu ở thêm ba năm, cũng không kiến tánh. Mình chỉ cần ở thêm một, hai năm theo điều kiện bắt buộc để được chứng thư tu sĩ rồi về lại chùa xưa ở quê. Thật ra mình cũng không cần phải trụ trì một ngôi chùa. Nếu ra ở ngoài và có thể được một công việc bán thời gian, mình sẽ có ít tiền tiêu xài. Đây là mục đích đời tu của một vị tăng, thôi thì chấm dứt hết, kể cả '*Không! Không!*' từ sáng đến chiều. Thật là khủng khiếp. Có thể mình sẽ hoàn tục. Tất cả việc gì cần làm khi thời hạn chấm dứt là chạy nhanh về nhà, sống thoải mái và đánh một giấc ngủ trưa ngon lành." Nhưng, dù có làm gì chẳng nữa, bạn vẫn không thể tiếp tục nổi. Bạn rơi vào hầm tối chỗ biết mà chẳng biết.

The only sound--evening cicadas shrill in the maples.

Up in a tree, there is a cicada constantly shrilling, "Mee, mee." You think to yourself, "I don't understand a thing. This is awful." This state of mind is truly searching for the ox. But if you throw in the towel here and give up, all your efforts will be wasted. After all, you are only at the very beginning of *The Ten Oxherding Pictures*. You have taken only the first step in searching for the ox. If you are already this tired, already reduced to this wretched state, how will you ever awaken to the One Great Matter? Going through this dark state of mind is something through which all of us must pass. At the monastery of Shogen-ji in Ibuka there was a monk named Tairyu (1827-1880), who had been in the monastery for six years. He had been told to repeat, "Mu! Mu!" over and over again everyday. Other monks who had entered the monastery after him had managed to pass this koan, but even though he had been there long enough to become one of the senior officers, he still had not experienced *kensho*. How pitiful!

Chỉ nghe véo vắt giọng ve sầu.

Trên cành cây có con ve luôn hót vang. Bạn nghĩ: "Minh không hiểu gì hết. Thật khủng khiếp." Tâm trạng này thật là đang tìm trâu. Nhưng nếu ném bỏ hết và thôi không tiếp tục, tất cả công phu sẽ uổng phí. Rốt rồi bạn chỉ đang ở điểm khởi đầu của *Mười Bức Tranh Chăn Trâu*, bước thứ nhất tìm trâu. Nếu mới đến đây đã mệt mỏi, thảm hại như thế, làm sao tỉnh ngộ Đại Sự? Thấu suốt tâm trạng đen tối là việc tất cả chúng ta phải vượt qua. Thiền viện Chánh Nhãn, ở Y Thâm có vị tăng Thái Long (1827-1880), ở chùa sáu năm. Thái Long được dạy đề khởi liên tục 'Không! Không!' mỗi ngày. Những vị tăng khác vào chùa sau Thái Long đã công phu thấu phá công án này, nhưng dù ở lâu trong chúng thành trưởng lão, Thái Long vẫn chưa kiến tánh. Thật tội nghiệp!

But people in the old days had such totally honest determination. Tairyu decided that if during the week of Rōhatsu, he did not achieve *kensho*, he would have to kill himself.²⁴ With this in mind, every night he climbed up to the second storey of the Ibuka temple gate to do late night zazen. It was the last night of Rōhatsu, the night when zazen lasts till morning. He had resolved that if he did not attain *kensho* by the "Cock's Crow" of the next morning (that is, by the time the morning board was sounded) he would dive head first off the top of the temple gate and smash his head against the ground killing himself. But although he sat deep in zazen atop the temple gate, nothing happened. Dawn came and the morning board began to sound. His time was up. There was nothing he could do except throw himself off the gate. He stood up on the roof of the gate. At the very instant when he was about to throw himself from the top of the gate, suddenly he had his *kensho*. In later years, he went on to become the eminent Zen master known as the Great Tairyu of Ibuka.

²⁴ *Rohatsu*, literally "12th month, 8th. In Mahayana Buddhism, the Buddha's original awakening is said to have occurred on the 8th day of the 12th month. Accordingly, the strictest week-long retreat of the year takes place in the first week of December culminating on the 8th day.

Người xưa thật thà và quyết tâm. Thái Long quyết định trong tuần tu tiếp tâm Lạp-bát²⁵, nếu không kiến tánh, sẽ kết liễu đời mình. Nghĩ trong đầu như thế, mỗi đêm Sư leo lên tầng nhì cổng chùa tọa Thiền. Đêm cuối tuần tu, thời tọa Thiền kéo dài đến sáng hôm sau. Sư quyết định nếu không kiến tánh, khi tiếng bảng thức chúng (hiểu thiên bản) vang lên Sư sẽ đâm đầu xuống đường tự tử. Nhưng tuy Sư tọa Thiền chuyên sâu trên đỉnh cổng chùa, vẫn không có biến chuyển. Bình minh đến, lúc bắt đầu đánh bảng thức chúng. Thời gian của Sư đã hết. Sư không còn gì phải làm trừ phi nhảy xuống cổng. Sư đứng trên mái cổng. Ngay lúc sắp nhảy xuống từ trên đỉnh cổng chùa, Sư hoát nhiên kiến tánh. Về sau, Sư thành Thiền sư nổi tiếng hiệu là Đại Thái Long ở Y Thâm.

²⁵ Lạp bát, nhằm ngày mùng 8 tháng Chạp, là ngày Đức Phật giác ngộ. Theo đó khóa tu nghiêm ngặt tổ chức trong tuần đầu tháng Chạp và ngày mùng 8 là cao điểm.

But the point of this story is, everyone experiences a time when he says, "I can't do it, I've failed." At this time especially, you must not think of giving up and returning to lay life. In my own case, during the war, I was attendant to Seiga-shitsu Roshi of Tenryu-ji, when he made a tour of China. On the return boat, I asked him, "Roshi, this year I turn forty. In the old days, they said that a man was no good if he had not accomplished anything by age forty. Well, I'm turning forty and I haven't accomplished anything;²⁶ I guess that means I'm not worth anything." Seiga-shitsu replied, "Nonsense. Remember the saying, 'A person of great talent is slow to mature.' A person of great character develops slowly, enduring great suffering along the way. I know you don't like being my attendant all the time but you—yes, you!—when your time comes, when you finally arrive, you will walk around trailing five attendants. Don't worry!" So I was told. At some time or other, everyone has to experience this crisis of being pushed to the extreme. If you do not, you will not amount to anything.

²⁶ *Confucian Analects* IX, 22: a man must accomplish something by age 40.

Chủ ý câu chuyện này là mỗi người phải kinh nghiệm câu Sư nói: "Tôi không tu nổi, tôi thất bại." Ngay lúc đó, không nên nghĩ bỏ cuộc và hoàn tục. Trường hợp bản thân tôi (tác giả), thời chiến tranh, tôi làm thị giả cho Lão sư Thanh Nga Thất (Quan Tĩnh Chuyết 1877-1945) chùa Thiên Long, khi Lão sư sang Trung Hoa. Trên tàu về nước, tôi hỏi: "Lão sư, năm nay con bốn mươi. Cổ nhân nói 'Bốn mươi chưa làm nên sự nghiệp không phải người giỏi.' Con thì bốn mươi rồi và chưa được gì²⁷; có nghĩa vô tích sự." Thanh Nga Thất nói: "Vô lý. Nên nhớ có câu 'Người tài ba sẽ lâu trưởng thành.' Người xuất cách sẽ tu tiến từ từ, kham nhẫn gian khổ suốt đường tu. Ta biết người không ưa làm thị giả dài lâu nhưng người—ừ chính người!—khi thời tiết chín muồi, cuối cùng đến đích, người sẽ rảo bước thông dong với năm thị giả theo sau. Chớ lo lắng!" Tôi được trả lời như thế. Một lúc nào đó, ai cũng sẽ chứng nghiệm cơn khủng hoảng đẩy tới đường cùng bế tắc. Nếu không, bạn sẽ không xứng đáng chút nào.

²⁷ Sách Luận Ngữ của Khổng Tử nói "Tứ thập nhi bất hoặc" là 40 tuổi thì không còn nghi ngờ (đốn đoạn căn nghi), tức đã xong việc.

Waka:

Searching
The deep hills,
No sight of the ox.
Just the empty
Shrilling of the cicadas.

Shotetsu Shoki, "the Clerk Shotetsu", of the Tofuku-ji monastery appended this *waka*. You cannot see the ox anywhere; it is like searching around in complete darkness; you don't even know where to start looking. The Roshi, after explaining it all in his lecture, asks, "Now do you understand? Now do you understand?" but it all sounds like the sound of the cicada. You get scolded, "Aha, sleeping again!" You get yelled at, "Go to *sanzen!*" and they drag you away. The Roshi too tries to instruct you but it is all like the empty shrilling of the cicada. Nothing helps. You are searching desperately everywhere but can't find even the slightest trace of the ox; there is only a cicada up in a tree meaninglessly shrilling away. You don't know where to turn. You are lost on some forgotten bypath. Here you must not break the vow that you have affirmed.

Hòa Ca:

Kiểm tìm
Núi cao,
Dấu trâu chẳng thấy.
Rỗng rang
Réo rất tiếng ve sầu.

Lão sư Chánh Triệt Thư Ký, “viên Thư Ký” chùa Đông Phước, treo lên bức hòa ca này. Bạn không thể thấy trâu ở đâu hết; giống như tìm kiếm trong đêm tối; bạn không biết phải bắt đầu từ đâu. Lão sư, sau khi giải thích trong một buổi thuyết pháp, hỏi: "Giờ, các ông hiểu chưa? Giờ, các ông hiểu chưa?" nhưng nghe như tiếng ve hót. Bạn phải gào lên: "À há, ngủ hết rồi!" Bạn phải hét lên: "Đi tham Thiền đi!" và sẽ kéo bạn đi. Lão sư cũng muốn chỉ dạy bạn nhưng rồi tất cả chỉ như tiếng ve réo rất rỗng rang. Không cách nào giúp mình. Bạn tìm kiếm vô vọng khắp nơi nhưng không thể thấy ngay cả dấu vết mờ nhỏ; chỉ có xa xa trên cây tiếng ve réo rất. Bạn không biết quay sang hướng nào. Bạn lạc lối trong ngõ ngách nào đó. Đến đây bạn không nên hủy bỏ lời nguyện đã tuyên thệ.

You must make an even greater effort, push yourself even harder. There is still a long way to go before you get to clarification of the Great Matter. As the old verse says:

To persevere day and night without break,
And light the candle of the Dharma,
Is at once to attain it.

If you keep at "*Mu! Mu!*" from dawn to dusk, then just as a spark leaps from the flint you are striking, so also, without fail, there will come a moment when your eye opens. That is what the great seal on the *Mumonkan (The Gateless Barrier)* guarantees. The key, the heart, of the matter is, "To persevere day and night without break." You will achieve nothing if you work on your koan only when you happen to think of it. Your efforts will result in nothing more than froth carried away in the stream. But if you push on straight ahead, single-mindedly, without break, then there will be a time when suddenly your eye opens. The *Mumonkan* tells us this explicitly. I ask you to do this *sesshin* with this attitude. Do not let down your guard even once.

*

Bạn cần nỗ lực mạnh hơn, đẩy bạn đi tới dù rất khó khăn. Con đường còn dài trước khi mở sáng Đại Sự. Như cổ ngôn nói:

Kiên trì ngày đêm không ngừng nghỉ,
Và thắp sáng Pháp đăng,
Rồi tức thì đạt ngộ.

Nếu bạn giữ chặt "*Không! Không!*" từ mờ sáng đến đêm tối, rồi như tia chớp lóe lên từ viên đá lửa chà sát, và chắc chắn không bao giờ thất bại, sẽ có lúc mở mắt sáng. Đó là đại ấn bảo đảm của Vô Môn Quan. Chìa khóa, trái tim, của bài toán là "Kiên trì ngày đêm không ngừng nghỉ." Bạn sẽ không được gì nếu chỉ đề khởi công án khi lâu lâu nhớ đến. Nỗ lực của bạn chỉ là kết quả như bèo bọt bị dòng nước đẩy trôi. Nhưng nếu bạn một đường thẳng tới, nhất tâm nhất niệm, không ngừng nghỉ, rồi thời tiết chín muồi khi bạn mở mắt sáng. Vô Môn Quan nói việc này rõ ràng. Tôi yêu cầu bạn công phu với thái độ như thế trong khóa tu tiếp tâm (trực tiếp với tâm Phật). Chớ lơ lỏng buông lung, dù chỉ một lần.

*

1. SHENG-YEN

In this first picture, the oxherder is depicted in the countryside or wilderness outside of town. He carries a harness and is looking about anxiously, trying to decide which direction to go. He has discovered that he has lost his ox, his most prized possession; and he has set out to find it, but doesn't know where to begin. This illustrates the growing sense that deep in our being there must be a true and unchanging nature, a nature that we have lost and desperately need to reclaim in order to be at peace. Thus, the basic mentality for seeking enlightenment is present. It is strong and real, but undefined. One is anxious and frustrated, not knowing where and how to look, as though lost in a wilderness. Often, persons in this condition will feel more afflicted than they did before they ever began to think about religious practice. Not many people will be willing to seriously face up to this torment, much less put themselves through the hardships required to tread the path to enlightenment.

1. THÁNH NGHIÊM

Bức tranh số 1 vẽ người chăn ngoài đồng hoặc nơi hoang dã. Tay cầm dây vàm lo âu tìm kiếm, cố gắng xác định phương hướng để đi. Nhận ra mình đã mất trâu, vật sở hữu quý báu nhất; nên quyết định đi tìm nhưng không biết bắt đầu từ đâu. Ở đây diễn tả một cảm thức đang manh nha rằng tận đáy thâm sinh mạng mình phải là chân tánh thường hằng, đã đánh mất và cần phải liều mình lấy lại để được bình an. Do đó nền tảng tâm linh tìm cầu giác ngộ thì hiện hữu. Nền tảng này vững mạnh và có thực, nhưng lại không rõ ràng. Chúng ta lo âu và thất vọng, không biết ở đâu và bằng cách nào để tìm thấy, vì đã đánh mất ngoài đồng hoang. Thường khi trong tâm trạng này ta cảm thấy ưu phiền hơn lúc chưa nghĩ đến tu tập. Nhiều người không mong muốn trực diện nghiêm túc nỗi ray rứt này, và ít người dấn thân lên đường tu đi đến giác ngộ đầy gian nan.

Some may be partially convinced that there is a splendid white ox somewhere and that it is worth taking a half-hearted look. They may start out and then stop, start out and then stop again. Others may be totally convinced and plunge into the search unhesitatingly, as if they had no other recourse. Do you believe in such a search? Do you believe that there is such a true nature? Is it worth seeking? How would you feel if you searched for it until your dying day and never found it? Will the whole effort have been a waste? These are very real questions, the kind of questions that an individual in this condition will ask, and must ask.

*

Một số người phân nào tin tưởng có con trâu trắng tuyệt vời đâu đó và xứng đáng để nhìn một chút nhưng họ không hết lòng. Họ khởi tu rồi dừng lại, rồi khởi tu rồi dừng lại. Có người hoàn toàn tin tưởng và một mạch lao vào tìm kiếm không do dự, như thể họ không còn sự trông cậy nào khác hơn. Chúng ta có tin vào sự tìm kiếm như thế không? Có tin rằng có chân tánh như thế? Có đáng để truy tìm? Chúng ta sẽ cảm nhận thế nào nếu đi tìm đến chết mà chưa thấy? Toàn bộ nỗ lực có phải uổng phí? Đây là những câu hỏi rất thực tế, mỗi người trong tâm trạng này đều sẽ nghi vấn và phải nghi vấn như thế.

*

1. MYOKYO-NI

The search for what? The bull has never been missing. But without knowing it the herdsman estranged himself from himself and so the bull became lost in the dust. The home mountains recede ever further, and suddenly the herdsman finds himself on entangled paths. Lust for gain and fear of loss flare up like a conflagration, and views of right and wrong oppose each other like spears on a battlefield.

The story starts here, and we will have to look very carefully at these pictures. Why the search? Though the bull has never been missing, he seems to be, because the herdsman has turned away from himself. In such turning, we split ourselves into two; then, holding to one side only, we ignore or deny the other side to the point of losing sight of it, forgetting it. Suddenly we become aware that something is missing — we know not what but have an inkling of a whole dimension lacking and long for 'completion'. For somehow in our midriff there seems to be a gaping hole — the source of our insecurity, of our aggression and our wants, of blunders and of fears.

1. NI DIỆU KÍNH

Tìm kiếm để làm gì? Trâu chưa bao giờ lạc mất. Nhưng vì không biết, nên người chăn xa cách và do đó trâu lạc mất giữa hồng trần. Gia sơn càng cách xa, và bỗng nhiên người chăn thấy mình vướng kẹt trên đường đi. [Muốn] được [sợ] mất bùng lên, phải quấy đua khởi, đối nghịch như giáo mác trên chiến trường.

Câu chuyện bắt đầu từ đây, và chúng ta sẽ phải xem xét rất kỹ những bức tranh. Tại sao tìm kiếm? Mặc dù trâu chưa bao giờ lạc mất, có vẻ như thế bởi vì người chăn đã quay lưng lại với chính mình. Trong bước ngoặt này, chúng ta tự phân hai; sau đó, chỉ giữ một bên, chúng ta bỏ qua hoặc từ chối thái cực bên kia đến đổi mất dấu, quên trâu. Bỗng nhiên, chúng ta nhận biết thiếu vắng một điều gì—không biết là gì nhưng thiếu vắng toàn bộ một phạm trù mơ hồ và nổi khao khát 'thành tựu'. Vì trong cơ hoành chúng ta không hiểu sao dường như có một lỗ hổng—nguồn gốc bất an, xâm chiếm và khát vọng của chúng ta, của những sai lầm ngớ ngẩn và sợ hãi.

Usually we spend our lives in futile attempts to fill this insatiable void; it also makes us gobble up, indiscriminately but enthusiastically, whatever there is about as new means — a new fad, new idea, all food of any description: organic, health, whole, fibrous, raw, mental — anything that promises to fill that empty hole inside. The tragedy is — delusion is one of the Three Fires — that the more hungry we are, the more gullible we become. So, however much we try to gobble down, it does not answer, we still remain hungry. The hungry ghosts perfectly portray this predicament and the suffering it entails.

So the search for the bull is searching for that which cannot be gobbled up because it never was outside, lost or missing. In the preface to his Koan collection, 'The Gateless Gate', Master Mumon says, 'The treasures of the house do not come in by the front gate.' They belong to the house, are there already. Accordingly, what can and does fill that voracious hole is not something that needs to be acquired from outside. And so, fulfilment, in the sense of wholeness, is re-discovering what has never been missing, but of which we have become unaware since we turned away from ourselves.

Thông thường chúng ta dành cuộc sống đời mình vào những nỗ lực vô ích để lấp đầy khoảng trống không thỏa mãn được; cũng khiến chúng ta ngẫu nhiên, bừa bãi nhưng nhiệt tình, đối với bất cứ điều gì miễn là mới—thời trang mới, ý tưởng mới, tất cả thực phẩm đủ loại: hữu cơ, khỏe mạnh, toàn bộ, chất xơ, thô, tinh thần—bất cứ điều gì hứa hẹn sẽ lấp đầy khoảng trống nội tại. Bi kịch ở chỗ—si là một trong Ba Ngọn Lửa (tam độc Tham-Sân-Si)—càng háu đói, chúng ta càng bị lừa dối. Vì vậy, tuy cố gắng ngẫu nhiên, không có câu trả lời, chúng ta vẫn đói. Loài ma đói (ngạ quỷ) mô tả hoàn hảo tình trạng khó khăn và hậu quả là đau khổ.

Vì vậy, tìm trâu là vật không thể kêu ộp ộp vì không bao giờ ở bên ngoài, bị lạc hoặc mất. Trong lời nói đầu tập công án 'Vô Môn Quan,' Vô Môn nói: 'Từ cửa vào không phải là cửa gia bảo.' Vật quý báu trong nhà thì vốn sẵn có. Như vậy, vật có thể lấp đầy lỗ hổng thèm khát không phải sở đắc từ bên ngoài. Và vì vậy, sự thỏa mãn, trong ý nghĩa trọn vẹn, là khám phá trở lại điều chưa hề thiếu vắng, nhưng chúng ta đã bắt giặc vì quay lưng lại với chính mình.

This being turned away from ourselves is also being at loggerheads with ourselves, and as such is that basic delusion (*Avidya*) the Buddha considers to be the first link of the Twelve-Linked Chain of Dependent Origination.

This split or divided state is portrayed in Picture 1. There the herdsman sets out on his quest. He knows there is something missing but does not know what, does not even know that his feet walk in one direction while his head is turned to the other. He is not at one with himself, and so, though he searches desperately, his search does not prosper. Even just to set one foot after the other and keep walking is sometimes very difficult.

I may, for example, have heard a little about Buddhism and now from that develop my own views. I might even take it into my head that meditation is a kind of miraculous cure for all my problems, and if only I meditate long and hard enough, the miracle will happen! This is one of the many aspects of a divided position. We are impatient, quick to judge on the basis of insufficient understanding; and so, unbeknown to ourselves, we are under the sway of hot opinions, that is of the afflicting passions.

Việc quay lưng lại với chính mình cũng là mâu thuẫn với chính mình, và như vậy là vô minh mà Đức Phật xem là nhân đầu tiên trong Mười Hai Nhân Duyên.

Trạng thái phân hai hoặc chia chẻ này (người chẵn và trâu) được mô tả trong tranh số 1. Chỗ người chẵn bắt đầu đi tìm. Người chẵn biết có vật thiếu vắng nhưng không biết là gì, thậm chí không nhận biết chân đi hướng này trong khi đầu quay sang hướng khác. Người chẵn không hiệp nhất với chính mình, và vì vậy, mặc dù liều lĩnh kiếm tìm, nhưng vẫn bất thành. Thậm chí đặt chân này sau chân kia và tiếp tục bước đi đôi khi rất khó khăn.

Ví dụ, tôi đã nghe chút ít Phật pháp và bây giờ khai triển quan điểm riêng. Thậm chí tôi có thể nghĩ Thiền là một loại thuốc thần kỳ điều trị tất cả vấn đề của mình, và nếu tôi Thiền tập đủ lâu và có chất lượng, phép màu sẽ xảy ra! Đây là một trong nhiều khía cạnh của tư thế phân hai. Chúng ta thiếu kiên nhẫn, phán xét nhanh chóng trên cơ sở thiếu hiểu biết; và vì không nhận biết chính mình, chúng ta đang phải hứng chịu những ý tưởng lo âu, đó là si mê phiền não.

This is why we get so easily stuck and have so much trouble. For what happens if I move one leg forward, and, on seeing that this 'advances' me, now insist on walking on that 'trusty' leg only instead of walking on both my legs? I soon end up in so split a position that I can no longer move at all! It is a useful analogy to show how ludicrous such hopeful pursuits are. And how futile.

People often become discouraged, even worried or frightened, when attempting to 'meditate' without guidance; but are nevertheless upset when told, 'Well, that is only to be expected; you have done nothing but meditate, and it is practically tearing you apart. Stop for a while and start moving the neglected other leg instead — concentrate on the Daily Life (Sila) practice.'

The fact is, we are not too keen on the Daily Life Practice, if we have ever heard of it at all! We prefer to put our hope in so-called meditation, 'just sitting' even if the legs hurt. The Daily Life Practice is bothersome and difficult, and there is no end, for it is all day long. But *Sila* Practice cannot be ignored, for the inner or moral strength that is developed in this practice is essential for any serious attempts at meditation. So the search continues.

Đây là lý do tại sao chúng ta dễ dàng dính mắc và gặp quá nhiều rắc rối. Có phải nếu bước một chân về phía trước, và thấy mình có 'tiến bộ', bây giờ tôi khăng khăng chỉ đi một chân 'đáng tin cậy' này thay vì đi cả hai chân? Ngay đó tôi sẽ khựng lại một chỗ và không bước đi được nữa! Ví dụ hữu ích này cho thấy sự theo đuổi hy vọng như vậy lỗ bịch thế nào. Và vô ích biết bao.

Mọi người thường chán nản, thậm chí lo lắng hoặc sợ hãi khi cố gắng 'Thiền tập' mà không được hướng dẫn; nhưng vẫn khó chịu khi nghe nói, 'Chà, đó chỉ là mong đợi; bạn đã không làm gì ngoài Thiền tập, và thực sự bị đập tan toi bời. Hãy dừng một lúc và bắt đầu bước chân đã bỏ quên—tập trung vào Pháp Tu (giữ giới) trong Đòi Thường.'

Thực tế là chúng ta không nên quá nhiệt tình với Pháp Tu trong Đòi Thường, nếu đã từng nghe như thế! Chúng ta thích tin tưởng vào danh xưng là Thiền, 'chỉ ngồi' ngay cả khi chân đau. Pháp Tu trong Đòi Thường quả khó chịu và khó khăn, và không ngừng nghỉ, vì tu suốt ngày dài. Nhưng không thể bỏ qua Pháp Tu giữ giới, vì đạo lực nội tại hoặc đạo đức phát triển trong sự tu tập giữ giới cần thiết cho bất kỳ nỗ lực nghiêm túc nào trong Thiền tập. Thế là phải tiếp tục tìm kiếm.

Having turned away from himself, the herdsman has become a stranger to himself. He does not know himself any more, though he thinks he does. He has an inkling that something is missing, but knows not what. The 'other part' has become estranged; and though it often drives or even rides him, he is not aware of it.

So the herdsman has lost himself in hazy regions. He is trying to win back to the familiar landscape but the home mountains recede ever further and he suddenly finds himself stuck and entangled. 'Desire for profit and fear of loss flare up like a conflagration.' Both desire and fear are the consequence of the continuous stream of picking and choosing which, when mistaken for I in the sense of I doing the picking and choosing, I being the subject, becomes partial and biased and so splits seeing what is into opposite pairs; thus arise the 'ten thousand things'. But factually there is no such I that does the choosing; it is only assumed.

Having set myself up, so to speak, and with that first act having also created all that is, including gods and devils, I am the one who does: if I am not here, things get scary!

Sau khi quay lưng lại với chính mình, người chăn đã tự xa cách với mình. Người chăn không biết mình nữa, dù nghĩ rằng mình có biết. Anh chỉ một mực cho là mình thiếu một vật, nhưng không biết vật gì. "Phần kia" đã thành xa cách; và mặc dù thường chăn dắt, anh không nhận biết.

Vì vậy, người chăn đã đánh mất mình trong chỗ tối tăm. Anh cố gắng trở lại cảnh quan thân thuộc nhưng gia sơn ngày càng xa và bỗng nhiên thấy mình kẹt dính vướng mắc. '[Muốn] được [sợ] mất bùng lên, phải quấy đưa khởi.' Cả mong muốn và sợ hãi đều là hậu quả của chuỗi chọn lựa lấy bỏ liên tục, khi mê lầm đối với cái Tôi trong việc chọn lựa lấy bỏ, cái Tôi là chủ thể, trở thành riêng tư và thiên lệch và vì vậy phân hai cái thấy thành cặp đối nghịch; do đó phát sinh 'vạn pháp'. Nhưng thực tế không có cái Tôi như vậy chọn lựa; cái Tôi chỉ là giả định.

Có thể nói chính mình sắp đặt, và hành động đầu tiên cũng tạo tác mọi sự, kể cả thần thánh và ma quỷ, tôi là người tạo tác: nếu tôi không ở đây, mọi sự đều kinh hoàng!

With the assumption of an I doing the choosing, there also arise desire for profit and fear of loss. Here is one of the stories related of Master Huang-po [Obaku], Master Rinzai's teacher. The great T'ang emperor was an admirer of his, and one day both stood by the river that went through the capital. The emperor was pleased to see the river crowded with all kinds of craft, and said complacently, 'Ours is indeed a mighty empire — just look at the crowded river.' 'I see but two ships on this river,' said Obaku. 'What can you mean? The river is teeming with ships.' 'Two ships only', firmly repeated Obaku, 'the ship of gain, and the ship of fame.' The emperor took his words to heart, and under his rules and reforms, the great T'ang empire took shape.

If we think in terms of picking and choosing, is there anything except these two ships? Gain, materially or spiritually, to be secure and safe, satisfied — and whatever diminishes and takes away from me evokes fear. Yes, picking and choosing has its roots in our very existence, and we do well to consider it very carefully, because it is connected with I and fear. 'I' may be nothing but a deluded assumption, but as that, none the less real to one thus deluded — as is the concomitant fear.

Giả định có cái Tôi đang chọn lựa, cũng phát sinh muốn được sợ mất. Đây là một giai thoại liên quan đến Hoàng Bá, thầy của Lâm Tế. Hoàng đế Đại Đường ngưỡng mộ Hoàng Bá, và một ngày nọ, cả hai đứng bên dòng sông chảy qua thủ đô. Hoàng đế hài lòng khi thấy trên sông tàu bè đông đúc và nói một cách tự hào: 'Chúng ta thực sự là một đế chế hùng mạnh—chỉ cần nhìn vào tàu bè tấp nập trên sông.' Hoàng Bá nói: 'Tôi chỉ thấy hai chiếc thuyền trên sông.' Hoàng đế: 'Ý ngài muốn nói gì? Dòng sông đông đúc thuyền bè như thế.' Hoàng Bá vẫn khẳng định: 'Chỉ có hai chiếc thuyền, lợi và danh.' Hoàng đế khắc ghi lời Hoàng Bá vào lòng, cai trị và canh tân đất nước, tạo dựng đế chế Đại Đường.

Nếu chúng ta nghĩ về chọn lựa lấy bỏ, có gì khác ngoài hai chiếc thuyền này? Được lợi, về vật chất hoặc tinh thần, để an toàn, hài mãn—và nếu giảm mất sẽ sợ hãi. Vâng, chọn lựa lấy bỏ bắt nguồn từ chính sự hiện hữu của mình, và chúng ta xem xét rất hay, cẩn thận, bởi vì liên quan đến cái Tôi và sợ hãi. "Cái Tôi" có thể không là gì ngoài tính chất giả định mê vọng, nhưng vì thế, đối với một người mê vọng thì không điều gì thực hơn—kèm theo sợ hãi.

Once awoken from a nightmare, we know it was not real, but it felt very real while it lasted!

Now, traditional training has its built-in ways slowly and safely to undermine this fear. Remember that frog in the well. For setting out on the way to become nothing again, fear is never far away. As I become less preoccupied with myself in the course of training, fear also diminishes, and accordingly changes take place of themselves. Do we realise that it is out of that same fear that views of right and wrong stand up in opposition to each other like spears on a battle-field? That in an argument over perhaps something utterly trivial, our voice suddenly changes and something I do not know is speaking out of me now. Rarely do we realise it when this change overcomes us — only in retrospect or by its effect do we come to know of it. The bull has invaded us once more.

What compels desire for gain and fame with the intensity of a survival value is that 'gaping hole' previously mentioned, and hence the consequent fear; of loss that is often so patently out of proportion with the issue in question.

There is a still further turn of that delusory involvement.

Một khi tỉnh dậy từ chiêm bao, chúng ta biết cái Tôi không thật, nhưng cảm giác sẽ rất thật nếu duy trì!

Giờ đây, sự tu tập truyền thống tạo thành phương thức làm suy yếu từ từ và và trấn an lo sợ. Hãy nhớ rằng ếch nằm đáy giếng. Vì muốn thoát ra để thành không một vật trở lại, nên sợ hãi sẽ không bao giờ hết. Khi cái Tôi ít bận tâm với bản thân trong tiến trình tu tập, nỗi sợ hãi sẽ giảm dần và tự sẽ có biến chuyển thích hợp. Chúng ta có nhận ra chính nỗi sợ hãi phát xuất từ quan điểm đúng sai đối đãi như giáo mác ngoài chiến trường hay không? Trong cuộc tranh luận về một việc có lẽ không quan trọng lắm, giọng nói chúng ta bỗng thay đổi và sự kiện cái Tôi bất giác bây giờ đang nói. Hiếm khi chúng ta nhận biết khi giọng nói thay đổi làm mất mình—chỉ khi phản quán hoặc hậu quả xảy ra, chúng ta mới nhận biết. Một lần nữa trâu xâm chiếm chúng ta.

Điều thúc ép ham muốn lợi và danh với cường độ của giá trị sống còn là "lỗ hổng" đề cập trước đây, và do đó hậu quả là sợ hãi; cường độ của thất bại hiển nhiên thường không cân đối với vấn đề đặt ra.

Vẫn còn một bước ngoặt nữa khi dính vào mê vọng này.

For now I need to hold up and keep going the delusion of 'I' that set me up in the first place, has assumed I a doer! Thus I must continuously pump energy into it to keep it alive as existing in my opinions, even flaunt it if need be, to be affirmed and appreciated by you —because deep down is always the gnawing doubt-fear that after all I might be nothing. So I am really something like a blown-up balloon in the shape of a manikin. Seeing it serenely floating up there, ah! that's me all right! All is well and I am happy. If for a moment I am prevented or forget to pump energy into it, it shrinks, and then I am terrified; my lifeline is being cut! So whatever causes the manikin to shrink, to sink down or become less, whatever causes me real, acute pain, is like a little death. I will defend it and with my last ounce of energy, will try to keep it afloat up there. But such lavish expenditure of energy leaves little to spare for my ordinary, daily life activities. Hence I get easily tired and am under stress; I suffer from tension because I just cannot command enough energy for my ordinary tasks and chores.

Bây giờ tôi cần phải nắm giữ và tiếp tục vọng tưởng về 'cái Tôi' đã đặt tôi lên hàng đầu, đã cho rằng tôi là người thực hiện! Do đó, tôi phải liên tục bơm năng lượng vào cái Tôi để duy trì cái Tôi có mặt trong ý kiến của mình, thậm chí phô trương cái Tôi nếu cần, để bạn phải khăng định và đánh giá cao—bởi vì từ sâu thẳm luôn luôn có nỗi nghi sợ gặm nhấm cho rằng rốt cuộc tôi là con số không. Vì vậy, thực sự tôi là một vật giống như quả bóng bay mang hình người mẫu giả tạo. Nhìn thấy cái Tôi thanh thản trôi nổi như thế, ồ! đúng là tôi. Tất cả tốt đẹp và tôi hạnh phúc. Nếu lúc nào tôi bị ngăn cản hoặc quên bơm năng lượng vào, cái Tôi sẽ co rút, và rồi tôi hoảng sợ; cầu nối sinh mệnh bị cắt đứt! Vì vậy, bất cứ điều gì làm cho người mẫu giả tạo co rút, chìm xuống hoặc khinh nhẹ, bất cứ điều gì khiến tôi thực sự đau cấp tính, sẽ giống như một lần tiểu tử²⁸. Tôi sẽ bảo vệ cái Tôi và với giọt năng lượng cuối cùng, sẽ cố gắng giữ cái Tôi nổi lên. Nhưng năng lượng tiêu phí xa hoa như thế sẽ còn lại rất ít cho sinh hoạt hằng ngày. Do đó tôi dễ mệt mỏi và căng thẳng; Tôi khổ sở vì căng thẳng do không thể điều phối năng lượng đầy đủ cho việc bổn phận và lật vật hằng ngày của mình.

²⁸ Trong khi một lần Đại tử là “chết hết vọng tưởng điên đảo để chứng nghiệm cái Không” một cách triệt để thì Tiểu tử chỉ phần nào, chưa trọn vẹn. (D.G.)

These latter also bore me and I do not really want to attend to them because I have got such a demanding task to keep 'my' manikin floating up there. Hence the real difficulty inevitably encountered in any traditional training is to work up sufficient strength to starve the manikin of its energy input. This is far from easy; many little deaths need to be died for the manikin to come down. Only then is it possible to look at the place where one's feet stand and to find what is actually there.

Meanwhile we are divided, looking for something, searching for some kind of fulfilment, always with the idea that it is for me, that I need to be fulfilled, need to become whole — I this and I that. This is seeing it from the divided state, the feet going in one direction and the head looking in the other. To begin with, that is just as it is and cannot be helped. We must start from where we are, with what we have!

So when we set out on this journey, we must know what equipment we have available, and how to use it. It is no good to wish or wait for equipment like the Buddha's — we must start, and keep going. As Picture 1 portrays, in our divided state at first we are searching around for the 'right' way.

Những việc lật vật cũng làm tôi chán và thực sự tôi không muốn làm vì còn bồn phận khát khe phải giữ người mẫu giả tạo "của tôi" trưng phòng. Vì thế khó khăn thực sự chắc chắn gặp phải trong sự tu tập truyền thống là công phu phải tích lũy đủ đạo lực để bỏ đời người mẫu giả tạo. Không phải dễ dàng; phải nhiều lần Tiểu tử để người mẫu giả tạo gục ngã. Chỉ sau đó mới có thể nhìn thẳng chỗ chân đang đứng và phát hiện sự kiện hiện tiền.

Trong khi chúng ta phân hai, tìm một vật, kiếm một kiểu thỏa mãn, luôn nghĩ rằng việc này dành cho tôi, tôi phải mãn nguyện, phải trọn vẹn—tôi thế này và tôi thế kia. Đây là nhìn thấy sự việc với tâm phân hai, chân đi một đường đầu nhìn một nẻo. Khởi sự, thì tự như như và không ai giúp đỡ. Phải bắt đầu từ nơi chúng ta đang có mặt, với vật có trong tầm tay!

Vì vậy, bắt đầu hành trình, chúng ta phải biết mình có sẵn trang bị gì và cách sử dụng. Thật không tốt nếu ước mơ hoặc chờ đợi trợ cụ như sự cứu giúp từ Đức Phật—chúng ta phải khởi sự và tiếp tục đi. Như Tranh số 1 mô tả, lúc đầu với tâm phân hai, chúng ta loay hoay tìm kiếm 'chánh' đạo.

I always want to be right — that is why I make so many mistakes. Once the initial inertia is overcome and we have started, many discoveries await us.

True, Daily Life Practice — just giving oneself to what now is being done anyway — sounds the simplest thing and not worth writing home about. It rather begs the question — and what then? But just try it, and go on doing so. It is the most difficult and vexatious thing possible; nothing simple or easy about it. There is one consolation, however: only a fully-fledged Buddha can do this practice perfectly! For us, the continuous training habituates us to it; and it also brings up new data, on the basis of which depends the next step. So 'I' cannot see or plan the next step; that is another lesson to be learnt. When we actually start this practice, giving ourselves into what at the moment we are doing is by no means so obvious or simple as we thought. It is also bound to bring up reactions, habits, attitudes, proclivities of which I was quite unaware. Just these are the data on which the next step depends.

How can I start cooking if I have never been in a kitchen and so do not know the most obvious things?

Tôi luôn muốn mình đúng—đó là lý do tại sao tôi phạm quá nhiều sai lầm. Khi điều phục được tập khí bản sinh và khởi sự, nhiều khám phá đang chờ đợi chúng ta.

Sự thật, Tu Trong Đời Thường—chỉ cần dẫn mình vào việc hiện giờ đang làm—nghe có vẻ quá đơn giản và không đáng để viết ra. Và sẽ có câu hỏi—rồi sau đó thì sao? Nhưng hãy thử, và tiếp tục như vậy. Đó là việc có thể khó khăn và phật ý nhất; không phải đơn giản hoặc dễ dàng. Tuy nhiên, có một điều an ủi: chỉ có vị Phật toàn giác mới có thể hành trì viên mãn! Đối với chúng ta, việc tu tập liên tục sẽ tạo cho mình thói quen công phu; và cũng đưa ra dữ liệu mới mẻ, trên cơ sở này sẽ đặt bước tiếp theo. Vì vậy, 'Tôi' không thể nhìn thấy hoặc lập trình cho bước kế tiếp, đây là một bài học khác phải học. Khi thực sự bắt đầu pháp tu này, dẫn mình vào việc chúng ta đang làm ngay hiện tại không có nghĩa rõ ràng hoặc đơn giản như chúng ta nghĩ. Pháp tu này chắc chắn cũng đưa đến những phản ứng, thói quen, thái độ, lời tuyên bố mà tôi hoàn toàn bất giác. Đây chỉ là dữ liệu cho bước tiếp theo.

Làm thế nào khởi sự nấu ăn nếu tôi chưa bao giờ vào bếp và vì vậy không thạo việc?

Suppose one day I am looking through old junk and find my grandmother's recipe book and remember nostalgically that delicious cake she used to make. I find the recipe — goodness, how simple! Surely even I can follow that, though I have never bothered about cooking. So I buy all the ingredients as specified and now I am ready to start. I read again, 'Cream a knob of butter, add three spoonfuls of sugar and three egg yolks'. As I reach out to get that knob of butter, I find that I do not know what amount of butter that is. Never having been in a kitchen, I have never seen one. And coming now to think, three spoonfuls of sugar — flat or heaped? Teaspoons? Tablespoons? It says the proportions must be accurate! Nor do I know how to break an egg and separate the yolk from the white. But that need not yet bother me for I am still stuck with that knob of butter!

Training is also like that. It takes it for granted that some of the fundamentals are already familiar, not just in the head, but from practice with the body. If not available, we run into trouble or go grievously astray.

Giả sử ngày nọ tôi đang xem qua những đồ vật linh tinh xưa cũ và thấy cuốn sách dạy nấu ăn của bà tôi và nhớ lại kỷ niệm chiếc bánh ngon bà từng làm. Tôi tìm ra công thức làm bánh—ôi trời, đơn giản làm sao! Chắc chắn làm theo được, mặc dù tôi chưa hề quan tâm đến việc nấu nướng. Vì vậy, tôi mua đủ các món quy định và bây giờ sẵn sàng bắt đầu. Tôi đọc lần nữa, 'Trộn vào một mẻo bơ, thêm ba muỗng đường và ba lòng đỏ trứng'. Khi đưa tay ra để lấy mẻo bơ, tôi thấy rằng mình không biết lượng bơ đó là bao nhiêu. Tôi chưa bao giờ vào bếp, chưa bao giờ nhìn thấy miếng bơ. Và bây giờ phải suy nghĩ, ba muỗng đường—muỗng sét hay muỗng dung? Muỗng cà-phê hay muỗng ăn canh? Sách dạy tỷ lệ phải chính xác! Tôi cũng không biết làm sao đập quả trứng và tách lòng đỏ ra khỏi lòng trắng. Nhưng việc này vẫn chưa làm tôi bối rối vì tôi vẫn kẹt cứng với miếng bơ!

Công phu tu tập cũng như vậy. Phải thừa nhận một số nguyên tắc cơ bản đã quen thuộc, không chỉ để trong đầu, mà thân phải hành trì. Nếu không sẵn sàng như thế, chúng ta sẽ gặp rắc rối hoặc lạc đường trầm trọng.

Traditional meditation teachers do not talk about *Sila* practice; they take it for granted, or how could one otherwise think of taking up the discipline of meditation, a religious discipline which demands strength of perseverance against all the odds that are bound to arise? That strength accrues from *Sila* practice, without which attempts at meditation are bound to fail. To spell it out very clearly, the difference in strength is either I forcing myself to persevere to become somebody or get somewhere; or the strength that accrues from the Daily Life Practice, from whole-heartedly giving myself into what is now being done. The great example as well as inspiration for that is the Buddha under the Bo-tree; even Mara the tempter could not swerve him, daughters and demons alike failed.

When we read modern meditation manuals, the do-it-yourself type, they read like instructions for home improvement. Or like cooking recipes, they instruct, 'Place the mind here, now place it there, now lift it up from here and point it there,' and so on. It all sounds so easy until you try to do it. Just place your mind wherever you are told — on the tip of your nose, on a candle, on the abdomen, or nowhere at all — make it blank!

Các vị giáo thọ Thiền truyền thống không nói về tu tập Giới luật; các ngài mặc nhiên công nhận, hoặc làm sao mà có thể nghĩ khác hơn là chấp nhận kỷ luật Thiền tập, một kỷ luật tôn giáo đòi hỏi sức mạnh kiên trì tương phản với tất cả việc lẽ tẻ dư thừa tạo ra trôi buột? Sức mạnh tích lũy từ hành trì Giới luật, nếu không có thì nỗ lực Thiền định chắc chắn thất bại. Để nói rõ từng chữ, sức mạnh khác nhau ở chỗ đó là sức mạnh buộc mình kiên trì để thành một người nào hoặc đạt đến vị trí nào; hoặc sức mạnh tích lũy từ công phu Tu Tập trong Đồi Thường, từ việc hết lòng dấn thân vào việc hiện giờ đang làm. Ví dụ tuyệt vời cũng như nguồn cảm hứng cho sự huân tu này là Đức Phật dưới cội Bồ-đề; ngay cả Ma vương cũng không quyến rũ được, phái nữ và ma quỷ đều thất bại.

Khi chúng ta đọc sách báo thời nay chỉ dạy tu Thiền, thể loại tự tu tập, giống như hướng dẫn tu bỏ nhà cửa. Hoặc giống như công thức nấu ăn, bảo rằng, 'Đặt tâm vào đây, bây giờ đặt tâm ở kia, bây giờ nâng tâm lên từ chỗ này và hướng về chỗ kia', v.v. Tất cả nghe có vẻ dễ dàng cho đến khi bạn cố gắng thực hành. Chỉ cần đặt tâm vào nơi nào chỉ định— trên chót mũi, trên ngọn nến, trên bụng, hoặc không nơi nào—làm cho rỗng rang!

And just stay like this for at least an hour or so. Try! Have you managed to place the mind thus and keep it there? Yes? For how long, uninterrupted? Of course I cannot — 'I the doer' cannot!

There is real work to be done. And no benefit accrues to me, for I am not even the doer, which is the first lesson I need to learn in this endeavour. In the beginning, of course, I cannot help but feel that I must do it. But if persisting long enough, I come to the conclusion that I cannot. And now with the ensuing frustration and disappointment, a counter-reaction sets in, 'For years I have been training, and no progress at all!' Which is true, for how can a delusion train or progress? So it is a question of just going on without any desire for profit or hankering after fame. I will not get anything out of it — I will not become better, I will not become famous, or a great practitioner, 'I' will not become a Buddha. The only thing I will become, all going well, is what I have always been — nothing. That is awakening from the delusion. I am afraid of that, because I cannot conceive the fullness of Not-I.

Và giữ như thế ít nhất một giờ hoặc lâu hơn. Hãy thử! Bạn có xoay sở để an định tâm trí như vậy và giữ yên? Được không? Được bao lâu, không bị gián đoạn? Tất nhiên tôi làm không được—'Tôi là người thực hiện' thì không làm được!

Có việc thực sự phải làm xong. Và lợi lạc không tích lũy cho tôi, vì thậm chí tôi không phải là người thực hiện, đó là bài học đầu tiên. Tôi cần phải học hỏi trong nỗ lực này. Ban đầu, tất nhiên, tôi không thể không cảm thấy rằng mình phải làm. Nhưng nếu kiên trì đủ lâu, tôi đi đến kết luận rằng tôi không làm được. Và bây giờ với thất bại và thất vọng tiếp theo, một phản ứng ngược lại đặt ra, 'Trong nhiều năm tu tập mà không tiến triển!' Đó là sự thật, làm thế nào mê vọng mà có thể công phu hoặc tiến tu được? Vì vậy, đây là câu hỏi chỉ xảy ra mà không một chút ham lợi hoặc háo danh. Tôi sẽ không sở đắc điều gì từ việc hành trì—tôi sẽ không tốt hơn, không nổi tiếng, hoặc trở thành một hành giả lão luyện, 'Tôi' sẽ không thành Phật. Điều duy nhất tôi sẽ thành là tất cả đều tốt, là sự kiện tôi đã luôn luôn như thế—không một vật. Đó là tỉnh ngộ từ mê vọng. Tôi sợ điều đó, bởi vì tôi không thể Vô-Ngã trọn vẹn.

So in a way I want to give myself into the practice, and in a way I am frightened of doing so, and hold back, get myself distracted or seek for evasions. Again, I am in a split state.

In Japan, with so many evergreen trees, it is said that the old leaves are kind, staying on and so protecting the new ones and falling off when the young buds are ready to sprout. Usually this is considered analogous to the relation of parent and child. But for Zen training, this may be taken in the way that somehow we have to start walking. We may not yet know where to, parted from ourselves as we are, but as long as we just keep going, willing to take things as they come and just open to the walking, a certain set of data accrues which is quite different from what I had always thought. If these data are taken in, 'incorporated', our old attitude begins to change and eventually falls off as now no longer effective or relevant. In its place a new one emerges, now more suitable to this stage of the training or development. So in the course of continuing training, ever new data emerge, bringing about further changes in attitude — a slow ripening or maturing in depth, little shift by little shift.

Vì vậy, tôi theo cách dẫn mình vào tu tập, và tình trạng là sợ hãi khi tu, và đè kèm, khiến chính mình tán tâm hoặc tìm cách trốn tránh. Một lần nữa, tâm tôi trong trạng thái phân hai.

Ở Nhật Bản có rất nhiều cây xanh quanh năm, người ta bảo lá già rất tốt, khi còn trên cây sẽ bảo vệ lá mới mọc rồi rơi rụng khi nụ non sẵn sàng đâm chồi, xem như tương tự quan hệ cha mẹ với con cái. Nhưng đối với sự tu Thiền, không hiểu sao giống như bắt đầu đi bộ. Khởi hành từ chính mình như đang là, chúng ta chưa biết nơi đến, nhưng bao lâu còn tiếp tục đi, sẵn sàng chấp nhận mọi sự xảy ra và chỉ biết khởi sự đi, một chuỗi dữ liệu sẽ tăng dần khác hẳn với điều tôi luôn suy nghĩ. Nếu đưa vào, 'kết hợp', những dữ liệu này, thái độ trước kia của chúng ta sẽ bắt đầu thay đổi và cuối cùng sẽ rơi rụng vì bây giờ không còn hiệu quả hoặc hợp thời nữa. Ngay chỗ thích đáng, một thái độ mới xuất hiện, bây giờ phù hợp hơn với giai đoạn công phu hoặc tiến tu này. Vì vậy, trong quá trình tu tập liên tục, luôn luôn dữ liệu mới xuất hiện, tạo điều kiện cho tâm thái chuyển hóa hơn nữa—một sự thuần thực từ từ hoặc đào sâu sự trưởng thành, thay đổi từng chút một.

All these soften up the rigid structure of I, and of fear born from the desire that I must be or get something, preferably something good, but anything rather than nothing.

Such little changes of attitude happen almost unnoticeably. Only by hindsight arises the awareness that what used to bother me now seems irrelevant and is no longer an issue. Notice that the 'me' is missing in this awareness; hence there is no bother! This is the secret of good training.

But there is also another side to these little shifts of attitude. We are great collectors! Having found a new attitude that has helped me at a specific stage and state, I now hold on to this as for dear life! Having once found it useful, I will not let it go. But however useful it might have been then, it is no longer so for the next step. This is one aspect of the Buddha's *Parable of the Raft*, not to trouble to carry it along once the other shore has been safely reached. So when we cling to this old leaf attitude, it cannot fall off though no longer appropriate. At that, the new attitude cannot emerge or if so, is warped or stunted.

Tất cả đều làm êm dịu cấu trúc cứng nhắc của cái Tôi, và của nỗi lo sợ sinh ra từ ý muốn phải có được một điều gì, tốt nhất là lành thiện, nhưng điều gì cũng được còn hơn là không có gì.

Những thái độ chuyển hóa nho nhỏ như vậy xảy ra gần như không đáng kể. Chỉ qua nhận thức trẻ tràng mới tỉnh ngộ việc tôi thường hay phiền toái bây giờ không liên quan và không thành vấn đề nữa. Xin lưu ý "cái tôi" không có trong sự tỉnh ngộ; do đó không phiền hà! Đây là bí quyết công phu đặc lực.

Nhưng cũng có một phương diện khác về những thay đổi nhỏ trong thái độ. Chúng ta là nhà sưu tập tuyệt vời! Đã tìm thấy một thái độ mới giúp tôi một giai đoạn và tình trạng cụ thể, bây giờ tôi giữ lại như cuộc sống thân yêu! Khi đã thấy lợi lạc, tôi không để mất. Nhưng tuy hữu ích có thể sau đó sẽ không ích lợi cho bước tiếp theo. Đây là một khía cạnh của *Ẩn Dụ Chiếc Bè* trong kinh Phật, sẽ không khó khăn nếu vác theo khi qua đến bờ bên kia an toàn. Vì vậy, khi bám vào thái độ lá già này, lá không thể rụng dù không còn phù hợp. Khi đó, tâm thái mới không thể phát sinh hoặc nếu vậy, sẽ bị méo mó hoặc còi cọc.

Again, what happens if we insist on moving forward the foot that has just taken a step? Yet one more step with the same foot, and now I am so split I can no longer move! In this plight I usually need to be told to stop trying and that now the other foot has to go forwards — which I had not thought of. Such analogies seem deceptively simple, but in fact are very helpful. Desire, wanting, is fundamental — one of the Three Fires, primal energy. It is therefore not a question of getting rid of it, but a question of the skilful use of the energy inherent in it rather than being swept away by it willy-nilly or refusing its energy altogether, which is unskilful. Basically, desire of any kind, for fame or gain, is connected with wanting 'more' (better, higher and so on). Which in itself already explains why we have so much trouble with letting anything go. Whatever I have acquired, by whatever means, has become my property, has it not? It belongs to me, is part of me. That is why losing it hurts! And here we have an indication of why some Zen stories recount drastic measures like hacking off an arm.

Một lần nữa, sẽ xảy ra việc gì nếu chúng ta khẳng định tiến về phía trước chỉ một chân bước? Rồi, bước tới cùng một chân, và bây giờ tôi đang phân hai nên không bước được nữa! Hoàn cảnh này, thường tôi cần được khuyên đừng cố bước và bây giờ chân kia phải tiến lên—thế mà tôi không nghĩ ra. Những việc tương tự như vậy có vẻ đơn giản, nhưng thực tế rất hữu ích. Tham dục, ý muốn, là yếu tố cơ bản—một trong Ba Ngọn Lửa (Tam độc: Tham-sân-si), là năng lượng ban đầu. Do đó, đây không phải vấn đề loại trừ, mà là khéo sử dụng năng lượng vốn sẵn bên trong thay vì bị cuốn trôi dù muốn hay không hoặc chối bỏ hoàn toàn, như thế là không khéo sử dụng. Cơ bản là tham dục kiểu gì, vì danh hay lợi, đều gắn liền với ý muốn 'hơn nữa' (tốt hơn, cao hơn và v.v.) Điều này tự giải thích lý do tại sao chúng ta gặp quá nhiều rắc rối khi buông bỏ. Điều gì tôi được, bằng cách nào đi nữa, là sở hữu của tôi, phải không? Thuộc về tôi, là phần của tôi. Đó là lý do tại sao mất mát thật đau lòng! Và ở đây chúng ta có dẫn giải lý do tại sao vài truyện Thiền kể ra biện pháp quyết liệt như chặt đứt một ngón tay²⁹.

²⁹ Ngón Tay Của Câu Chi. Xem Phụ Bản 2. (D.G.)

It needs to be stressed that it is quite irrelevant whether such stories are historically true; we do not know; more likely they are not. True in the profoundest sense is what they portray, their message. Heeding that might prevent us from indulging in either extreme — arguing the historical 'fact' or literally imitating the 'act'.

Anyway, losing hurts. The less experience we have of it, the more trouble we have with it. Children, when playing games, used to learn to enjoy 'fair play' and 'good sport', and good luck to the winner. Nowadays it seems we cannot play any more; it is either a grim determination that, fair or foul, I must win; or 'competitive' sport or games are considered harmful. What nonsense — the whole nature, not only ours but of all that is, is built on and develops from the principle of what neutrally could be considered as 'utmost stretch'; otherwise we would all still be primal sludge.

So we have to relearn 'playing' and 'losing'. 'Let the heart not settle down on anything,' says the Diamond Sutra.

Cần phải nói rõ là hoàn toàn không thích đáng cho dù chuyện có đúng theo lịch sử hay không; chúng tôi không biết; hình như không đúng. Đúng theo nghĩa sâu sắc nhất đó là thông điệp truyền tải trong sự vật miêu tả. Lưu ý đến thông điệp có thể ngăn chúng ta dễ dãi nghiêng theo một trong hai thái cực—tranh luận về 'sự thật' lịch sử hoặc mô phỏng 'hành động' theo nghĩa đen.

Dù sao, mắt mát vẫn đau lòng. Càng ít kinh nghiệm, chúng ta càng gặp nhiều rắc rối. Trẻ em, khi chơi đùa, thường vui thích trò 'chơi công bằng' và 'thể thao tốt' và chúc may mắn cho người chiến thắng. Ngày nay dường như chúng ta không thể chơi trò vui nữa; dù là một hạn định nghiệt ngã, công bằng hay gian lận, tôi phải thắng; dù là môn thể thao hoặc trò chơi 'đua tranh' xem như tác hại. Điều vô lý—toàn bộ bản chất, không chỉ là việc của chúng ta mà của tất cả, xây dựng và phát triển từ nguyên tắc chơi không hơn thua thì xem là "hết sức mình"; nếu không thì tất cả chúng ta chủ yếu vẫn là cặn bã.

Vì vậy, chúng ta phải học lại cách "chơi" và "thua". Kinh Kim Cang nói "Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm (nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia)³⁰."

³⁰ 'Không chỗ trụ' là buông bỏ, chứng nghiệm tánh Không 'sanh tâm kia' là sau đó tâm chứng ngộ phát sanh. (D.G.)

This is a universal insight; nothing specifically Eastern about it. Surely we have all been brought up on Blake's, 'He who kisses the joy as it flies...'?

Where then is the trouble? If I have successfully brought off something, and now got myself into the habit of doing so, somehow this habit belongs to me, is the 'property' of me (not just mine); this is why I feel I cannot let it go, instead of always clearing, emptying, voiding, sweeping out. There is great merit in Sutra chanting. First, it fills the heart with aspiration for the Buddha's Path; being now filled with it, one might be tempted to keep it all for one's own use, for one's own walking on that Path. Actually we do not keep any of it but 'turn over' the merit, so that after having given ourselves into the chanting, we end it totally cleaned out, voided of anything. This cleanly becoming nothing at all, again and again — the daily chanting — makes it possible to come into accord with the Dharma, that is with our inherent nature. Having become estranged from it we are in a split state amid the tangle of the pairs of opposites, ensnared by the ten thousand things.

Đây là tuệ giác phổ quát; không có gì đặc biệt đối với Đông phương. Chắc chắn tất cả chúng ta được học câu của Blake, 'Người hôn niềm vui khi cất cánh bay xa ...' phải không?

Vậy thì rắc rối ở đâu? Nếu đã thành tựu một việc gì, và bây giờ tôi có thói quen làm như vậy, không hiểu sao thói quen này thuộc về tôi, là 'sở hữu' của tôi (không chỉ riêng tôi); đây là lý do tại sao tôi cảm thấy mình không thể buông bỏ, thay vì luôn luôn trừ sạch, dẹp trống, bỏ mất, quét hết. Tụng kinh thì có công đức lớn. Đầu tiên sẽ thỏa mãn tâm khát vọng Phật đạo; bây giờ thỏa mãn rồi, chúng ta muốn giữ lại tất cả sử dụng riêng cho mình, để một mình đi trên đường Đạo. Thực tế, chúng ta không giữ được gì ngoài việc 'thu nhập' công đức, sao cho khi tụng kinh xong, chúng ta kết thúc hoàn toàn tẩy sạch, buông xả tất cả. Việc tẩy sạch này rốt cuộc không trở thành là gì, lặp đi lặp lại—tụng kinh hằng ngày—sẽ hài hòa với Phật Pháp, đó chính là chân tánh bản hữu nơi chúng ta. Sau khi xa cách bản tánh, chúng ta rơi vào tình trạng phân hai giữa mớ hỗn loạn của cặp nhị nguyên đối đãi, bị muôn pháp bao vây.

If we are hesitant, unwilling to risk walking on from where our feet stand, thinking, 'No, I am not going to stir at all until I know exactly what I have to do, to say and to think; only then shall I start walking the Buddha's way, for then I'll be able to do it correctly,' we will sit for ever, preening ourselves with the delusion that if I but know how to do it I can do it. We learn by doing it, not by sitting and thinking how, for then we are stuck.

This sad state befell a centipede; capable of running very fast, it was asked, 'How can you keep all your feet under control, never get them crossed, never stumble? At such speed, too! And with which leg do you actually start to run?' The centipede began to think and found that he did not know. He went on thinking, trying to find out, but to no avail. He died on the spot, still busily thinking, 'How?' and incapable of moving!

So never mind how, just somehow start walking any old way, at least start moving.

Nếu do dự, không muốn mạo hiểm bước đi từ chỗ chân đang đứng, nghĩ rằng, 'Không, tôi sẽ không di chuyển cho đến khi biết chính xác việc phải làm, phải nói và suy nghĩ; chỉ sau đó tôi mới bắt đầu tu theo Phật đạo, sau đó mới có thể hành trì chính xác,' chúng ta sẽ ngồi mãi, tự hài lòng với vọng tưởng rằng nếu chỉ cần biết phải làm sao thì tôi có thể làm được. Chúng ta học bằng hành động, không phải ngồi và nghĩ làm thế nào, vì như thế sẽ kẹt dính.

Trạng thái đáng buồn này là một con rết; có khả năng chạy rất nhanh, hỏi nó, 'Làm thế nào có thể điều động hết đôi chân, không bao giờ tréo chân, không bao giờ vấp ngã? Với tốc độ nhanh như vậy, trời ạ! Và chân nào thực sự bắt đầu chạy?' Con rết bắt đầu suy nghĩ và thấy mình không biết. Nó suy nghĩ tiếp, cố gắng tìm hiểu, nhưng vô ích. Con rết chết ngay tại chỗ, vẫn bận rộn suy nghĩ, 'Tại sao vậy?' và không nhúc nhích được!

Vì vậy, đừng bận tâm phải làm thế nào, chỉ bắt đầu bước, cách xưa cũ nào cũng được, ít nhất là bắt đầu di chuyển.

However halt or lame, even split from oneself, one learns from *doing* it. Being willing and eager to learn also makes one open to correction and this again helps in the little shifts of attitude and counteracts the clinging to 'my' way of doing which so often is different from the Buddha's Way! This is the gist of another Japanese proverb often heard in Zen training, 'Better than learning it, get used to it.' This also indicates that there is a strong physical aspect to the training; it is done more in the body than in the head.

So the herdsman, though split — that is, divided in himself — nevertheless starts walking. That is, aspiration and motivation have come together into one harmony. He has heard something of Buddhism, and understands that what he feels to be lacking is not to be found outside himself. But as yet this is only an intellectual understanding; underneath there is the feeling that something extra, additional, 'more' has to be found and 'incorporated' somehow.

*

Dù sao, dừng lại hoặc khập khiễng, thậm chí phân hai, ta vẫn học hỏi từ *hành động* này. Ý muốn và ham học cũng khiến ta cởi mở để sửa sai và điều này một lần nữa giúp thay đổi thái độ và ngăn chặn bám víu vào cách làm 'của tôi' thường khác với Phật Đạo! Đây là ý chính của một câu tục ngữ Nhật Bản khác phổ biến trong khóa tu Thiền, 'Quen việc tốt hơn là học việc.' Sự kiện này cũng chỉ ra một phương diện vật lý mạnh mẽ trong sự tu tập, là công phu sẽ đặc lực qua thao tác của thân hơn là suy nghĩ trong đầu.

Vì vậy, người chăn, mặc dù phân hai—nghĩa là tự tách làm hai—vẫn bước đi. Đó là khát vọng và động lực hài hòa với nhau. Người chăn đã học Phật pháp, và hiểu rằng điều thiếu vắng không thể tìm thấy bên ngoài mình. Như vậy đây chỉ là hiểu biết tri thức; ẩn sau cảm giác có một điều gì thêm vào, bổ sung, điều 'hơn nữa' phải tìm ra và 'kết hợp'.

*

2. SEEING THE TRACES

Yamada Mumon

PREFACE:

With the aid of the sutras, you gain understanding; through study of the teachings, you find traces. You see clearly the many vessels are all one metal, and the ten thousand things are all yourself. But if you do not distinguish correct from incorrect, how will you recognize true from false? Since you have yet to pass through that gate, only tentatively have you seen the traces.

VERSE:

By the water and under the trees, tracks thick and fast.

In the sweet grasses thick with growth, did you see it or did you not?

But even in the depths of the deepest mountains,

How could it hide from others, its snout turned to the sky?

TRANH THIÊN TÔNG SỐ 2: THẤY DẤU

HT Thích Thanh Từ dịch

DẪN:

Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết. Biết rõ vòng, xuyên... đều là vàng, cả thấy muôn vật là chính mình. Chánh tà chẳng cần biện biệt, chơn ngụy dấu cần phân chia.



Chưa vào cửa này tạm gọi là thấy dấu.

TỤNG:

Thủy biên lâm hạ tích thiên đa
Phương thảo ly phi kiến dã ma
Túng thị thâm sơn cánh thâm xứ
Liêu thiên tử khổng tạc tàng tha.

(Ven rừng bên nước dấu liên hồi
Vạch cỏ ruộng cây thấy được thôi
Ví phải non sông lại sâu thẳm
Ngất trời lỗ mũi hiện ra rồi.)

2. YAMADA MUMON

The second picture is *Seeing the Traces*. This is the stage where, after searching for the ox deep in the mountains, you finally come across its tracks.

PREFACE:

With the aid of the sutras, you gain understanding; through study of the teachings, you find traces.

First, we must study the sutras and ponder the records left by the teachers of the past in order to determine where our own nature is. Sometimes you hear it said that Zen monks do not have to read books or to study. We say Zen is "a separate transmission outside the scriptures," but it is only because there is a teaching that there is something transmitted separate from it. If there were no teaching necessary in the first place, you could not speak of a transmission separate from it. If we do not first study the sutras and ponder the records of the ancients, we will end up going off in the wrong direction altogether. The ancient teachers engaged in all branches of scholarship and studied all there was to study; but just through scholarship alone, they were not able to settle what was bothering them.

2. SƠN ĐIỀN VÔ VĂN

Tranh số 2 *Thấy Dấu*. Đây là giai đoạn sau khi tìm trâu trong núi sâu, cuối cùng thấy được dấu vết.

DẪN:

Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết.

Trước tiên chúng ta phải học kinh điển, suy nghiệm ngữ lục cổ đức để lại, hầu xác định đâu là tự tánh. Đôi khi nghe Thiền sư bảo không cần đọc sách hay học kinh. Nói rằng Thiền là "Giáo ngoại biệt truyền," nhưng đó chỉ vì có giáo pháp truyền riêng ngoài kinh điển. Nếu ngay từ ban đầu không có giáo điển, tất không thể nói truyền riêng ngoài giáo được. Nếu đầu tiên không "văn" và "tu" kinh luận chư cổ đức, rốt cuộc chúng ta sẽ làm đường lạc lối. Chư cổ đức tham gia vào mọi lãnh vực học thuật và "văn-tu" tất cả bộ môn cần "văn-tu"; nhưng nếu chỉ có học thôi thì không thể dựng lập điều gì khiến các ngài phải bận tâm. Rồi các ngài quay sang Thiền.

It was then that they turned to Zen. That is why their Zen has real power and dynamism. If you have no understanding of Buddhism, no knowledge of the words of the Dharma, it does not matter how many years you sit, your zazen will all be futile.

"With the aid of the sutras, you gain understanding." The Zen sect does not base itself on anyone sutra but considers all sutras in the Buddhist canon equally worthy. It is worthwhile reading any sutra which Shakamuni Buddha expounded, but within those, it is good to read the ones especially pointed out by our ancient teachers. Bodhidharma passed the *Lankavatara Sutra* on to the Second Patriarch Eka Daishi with the advice that he would not be making a mistake if he took this text as a guide to practice. Both the Fifth Patriarch and the Sixth Patriarch attained their Zen through the *Diamond Sutra*. Rinzai Zenji came to Zen after thoroughly studying the *Avatamsaka (Flower Garland) Sutra*. Hakuin writes in his autobiography that he read the *Lotus Sutra* when he was young but threw it away laughing, "If this is the king of all sutras, then even popular novels or storybooks or puppet-plays can be king of all sutras." Years later when he had taken over a temple, he reread the *Lotus Sutra*.

Đây là lý do tại sao Thiền có sức mạnh và động lực chân thực. Nếu không hiểu Phật giáo, không hiểu chữ nghĩa Phật pháp, dù có tọa Thiền lâu bao nhiêu năm, chỉ là uổng công.

"Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết." Thiền không căn cứ vào riêng bộ kinh nào nhưng xem tất cả kinh Phật đều giá trị bằng nhau. Thật là quan trọng và cần thiết phải đọc kinh điển từ kim khẩu đức Phật Thích-ca, nhưng tốt nhất nên đọc những bộ kinh chư Thiền đức chỉ bày. Sơ tổ Bồ-đề Đạt-ma truyền kinh Lăng-già cho Nhị tổ Huệ Khả khuyến cáo chớ có làm lần xem đây là hướng dẫn công phu. Ngũ Tổ và Lục Tổ chứng đạt Thiền qua kinh Kim Cang. Thiền Sư Lâm Tế ngộ Thiền sau khi học hỏi thấu đáo *kinh Hoa Nghiêm*. Bạch Ẩn Huệ Hạc³¹ viết trong tự truyện là đã đọc kinh Pháp Hoa ngay khi còn trẻ nhưng đã ném đi và cười nói: "Nếu đây là vua các bộ kinh, ngay cả truyện bình dân hoặc thần tiên hoặc trò chơi búp-bê cũng là vua các bộ kinh." Những năm sau khi trụ trì một tự viện, Bạch Ẩn đọc lại kinh Pháp Hoa.

³¹ (1686-1730), Tổ trung hưng Thiền Lâm Tế Nhật Bản.

Reading the *Sutra* till late one night he heard the "crick, crick" of a cricket from under the floorboards and was suddenly enlightened to it as the wonderful embodiment of the *Lotus*. He cried out in a great voice, "This wonderful sutra! How could I have been so prejudiced till now and rejected it out of hand!" In the *Lotus Sutra*, it is written, "Daily duties and attending to work is nothing other than true reality." When we do business, or farm, or do temple work, or engage in politics and economics, all this is the Buddha-dharma. Again it is written, "All things now in the Three Worlds are my possession; all sentient beings within them are my children." To grow in comprehension of these words is what is meant by **"With the aid of the sutras, you gain understanding."** In the *Avatamsaka (Flower Garland) Sutra* is written, "The grass and trees, the land and the earth, are all buddha." In the *Nirvana Sutra* is written, "All sentient being whatever possesses buddha-nature." In the *Diamond Sutra* is written, "Rouse the mind which resides nowhere." All of these are none other than the immaculate embodiment of Zen. All express the buddha-mind just as it is.

Xem kinh đến khuya, một đêm nghe tiếng dế kêu dưới sàn ván bông nhiên ngài ngộ được hiện thân vi diệu của kinh Pháp Hoa. Ngài hét lên: "Kinh thật vi diệu! Sao trước đây ta lại có thành kiến và bỏ không màng tới!" Trong kinh Pháp Hoa, có nói: "Bỏ phần hằng ngày và chú tâm làm việc không gì khác hơn là thực tướng³²." Khi làm việc, ngoài đồng hay trong chùa, hoặc trong lãnh vực chính trị kinh tế, tất cả đều là Phật pháp. Lại nữa kinh nói: "Mọi vật trong tam giới đều là sở hữu; mọi chúng sanh đều là con đẻ." Thăng tiến nhờ hiểu biết lời trên chính là ý nghĩa câu **"Nương kinh để hiểu nghĩa."** Kinh Hoa Nghiêm bảo: "Cỏ cây đất nước tất cả đều là Phật³³." *Kinh Niết-bàn* viết: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh³⁴." Kinh Kim Cang: "Nên không chổ trụ mà sanh tâm kia³⁵." Tất cả những câu trên không gì khác hơn là hiện thân bất nhiễm của Thiên. Tất cả đều diễn bày Phật tâm tự như như.

³² Trụ sanh sản nghiệp vi bối thực tướng.

³³ Thảo mộc quốc thổ giai thị thành Phật.

³⁴ Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh.

³⁵ Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm.

If without studying the sutras, you merely sit in zazen and get swellheaded because you've passed some koans, or even—Heaven forbid!—have had satori and received permission to teach, you will become a "Zen devil".³⁶ "With the aid of the sutras, you gain understanding; and through study of the teachings, you finds traces," so it is written. Through the pointers left behind by the ancient teachers, we catch sight of the ox's traces. We catch sight of the footprints of the ox called the heart-mind.

You see clearly the many vessels are all one metal, and the ten thousand things are all yourself.

In the hardware store, there are pots and pans and row after row of utensils all made of metal. Though they are all shapes and sizes, they are all made of the same metal. In this world there are innumerable things of every kind and variety, but we know that they are all reducible to the same elements. The ten thousand things are all this one body of mine! When you realize this, for the first time, you become heaven and earth and the universe; you become all things in their infinite number and variety.

³⁶ Zen devil: A *Zen temma* is one who has had the experience of satori but has done no no scholar study of the literature.

Nếu không học kinh, chỉ tọa Thiền, bạn sanh kiêu căng vì qua được vài công án hoặc ngay cả—trời thương—bạn chứng ngộ và được ấn chứng cho phép giảng dạy, bạn sẽ thành "thiên ma Thiền"³⁷. Đó là: "Nương kinh để hiểu nghĩa, xem giáo lý tìm dấu vết." Qua lời chỉ dạy cổ đức để lại, chúng ta thấy dấu trâu, tức là thấy tâm ý mình.

Biết rõ vòng, xuyên...đều là vàng, cả thầy muôn vật là chính mình.

Trong cửa hàng điện khí, có nồi chảo và từng hàng kệ đồ gia dụng bằng kim loại. Dù mọi vật có nhiều cỡ nhiều kiểu, tất cả đều làm bằng một thứ kim loại. Trên thế gian vô số vật dụng đủ thể loại đủ hình dáng, nhưng chung qui có những yếu tố giống nhau. Vạn pháp là tất cả nơi thân mình! Khi nhận biết như thế, lần đầu tiên, bạn là trời và đất và vũ trụ; bạn là mọi sự vật nhiều vô lượng và sai khác vô số.

³⁷ Là người có kinh nghiệm ngộ nhưng không học tập kinh điển.

You bodily realize that all the ten thousand things just as they are all you yourself. It is written, "I am of the same root as all heaven and earth; I am one body with the ten thousand things."³⁸

Those are splendid words. It is indeed just as they say, but it won't do if you come to this understanding only through the sutras. That is merely understanding gained from reading the words of the teachings; it is not *kensho*, "seeing one's nature".

It does not mean that you have actually seen the ox. All it means is that you have found the tracks.

But if you do not distinguish correct from incorrect, how will you recognize true from false?

So now you know what the *samadhi*³⁹ of *Mu* is, but that is still just a trace. You cannot call it *kensho* unless, to use the words of Rinzai Osho, you have realized "True Insight" out of which comes the dynamic for distinguishing Buddha from devil. If you cannot recognize the difference between correct and incorrect, you will not be able to distinguish true from false.

³⁸ *Blue Cliff Record* Case 40

³⁹ *Samadhi* (Skt.): *Zammai*. *Samadhi* is a state of deep concentration and tranquility in meditation. It is not the same as the experience of awakening.

Tự thân bạn nhận biết tất cả vạn pháp tự như là tất cả chính mình. [Triệu pháp sư] bảo: “Trời đất cùng ta đồng gốc, vạn vật cùng ta một thể.”⁴⁰

Đây là ngôn từ vi diệu. Nhưng sẽ không được vậy nếu bạn chỉ hiểu qua kinh điển. Hiểu suông nhờ nghe và đọc lời lẽ trong kinh điển; đó không phải là "kiến tánh." Không phải bạn thấy trâu, chỉ có nghĩa bạn thấy dấu.

Chánh tà chẳng cần biện biệt, chơn ngụy đâu cần phân chia:

Bây giờ bạn biết thế nào là tam-muội⁴¹ của *Không*, nhưng vẫn chỉ là dấu vết thôi. Không thể nào gọi là kiến tánh, trừ phi, dùng thuật ngữ của Lâm Tế, bạn được "kiến giải chân chánh"⁴² tức là sức biện biệt đâu là Phật đâu là ma (khỏi bị bọn yêu tinh hoặc loạn). Nếu không nhận ra sai khác giữa chánh và tà, sẽ không biện rõ chân và vọng.

⁴⁰ Tắc 40- Bích Nham Lục.

⁴¹ Tam-muội hay Định là trạng thái chú tâm cao độ và tĩnh lặng thật sâu trong Thiền tập; không giống với kinh nghiệm chứng ngộ.

⁴² Lâm Tế Ngữ Lục-chương 10.

If all you can talk about is the *samadhi* of *Mu* in which all things are just *Mu*, you haven't yet got the real thing. You cannot say that you have really seen the ox until you get that power by which "In the leap of a spark, you separate black from white; in a flash of lightning, you discern stop from start."

Since you have yet to pass through that gate, only tentatively have you seen the traces.

At this point, we really still cannot say that you are inside; you are still an outsider beyond the gate. For this reason, this provisional stage of "Seeing the Traces" has been created. You think you have gradually gotten settled into the *samadhi* of *Mu* but you still cannot recognize correct from incorrect, distinguish true from false. You've been saying "*Mu! Mu!*" over and over but you haven't the slightest idea if this is the right way or the wrong way. This is still just "Seeing the Traces" and for this, Kakuan Osho has written a verse.

VERSE:

By the water and under the trees, there are tracks thick and fast.

Nếu nói về tam-muội của *Không* trong đó mọi sự vật đều *Không*, tức là bạn chưa đạt lẽ chân thật. Bạn không thể nói thực sự thấy trâu cho đến khi nào chúng đạt năng lực "Chọi đá (nháng lửa) phân đen trắng, (sấm chớp) điện xẹt biến môi manh."⁴³

Chưa vào cửa này tạm gọi là thấy dấu.

Đến đây, chúng ta chưa thể nói thực sự thể nhập; bạn còn ở ngoài chưa vào cửa. Vì lý do đó, phải vẽ ra giai đoạn tạm thời "Thấy dấu." Bạn nghĩ là dần dần nhập vào tam-muội của *Không* nhưng bạn vẫn chưa biện biệt được chánh với tà, chân với vọng. Bạn đã khán chữ "*Không! Không!*" liên tục nhưng chưa biết chút nào là đúng hay sai đường. Chỉ mới là "Thấy dấu" vì thế, Quách Am viết ra.

TỤNG:

Ven rìng bến nước dấu liên hồi

⁴³ Thạch thủy quang trung phân trụ (lạ thâm) tố (tơ nơn). Thiêm điện cơ lý biện đoan nghệ.

In search of the ox, you entered the mountains and then where you reached the clear waters of a running stream, in a thick cedar forest, you came upon the tracks of the ox, did you not? This is the place of:

The willows are steeped with Kannon's wondrous form,

The whispering pines teach the salvation of sentient beings.

An old pine speaks intrinsic wisdom,
And a mysterious bird toys with truth.

The sound of the wind in the pines, this too is a trace of the ox, is it not? The call of the nightingale, "Ho-hokekyo," this too is a trace of the ox, is it not? The streams, the birds, the trees and the forest are all chanting Buddha, chanting Dharma, chanting Sangha. Everything you see, everything you hear, each and every one is a manifestation of the heart-mind. There is nothing which is not a trace of the ox. An ancient verse runs:

The splashing of the brook is the eloquence of the Buddha,

Are not the mountains in color the pure Buddha body?

In the sweet grasses thick with growth, did he see it or did he not?

Đi tìm trâu, bạn vào núi và đến chỗ thấy suối chảy nước trong, rừng cây tuyết tùng dày đặc, thành linh bạn thấy dấu trâu. Đây là chỗ:

Dáng liễu chìm ngập Quan Âm diệu

Tiếng tùng thuyết pháp độ chúng sanh

Tùng già nói Bát-nhã

Chim rừng bày chân như⁴⁴.

Có phải tiếng gió thổi trong tùng bách, tiếng sơn ca hát cũng là dấu trâu? Suối chảy, chim muông, rừng cây đều hát lên Phật, Pháp, Tăng? Mọi vật thấy được, mọi vật nghe được, mỗi mỗi đều là tâm hiện hành. Không một vật nào chẳng phải dấu trâu. Cổ thư nói:

Suối reo vẫn Pháp âm bất tuyệt

Màu non kia Chân thể Như lai⁴⁵.

Trong cỏ non dày và cao, người chăn thấy trâu hay không?

⁴⁴ Liễu nhiễm Quan Âm vi diệu tu / Tùng suy thuyết pháp độ sanh thanh / Cổ tùng đàm Bát-nhã / U điều lộng chơn như.

⁴⁵ Thơ của Tô Đông Pha. Xem Phụ Bản 3.

The sweet grasses here refer to the sutras which expound Buddha-nature and the recorded sayings of the ancients which point to Zen. There are in fact enough such books to make a mountain. "Thick with growth" here means that those grasses are full and plentiful; those grasses, still wet with dew, are endlessly lush and profuse. In those sweet grasses, in everything you see and in everything you hear, there is nothing which does not reveal buddha-nature. Are they not all traces of the ox? And you? Have you seen it? Have you heard it?

*But even in the depths of the deepest mountains,
How could it hide from others its snout turned to
the sky?*

Despite the fact that there are so many traces of the ox everywhere, still you haven't seen it. This is because you are stuck in the weeds of self-delusion. The thickets of self-delusion are choked with overgrowth. It does not matter how much you seek, how much you search; always you are buried under a mountain of self-delusion, choked with the weeds of mistaken thinking, with the weeds of intellectualization. There is no way you can find the ox. But it is not as sad as all that. "*How could it hide from others its snout turned to the sky?*" says the verse.

Cỏ non ở đây ám chỉ kinh điển diễn bày Phật tánh và ngữ lục chư cổ đức chỉ ra lý Thiên. Thực tế kinh điển ngữ lục đủ chất thành núi.

"Dày và cao" ở đây là cỏ mọc cao rậm rạp; ngọn cỏ, còn ướt đầm sương, vô cùng sum sê tươi tốt. Trong đám cỏ non, trong mọi vật thấy nghe, không là gì ngoài Phật tánh thể hiện. Không phải là dấu trâu sao? Và bạn có thấy, có nghe chăng?

*Ví phải non sông lại sâu thẳm
Ngát trời lỗ mũi hiện ra rồi.*

Cho dù thực tế rất nhiều dấu chân trâu khắp nơi, nhưng bạn vẫn không thấy. Bởi vì bạn bị giam hãm trong đám cỏ hoang tự ngã vô minh. Lùm bụi tự ngã vô minh dày đặc um tùm. Không biết tìm kiếm bao lâu; luôn luôn bạn bị chôn chặt trong ngọn núi tự ngã vô minh, vây kín trong cỏ hoang vọng tưởng, cỏ dại tri kiến. Không cách nào bạn tìm thấy trâu. Nhưng không việc gì phải buồn thảm. "*Ngát trời lỗ mũi hiện ra rồi.*" câu tụng nói như thế.

So long as you've seen the traces of the ox, there is no way that ox can hide its snout, that nose lifted to the sky. Sometime or other, it will show that snout to everyone. So things are not really so sad, after all.

If you've seen the tracks, then do not throw down your staff in frustration and call it quits; follow up the tracks until you finally catch it. So long as you do not give up that affirmation of your vow, so long as you do not break your staff in frustration, for certain you will be able to catch the ox. Don't get discouraged. No matter what, you must summon up that determination, once more push on up that mountain. We are only at "Seeing the Traces", the second of *The Ten Oxherding Pictures*. You have been in the monastery for just three months, and are only now at the point where you are finally starting to see something like the traces of the ox. But there are still among you many who don't know if you're looking at the tracks of an ox or at the tracks of a horse. This is no place to get discouraged and throw down your staff.

Waka:

Determination deep
In the mountains
Your efforts bear fruit.
Tracks!

Bao lâu thấy dấu chân trâu thì không cách nào trâu che giấu được lỗ mũi cao ngất trời, và ai cũng sẽ thấy không lúc này thì lúc khác. Vậy rốt cuộc không việc gì phải buồn thảm.

Nếu đã thấy dấu, chớ thất vọng vứt bỏ gậy cầm tay; hãy theo tiếp dấu chân cho đến khi bắt được trâu. Bao lâu giữ nguyên lời nguyện không bỏ cuộc, bao lâu không bẻ gậy vì thất vọng, chắc chắn bạn sẽ bắt được trâu. Đừng chán nản. Dù sao đi nữa, bạn cần phải đẩy mạnh ý chí kiên quyết, một lần nữa hãy tiến bước lên ngọn núi này. Chúng ta chỉ mới "Thấy dấu", tranh số 2 trong Mười Bức Tranh Chăn Trâu. Bạn mới vào tu viện chỉ ba tháng, và bây giờ chỉ ở giai đoạn thấy vật gì giống như dấu trâu. Nhưng vẫn còn nhiều người như bạn không biết bạn thấy dấu trâu hay dấu ngựa. Đây không phải chỗ nản lòng và ném bỏ gậy cầm tay.

Hòa Ca:

Định rõ được sâu
Trong núi
Công phu thuần thực
Ồ!

How gratifying to see a sign.

You've been repeating "*Mu! Mu!*" morning and night since the start of the training *term*.⁴⁶ As a result, regardless of what you may think, your "*Mu!*" has turned into the tracks of the ox. Up till now, you've been repeating "*Mu! Mu!*" as if it had no connection with you but now you are starting to see that this "*Mu*" is your own "*Mu*". It has turned into the traces of the ox, your own heart-mind. Somehow it has settled into you. Remember:

If you persevere day and night without break,
Then just one lighting of the candle of the
Dharma
Is at once to attain it.

Do not let those tracks out of sight wherever you go. Ponder them when you are out on begging rounds, when you are out doing work. If you persevere without break through the day through the night, then finally you are going to catch one brute of an ox.

⁴⁶ Training term: The Rinzai Zen monastery year is divided into two training terms, the "rain retreat"—which usually begins in April, and the "snow retreat"—which usually begins in October. In the early Indian Buddhism before there were fixed monasteries, monks wandered from place to place except for the summer rainy season, during which they remained in one place continuously. The word *ango*—refers to the period of temporary residence.

Mãn nguyện dấu vết thấy rồi.

Bạn luôn đề khởi "*Không! Không!*" từ sáng đến chiều kể từ khóa tu an cư⁴⁷. Hậu quả là, dù nghĩ ngợi thế nào, đối với bạn "*Không!*" đã trở thành dấu chân trâu. Trước đây bạn đề khởi "*Không!*" mà chưa tiếp cận nhưng giờ đây "*Không!*" bắt đầu là của bạn, là dấu chân trâu, là tâm chính mình, một điều gì an trụ trong nội tâm. Nên nhớ:

Kiên trì ngày đêm không ngừng nghỉ,
Chỉ cần một tia sáng Pháp đấng,
Ngay đó liền đạt ngộ.

Chớ để mất dấu dù đi đến nơi nào. Hãy tham cứu khi trì bình khát thực, khi lao tác. Nếu kiên trì không ngừng nghỉ suốt ngày suốt đêm, rồi thì bạn sẽ nắm được tính hoang dã của trâu.

⁴⁷ Thiền viện Lâm Tế chia hai khóa tu tập an cư trong năm là "an cư mùa mưa (vũ an cư)" thường vào tháng 4 và "an cư mùa tuyết (tuyết an cư)" tháng 10. Đạo Phật xưa kia ở Ấn Độ có các tự viện cố định và chư tăng du phương trừ những tháng hạ mùa mưa. Danh từ *an cư* dành cho thời gian tạm ngụ trong chùa.

Search to the very limits of your uncertain heart,--

There, the tracks of the long lost ox.

Well, you seem to have found the ox's tracks but now, no matter what you do, no matter how far you go, all you find are traces. There's no sign even of the ox's tail. You haven't spotted even the ox's tail let alone that snout pointed up at the sky. You say to yourself, "No matter how many times I go to *sanzen*, I just get rung out by the bell. I give up." Even if this is what you are thinking, there's no way out of it because if you get dragged out by the head monk, you will still have to go and do another "*Mu!*" The very idea of going to *sanzen* disgusts you. You didn't think it would come to this. How many years is it going to take going "*Mu! Mu!*" at this pace? You are completely disgusted. That's what you may be thinking but on the other side—the one who has to listen to all this "*Mu! Mu!*" from every one of you, one after the other with never a change—in the end he gets disgusted, too. This is an endurance contest, a test of patience. Who's going to give in first? There's nothing to do but play the fool and, just as always, go out and search for the tracks of the lost ox. Now, with that attitude, go get that ox.

*

Tìm hết bên bờ tâm bất định
Chỗ đó, dấu vết bước chân trâu.

Bạn đã thấy dấu trâu nhưng giờ đây, dù đang làm gì, dù đi xa đến đâu, mọi vật gặp phải đều là dấu vết của trâu. Không thấy dấu hiệu nào dù là đuôi trâu. Bạn không phát hiện được ngay cả chiếc đuôi dù trâu đang ngất mũi lên trời. Bạn nhủ thầm: "Dù đã bao nhiêu lần tham Thiền cũng mặc, không rung chuông nữa. Thôi, bỏ cuộc." Cho dù nghĩ như thế, không cách nào thoát ra vì bạn bị thủ tọa lôi ra ngoài, bạn vẫn phải tiếp tục đề khởi "*Không!*" Chính ý nghĩ đi tham Thiền làm bạn ghê sợ. Bạn đã không nghĩ tình trạng này xảy ra. Sẽ mất bao nhiêu năm tham khán "*Không! Không!*" ở mức độ này? Bạn hoàn toàn chán ghét. Đây là việc có thể nghĩ ra nhưng còn phía bên kia—người phải lắng nghe tất cả "*Không! Không!*" từ mỗi người trong bạn, từng người một mà chưa hề thay đổi—cuối cùng người lắng nghe cũng cảm thấy chán ghét. Đây là cuộc thi sức bền bỉ, bài kiểm về kiên nhẫn. Ai sẽ nộp bài trước? Không có gì ngoài việc chơi trò đánh lừa và, như mọi khi, hãy bước ra và tìm dấu con trâu bị lạc. Bây giờ, với thái độ như thế, hãy đi bắt trâu.

*

2. SHENG YEN

Here the oxherder has found hoofprints of the ox, but the ox itself is still not to be seen. Some tracks go off to the east, some to the west. Others start and then suddenly stop, or turn, leading the oxherder into all sorts of dead-end byways. Seeing them, the herder becomes ever more confident that the ox is out there, and now he has an inkling of just how he might proceed. However, he is still confused about which direction to take or which trail to follow.

This scene depicts persons who have come into contact with an enlightened teacher or who have read about Chan practice in Buddhist scripture. They have developed a firm belief that Buddha-nature is real and that Sakyamuni Buddha and the Chan patriarchs experienced it and left valuable teachings to point the way. Realizing that those who attained enlightenment in the past were once ordinary persons like themselves, they develop the confidence that they can accomplish this too. Nevertheless, not having any experience themselves, they are not sure how to proceed.

2. THÁNH NGHIÊM

Ở đây, người chăn đã tìm thấy dấu trâu, nhưng chính con trâu vẫn chưa thấy. Một số dấu vết ở phía đông, một số ở phía tây. Những dấu khác xuất hiện và rồi đột nhiên biến mất, hoặc rẽ qua chỗ khác, dẫn người chăn vào đủ loại đường cùn. Thấy dấu, người chăn tự tin hơn bao giờ hết rằng trâu ở đâu đó, và bây giờ anh có một ý niệm chưa rõ lắm về cách tiến hành. Tuy nhiên, anh vẫn bối rối không biết nên đi theo hướng nào hoặc đi đường nào.

Cảnh trong tranh mô tả những người đã tiếp xúc với một bậc thầy giác ngộ hoặc những người đã đọc về hành Thiền trong kinh Phật. Họ phát triển niềm tin vững chắc rằng Phật tánh có thật và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và chư tổ Thiền tông đã chứng nghiệm Phật tánh và để lại giáo huấn có giá trị chỉ đường. Nhận biết những bậc giác ngộ trong quá khứ đã từng là người thường tình như mình, họ tăng trưởng tín tâm rằng mình cũng có thể thành tựu. Tuy nhiên, không có một kinh nghiệm nào, họ không biết phải tiến hành ra sao.

What is the best method to search for enlightenment?
Precisely how is Chan to be practiced?

For many people, practice at this elementary stage will be erratic. If results don't come soon, they may begin to have doubts and wish to change their methods. Sometimes they will work hard, at other times grow lax and drop their practice. Frequently, they are not at all sure if they are heading in the right direction, or making any progress at all. Sometimes, efforts will be rewarded and practitioners will feel quite confident, "Yes, I definitely can achieve enlightenment this way." Other times, they will feel completely despondent, often far worse than when they started. With persistent effort, however, they will eventually sort out the confusing array of hoofprints and begin to get an idea, through experience, of just what proper practice entails. They will develop some power and skill in their practice, and with the appearance of these positive signs, their confidence in it will become more firm.

*

Phương pháp nào tốt nhất để tìm giác ngộ? Tu Thiền chính xác thì như thế nào?

Đối với nhiều người, tu tập ở giai đoạn sơ đẳng này sẽ không nhất quán. Nếu kết quả không đến sớm, họ có thể khởi sự nghi ngờ và muốn thay đổi pháp tu. Đôi khi họ sẽ công phu triệt để hơn, đôi khi lơ lửng và bỏ qua. Thường khi, họ không chắc chắn mình đi đúng hướng, hoặc có tiến bộ chút nào không. Đôi khi nỗ lực được đền đáp và hành giả sẽ cảm thấy khá tự tin, "Vâng, tôi chắc chắn có thể đạt ngộ theo pháp tu này." Những lần khác, họ sẽ cảm thấy hoàn toàn tuyệt vọng, thường tột tệ hơn nhiều so với lúc khởi sự. Tuy nhiên, với nỗ lực bền bỉ, cuối cùng họ sẽ loại bỏ được những dấu vết mù mờ, và thông qua kinh nghiệm, họ bắt đầu phát kiến yếu tố thích đáng mà pháp tu đòi hỏi. Họ sẽ triển khai một số năng lực và thủ thuật trong công phu, và nhiều dấu hiệu tích cực sẽ xuất hiện, tín tâm của họ sẽ càng vững chắc.

*

2. MYOKYO-NI

Reading the Sutras and listening to the teachings, the herdsman had an inkling of their message and meaning. He has discovered the traces. Now he knows that however varied and manifold, yet all things are of the one gold, and that his own nature does not differ from that of any other. But he cannot yet distinguish between what is genuine and what fake, still less between the true and the false. He can thus not enter the gate, and only provisionally can it be said that he has found the traces.

Here a certain amount of new data has been collected already. In our case, the herdsman has found the Buddha's teachings and 'discovered' some of his own ingrained habits and attitudes. He knows roughly in which direction he is to go. He has heard of deliverance, and wants to go towards it. So his feet and his head have come together. He now knows what he is after, his own heart-bull; but this is still only intellectual knowledge. Actually the bull has never been missing. But the man 'has lost sight' — has become unconscious — of his bull, and so thinks he must look for him outside.

2. NI DIỆU KÍNH

Đọc Kinh và nghe pháp, người chăn thoáng nhận ra thông điệp và ý nghĩa. Anh khám phá dấu vết. Bây giờ anh biết tuy khác nhau và đa dạng, nhưng tất cả đều là vàng ròng, và tự tánh nơi mình không khác với ai. Nhưng anh chưa thể biện biệt giữa đâu là thật và đâu là giả, càng không biết giữa chơn và vọng. Do đó, anh chưa thể vào cửa, và chỉ có thể nói đã thấy dấu.

Ở đây thu thập một số dữ liệu mới. Trường hợp này, người chăn đã tìm gặp giáo pháp của Phật và 'khám phá' những tập khí thái độ sâu dày của mình. Anh biết đại khái mình sẽ đi hướng nào. Anh nghe nói về giải thoát, và muốn đi về phía đó. Vì vậy, chân và đầu cùng nhất trí. Bây giờ anh biết đối tượng tìm kiếm là gì, trâu-tâm của mình; nhưng vẫn chỉ là tri kiến. Thật ra trâu chưa bao giờ thiếu vắng. Nhưng người chăn 'đã mất dấu'—bất giác—không biết trâu nơi mình, và vì vậy nghĩ rằng mình phải tìm ở ngoài.

Because we make concrete pictures of what 'I want' and chase after them, we make mistake after mistake. Still, and in spite of all the mistakes, a real compulsion — inborn urge — forces the lifelong quest after the own heart. It is pitiful, ludicrous really, and yet so wonderful and mysterious, this our desperate looking for something that has never gone missing!

In this the heart itself connives. In its desire to be rediscovered, it stages self-portraits! From time to time it seems to jump out from our chest and make itself perceptible by draping itself like a shimmering, fascinating veil over something which now beckons from outside and is of irresistible allure. After all, one cannot exist without a heart, and if one's very heart is thus perceived as outside, one cannot help but go after it — with which we are in the region of the Fires, of the afflicting passions, in short, of delusion.

I once heard a Thai teacher describe such delusory afflictions. Chuckling, he told us, 'There are silly monks, too, and I shall tell you of one of them, ha, ha! He was sitting in his little meditation hut in the dark of night, when suddenly he saw jumping before him a beautiful golden ball that rolled away into the jungle.

Bởi vì tạo ra tranh ảnh cụ thể về vật 'tôi muốn' và đuổi theo, chúng ta đã sai lầm và tiếp tục sai lầm. Tuy nhiên, bất chấp mọi sai lầm, có một sự ép buộc thực sự—sự thôi thúc bẩm sinh—thúc bách tìm kiếm suốt đời con tim chính mình. Thật đáng thương, thực sự lộ bịch, nhưng thật tuyệt vời và ảm nhiệm, chúng ta truy tìm tuyệt vọng một vật chưa hề mất tích!

Con tim tự đồng tình trong sự truy tìm, trong ý muốn khám phá lại, tự dàn dựng chân dung mình! Thỉnh thoảng con tim dường như nhảy ra khỏi lồng ngực và tự làm cho dễ nhận diện bằng cách phủ lên một tấm màn lung linh, hấp dẫn trên một vật đang vẫy gọi từ bên ngoài và có sức lôi cuốn không thể cưỡng lại. Rốt cuộc, con người không thể hiện hữu mà không có trái tim, và nếu nhận thấy trái tim ở ngoài thì không thể không lao theo đuổi bắt—như thế chúng ta đang sống trong biển Lửa của phiền não si mê, nói gọn là mê vọng.

Tôi đã từng nghe một vị giáo thọ người Thái mô tả phiền não mê vọng như vậy. Cười khúc khích, thầy nói với chúng tôi, 'Cũng có những vị sư ngớ ngẩn, và tôi sẽ kể ra một vị, ha, ha! Sư đang ngồi trong căn lều Thiền nhỏ của mình trong đêm tối, đột nhiên Sư thấy một quả bóng vàng tuyệt đẹp nhảy trước mặt rồi lăn vào rừng.

It was so beautiful, and he ran after it. The ball kept rolling, and whenever the monk nearly caught up with it and tried to catch it, it rolled away a little faster. He kept after it as it rolled here and there all through the jungle on ever more entangled paths. Once he nearly caught it, but it jumped out of reach up a tree, that beautiful golden ball. He climbed after it, for he knew he had to have it — life was not worth living without; it was too beautiful, enthralling! So he had to go after it, shinning up that tree. The golden ball got higher and higher and then started to roll along a big branch with the monk still in hot pursuit. The branch started to sway perilously under the weight of the monk, and at that, the golden ball vanished. 'Coming to himself' again, the monk found himself high up in a tree on a very exposed branch and was terrified. He could not climb down; in fact, he dared not move, and yelled for help. He had to call for hours until the other monks heard and helped him down. What had happened? Ha, ha! — one does not let one's heart run away from one!

Usually it takes a very dangerous moment or utter exhaustion for the heart to jump back again; this is why the monk on his perilous branch lost sight of the golden ball.

Quả bóng thật đẹp, và Sư đuổi theo. Quả bóng tiếp tục lăn, và khi nào Sư gần như bắt kịp và cố gắng chụp lấy, quả bóng lăn nhanh hơn một chút. Sư tiếp tục đuổi theo quả bóng lăn đó đây khắp cánh rừng trên những con đường càng lúc càng chằng chịt. Có lần Sư suýt chụp được, nhưng quả bóng nhảy thoát phóng lên cây, quả bóng vàng tuyệt đẹp này. Sư leo lên cây tìm bắt, vì biết rằng mình phải có quả bóng— sẽ không đáng sống nếu thiếu nó; nó quá đẹp, hấp dẫn vô cùng! Vì vậy, Sư phải đuổi theo, tiến sát cội cây. Quả bóng vàng ngày càng lăn cao hơn và sau đó lăn dọc theo một nhánh cây to cùng với nhà sư vẫn đang rượt nà. Cành cây bắt đầu lắc lư một cách nguy hiểm dưới sức nặng của nhà sư, và lúc đó, quả bóng vàng biến mất. 'Phản quan tự kỷ (quay về chính mình),' nhà sư thấy mình trèo lên cây ở trên cành nhánh chĩa ra ngoài và hoảng sợ. Sư không thể trèo xuống; thực tế, Sư không dám cử động, và hét to cầu cứu. Sư phải kêu gọi hàng giờ cho đến khi các nhà sư khác nghe thấy và giúp Sư trèo xuống. Chuyện gì đã xảy ra? Ha, ha!—người ta không để trái tim chạy ra khỏi mình!

Thông thường phải mất khoảnh khắc rất nguy hiểm hoặc kiệt sức hoàn toàn để trái tim đập nhảy trở lại; đây là lý do tại sao nhà sư trên nhánh cây nguy hiểm mất dấu quả bóng vàng.

And when he 'woke up', was frightened at seeing where he was! It is the same with us, too. And such bewitchment or its opposite can last a very long time. That monk was lucky.

How often does our heart jump out and we pursue the shimmering object that keeps rolling from us or before us? Profit, fame, a new hat, the best sports car, a house, the beloved, Enlightenment, Satori — or whatever!

How can we find that heart, for it is not always in the form of a golden ball, is it? Sometimes it is very different from one. So what is this heart? Bodhidharma's famous stanza states,

'A special transmission outside the teachings.
Not depending on written words.
Directly pointing to the human heart,
Seeing into its nature and becoming Buddha.'

Seeing into the nature of the human heart is becoming at one with it, with its inherent energy which, remembering that golden ball, is tremendous. Since we somehow belong together, it forces us to go after it; we cannot help but do so.

Và khi 'tỉnh dậy', hoảng hốt thấy mình ra nông nổi! Chúng ta cũng vậy. Và sự hoang mang này hoặc ngược lại có thể kéo dài rất lâu. Sự thật may mắn.

Biết bao lần trái tim chúng ta nhảy ra và chúng ta chạy đuổi vật lung linh mãi trôi lăn khỏi mình hay trước mắt mình? Lợi, danh, một chiếc mũ mới, xe hơi kiêu thể thao hạng nhất, một ngôi nhà, người yêu dấu, giác ngộ—hoặc còn gì nữa!

Làm thế nào chúng ta có thể tìm thấy trái tim này, không phải luôn luôn mang hình một quả bóng vàng sao? Đôi khi lại khác hẳn. Vậy trái tim này là gì? Câu kệ nổi tiếng của tổ Bồ-đề Đạt-ma,

‘Bất lập văn tự (Chẳng lập văn tự
Giáo ngoại biệt truyền *Truyền riêng ngoài giáo*
Trực chỉ nhân tâm *Chỉ thẳng tâm người*
Kiến tánh thành Phật *Thấy tánh thành Phật.*)’

Thấy tánh nơi tâm người là hiệp nhất với thể tánh, với năng lượng bản hữu, và năng lượng này gọi nhớ quả bóng vàng, thật là siêu vĩ. Vì dù sao chăng nữa chúng ta cũng tương tác tương duyên, nên buộc phải theo đuổi thể tánh nơi tâm người; phải tác hành thôi.

While deluded by its play of forms — the golden ball — it misleads, like a will-o'-the-wisp.

So we can take it that the human heart — obviously by this we do not mean the physical organ — is actually nothing but tremendous energy. But not the human heart only; this energy (we call it 'energy' for want of a better word) is the original nature or true nature of all that is. It functions as is appropriate to the form — in a mouse as a mouse, in a hungry ghost as a hungry ghost. In spring the first blades of crocus seemingly pierce through the still half-frozen ground — yet when touched they feel as soft as fine hair; what gives them the strength? When their season comes, they move and push, obeying their own nature, which is also Nature with which they are in accord. In their season, the petals unfold — that is the way they are: their nature and Nature are one. Even if blighted, they still fulfill themselves, obeying their nature and Nature — for the two are not two but one. In the human realm this is little understood and often badly misinterpreted or misused because we are not inhabitants of the human realm but vagrants through all six states of being.

Trong khi mê vọng vì trò chơi của sắc tướng—quả bóng vàng—giống như đèn ma trôi, sẽ lừa mình.

Vì vậy, chúng ta có thể hiểu rằng tâm người—rõ ràng không phải theo nghĩa quan năng vật lý—thực sự không có gì ngoài năng lượng lớn lao. Nhưng không phải chỉ trái tim con người thôi; năng lượng này (chúng tôi gọi "năng lượng" vì danh từ này hay hơn) là bản tánh hoặc chân tánh của tất cả đang hiện hữu. Năng lượng này có chức năng phù hợp với hình tướng—nơi loài chuột là con chuột, nơi ma đói (ngạ quỷ) là ma đói. Mùa xuân, những chiếc lá nghệ tây đầu tiên dường như xuyên thủng nền đất dù phân nửa còn đóng băng—nhưng tay chạm vào có cảm giác mềm như làn tóc mịn; Điều gì mang lại sức mạnh cho lá nghệ? Đúng thời, lá nghệ động đậy và mọc lên, tuân theo tự tánh, cũng phù hợp với Thiên Nhiên. Đúng mùa, nghệ nở hoa—đúng cách như đang là: tự tánh và Thiên Nhiên là một. Ngay cả khi hư hoại, hoa nghệ vẫn tự hoàn thành, tuân theo tự tánh và Thiên Nhiên—vì cả hai không phải hai mà là một. Trong cõi người, sự kiện này ít được hiểu và thường bị hiểu sai hoặc sử dụng sai bởi vì chúng ta không phải là cư dân ở cõi người mà phiêu bạt qua tất cả sáu cảnh giới.

Actually, it is just this misunderstanding which is the delusion that seemingly binds us onto the Wheel of Becoming, of Change.

But back to the crocuses — the strength to push through the hard ground is not 'theirs' but is the whole force, strength, energy, or power of Nature with which they are in harmony, and which functions also in their nature. So they are in accord with Nature, with what is, the seasons and conditions. Crocuses are not desert flowers. Unlike us, they are not blindly impulsive, self-biased. We are again reminded that 'the passions are the Buddha-Nature and the Buddha-Nature is the passions'. The sense of I, which warps the energy into the afflicting passions, is also the basic delusion which works our suffering by binding us onto the Wheel of Becoming or Change; while thus I-biased, we are less than human!

As an ideal to strive towards, a Chinese Classic, the *Tao Te Ching* (The Way and its Virtue/Power) describes this harmony, by virtue of which the strength or power of Nature can function freely in the individual form.

Thật ra, chính sự hiểu lầm này là mê vọng trói buộc chúng ta vào Vòng Luân Hồi của Vô Thường.

Nhưng trở lại với hoa nghệ—sức mạnh để mọc thủng mặt đất cứng không phải là 'của hoa' mà là toàn bộ sức mạnh, năng lượng hoặc khí lực của Thiên Nhiên mà hoa nghệ hòa hợp và cũng hoạt dụng trong thể tánh của hoa. Vì vậy, hoa phù hợp với Thiên Nhiên, với tính như thị, mùa màng và hoàn cảnh. Hoa nghệ tây không phải là hoa sa mạc. Khác với chúng ta, hoa không bốc đồng một cách mù quáng, ngã chấp. Một lần nữa chúng ta lại được nhắc nhở rằng 'Phiền não tức Bồ-đề (Phật tánh) và Bồ-đề (Phật tánh) tức phiền não'. Cảm thức có cái Tôi sẽ tải năng lượng vào phiền não si mê cũng là vô minh căn bản khiến chúng ta đau khổ vì trói buộc vào Vòng Luân Hồi hoặc Vô Thường; trong khi ngã-chấp, chúng ta tệ hại hơn loài người!

Là một lý tưởng để phấn đấu, tác phẩm cổ điển Trung Hoa *Đạo Đức Kinh*, mô tả sự hài hòa giữa Đạo và Đức, nhờ đức của sự hài hòa mà năng lực của Thiên Nhiên có thể hoạt dụng tự do dưới hình tướng cá nhân.

'Man obeys the laws of earth. Earth obeys the laws of Heaven. Heaven obeys the laws of Tao. Tao obeys the laws of its own Nature.' In the case of sentient beings like us, harmony with nature is harmony with the human heart (not mine), and this is what Bodhidharma stresses, 'Directly pointing to the human heart, seeing into its nature, and becoming Buddha.' This seeing is to be understood as once again becoming one with that nature, and thus once more being in harmony with it and hence also with the strength or power that is its function. Nothing can be said of the Nature itself; it is perceptible only in its function. It is not, repeat not, an I seeing into any nature, either mine or other; all this is merely intellectual entertainment which cannot bring deliverance or insight.

Harmony with nature is harmony with all that is, hence with the way all things really are as well as with the human heart. This profound relationship is what the insight of the Buddha entails, is the Dharma.

'Người tuân theo luật đất. Đất tuân theo luật trời. Trời tuân theo luật Đạo. Đạo tuân theo luật Tự Nhiên.' Trường hợp chúng sinh như chúng ta, hòa hợp với thiên nhiên là hòa hợp với tâm người (không phải tâm của riêng tôi), và chỗ này tổ Bồ-đề Đạt-ma đã nhấn mạnh, 'Chẳng lập văn tự/Truyền riêng ngoài giáo/Chỉ thẳng tâm người/Thấy tánh thành Phật.' Sự kiện thấy tánh một lần nữa nên hiểu là hiệp nhất với thể tánh, và do đó một lần nữa hài hòa với thể tánh và do đó cũng với sức mạnh hoặc năng lực là hoạt dụng của thể tánh. Không điều gì có thể nói về chính Thiên Nhiên mà chỉ cảm nhận được qua tính hoạt dụng. Không phải, xin lặp lại, không phải cái Tôi thấy tánh, dù là thể tánh nơi tôi hay nơi người khác; tất cả việc này chỉ đơn thuần là giải trí tri kiến không thể mang lại giải thoát hay tuệ giác.

Hài hòa với thiên nhiên là hài hòa với tất cả đang hiện hữu, do đó trong cung cách mọi sự vật thực sự đang hiện hữu chẳng khác gì tâm người. Tương quan uyên thâm này là tuệ giác Đức Phật yêu cầu, là Pháp bảo.

To come into harmony with this nature, with this Dharma, and with the way it works, is what the heart yearns for. Insight into it also re-links again with the full power of the human heart that is at one with Nature. It is only my lopsided, partial seeing, my making 'graven images' such as a golden ball, that sends me running after gain and fame, blinding and entangling me again and again.

So in Picture 2 the man is now truly on his way. But though we may have heard of heart and harmony, and also of the deceptive golden ball, more often than not we first come into contact with the full energy of the human heart as something quite different. We are inevitably entirely unprepared for such an encounter with this power — consciously, that is, for actually we are not unfamiliar with it!

What happens truly when, rushing round a corner, we run into each other and inadvertently you tread on my toe? When the pain sears through the body, who will feel, 'Well it just hurts,' with truly no other feeling than just the pain, and try to deal with that?

Hài hòa với tánh, với Pháp và với cung cách tác hành, là điều tâm mong mỏi. Tuệ giác chiếu sâu vào tâm cũng liên kết lại một lần nữa với toàn bộ sức mạnh của tâm người đang hài hòa với Thiên Nhiên. Chỉ vì cái thấy thiên lệch từng phần của tôi, việc tôi tạo ra những 'hình ảnh ghi khắc' như quả bóng vàng, khiến tôi đuổi theo danh và lợi, làm mờ mắt và trói buộc tôi nhiều lần.

Vì vậy, trong Tranh số 2, người chẵn bây giờ đang trên đường đạo thực sự. Nhưng mặc dù có thể đã nghe nói về tâm và sự hài hòa, và cả quả bóng vàng dối gạt, thường khi chúng ta tiếp xúc đầu tiên với năng lượng tròn đầy của tâm người như một điều khác hẳn. Chúng ta chắc chắn hoàn toàn không chuẩn bị cho một cuộc hội ngộ như vậy với năng lực này—trên mặt ý thức, vì thực sự chúng ta chưa từng xa lạ!

Điều gì xảy ra thực sự khi, vội vã quẹo qua góc đường, chúng ta tình cờ đụng nhau và vô tình bạn giẫm lên ngón chân tôi? Khi cơn đau lan khắp thân, ai đau, 'Ồ chỉ đau thôi', thực sự không có cảm giác nào khác ngoài cơn đau, và cố gắng đối phó?

That may be on the sixth remove; but if aware and honest, what is the first reaction to that sudden encounter and searing pain, the natural reaction? Even if able to restrain the hand and tongue (which means remaining outwardly at least human and not becoming a fighting demon all out), something snorts up at that moment, does it not, at the impact and pain? And what thus snorts up is not tame, nor is it something paltry. There is a strength and wildness in it that is certainly not human. We must never forget that. But splendid it is, and intensely alive; it is also highly dangerous.

To learn to deal with this as the first manifestation of the bull, as its traces, is extremely difficult, because when it snorts up with such power, I am no longer there! Thus I never can witness it. This is the difficulty at Picture 2. The man looks for a golden ball and does not realise what the wild (black) heart-bull actually looks like. Rather, he looks for something great, for beauty, for the Buddha's virtue, power and insight — not for the snorting eruptions that occur umpteen times a day!

Đây có thể lần thứ sáu phải làm hết đau; nhưng nếu tỉnh giác và trung thực, phản ứng đầu tiên đối với sự đụng chạm đột ngột và đau đớn là gì, một phản ứng tự nhiên? Ngay cả khi có thể kiềm chế tay và lưỡi (có nghĩa bên ngoài ít nhất giữ được tính người và không thành một con quỷ háo chiến), có khịt mũi lúc đó, phải không, không bị ảnh hưởng đau đớn? Và sự kiện khịt mũi không phải thuần hóa, cũng không phải nhạt nhẽo. Có sức mạnh và tính hoang dã trong đó chắc chắn không phải là tính người. Chúng ta không bao giờ được quên điều này. Tuy tuyệt vời, và đầy sức sống; cũng rất nguy hiểm.

Để học cách đối phó với sự kiện trên như là biểu hiện đầu tiên của trâu, xem như dấu vết, thật vô cùng khó khăn, bởi vì khi trâu khịt mũi mạnh bạo như vậy, tôi không có mặt ở đó nữa! Vì vậy, tôi không bao giờ có thể chứng kiến. Đây là khó khăn ở bức tranh số 2. Người chăn tìm kiếm quả bóng vàng và không nhận ra trâu-tâm hoang dã (đen đúa) thực sự hình dáng thế nào. Thay vì thế, anh tìm một điều gì tuyệt diệu, nét đẹp, kiếm đức hạnh, năng lực và tuệ giác của Phật—không phải việc khịt mũi um sùm xảy ra nhiều lần trong ngày!

So, to begin with, he cannot even find the traces. Nor does he want to see them, for 'I am not like that!' 'Well, I know I am not perfect,' say I modestly but deep inside me is nevertheless a conviction that I am the hub and centre of the universe, though modesty forbids me from saying so. I mean, I am not exactly a wild animal, am I? I am fairly reasonable, quite decent really, and have no quarrel with you — but why did you tread on my toe? I would not have suffered such an uproar if you had been just a bit more careful. Look what you have done to me! Hurt me, even made me lose my temper! You may not have done it intentionally, but clearly it is your fault that this has happened to me, not mine!

Now just stop and look. Have I ever had such a snorting uproar? I am inclined to deny it — with good conscience perhaps, because at the moment I have forgotten that such uproars occur often enough. And because I feel that I ought not to have them, I do not want to take responsibility for them and so I blame you as 'my' scapegoat.

Vì vậy, bước đầu, thậm chí anh không thể tìm thấy dấu vết. Anh cũng không muốn thấy dấu vết, vì 'Tôi chẳng giống thế!' 'Vâng, tôi biết mình không hoàn hảo', tuy nói khiêm tốn nhưng tận đáy lòng tôi vẫn tin chắc mình là trung tâm và cái rốn của vũ trụ, mặc dù nếu khiêm hạ thì tôi không nên nói như vậy. Có nghĩa tôi không hẳn là loài động vật hoang dã, phải không? Tôi khá hợp lý, thực sự khá đàng hoàng và không tranh cãi với bạn—nhưng tại sao bạn lại giẫm lên ngón chân tôi? Tôi sẽ không phải chịu đựng ồn náo như vậy nếu bạn cẩn thận hơn một chút. Nhìn xem bạn đã gây cho tôi gì đây! Làm tổn thương tôi, thậm chí khiến tôi mất bình tĩnh! Có thể không cố ý, nhưng rõ ràng đó là lỗi của bạn đụng vào tôi, không phải lỗi tôi!

Bây giờ chỉ dừng và nhìn. Tôi có bao giờ cất tiếng khịt mũi như vậy chưa? Tôi muốn phủ nhận—có lẽ với thiện tâm, bởi vì lúc này tôi đã quên là việc ồn náo như vậy cũng hay xảy ra. Và vì thấy không nên để xảy ra nữa, không muốn chịu trách nhiệm và vì vậy tôi đổ lỗi cho bạn là 'vật tế thần' của tôi.

And because of this 'hiding', the energy has always remained primitive, wild, not 'brought up'.

A Zen poem precisely describes this situation. We may think of a man who has trained a little, has heard of the Buddha's Way of deliverance, wants to walk it, and so is having no truck with those snorters. He is now determined to meditate, the hopeful escape away from all snorters. But — and this is now the poem — 'On a lotus leaf sits a frog, legs crossed, hands folded, back straight, motionless, deep in meditation. Behind him rears up a huge snake. Does he know? Does he not know? On the lotus leaf sits a frog, legs crossed, hands folded, back straight, motionless, deep in meditation — WATCH OUT!'

Do we watch out? Do we turn round and recognize the snake as ourselves? Have we the strength, the courage to say, 'Yes, that is also me,' and to do something with it? Instead of being once more gobbled up by the snake? That serpent has truly been with us since the days we lost paradise. The snake mythology is a fascinating one; itself 'unseen' — 'Get thee behind me, Satan' — and 'There are none so blind as those who do not wish to see' — it just keeps on gobbling up the frog.

Và bởi vì 'trôn tránh' như vậy, năng lượng vẫn còn nguyên si, cả tính hoang dã, sẽ không 'bốc lên'.

Có bài thơ Thiền mô tả chính xác tình huống này. Chúng ta có thể nghĩ về một người đã từng tu tập, đã nghe về Phật đạo giải thoát, muốn tiến vào đạo và không có xe kéo với loài khịt mũi như thế. Bây giờ anh quyết tâm Thiền định, hy vọng thoát khỏi loài khịt mũi. Nhưng—và đây là bài thơ—'Trên chiếc lá sen con ếch ngồi, hai chân bắt chéo, chấp hai bàn tay, lưng thẳng, bất động, lắng sâu vào Thiền. Sau lưng có con rắn lớn. Ếch có biết không? Không biết à? Trên chiếc lá sen con ếch ngồi, hai chân bắt chéo, chấp hai bàn tay, lưng thẳng, bất động, lắng sâu vào Thiền—COI CHỪNG!'

Chúng ta có coi chừng không? Có quay lại và nhận ra con rắn là chính mình không? Có đủ sức mạnh, can đảm để nói, 'Vâng, rắn cũng là tôi,' và phải làm gì với nó? Thay vì một lần nữa bị rắn cắn? Con rắn này thực sự đã ở bên cạnh kể từ ngày chúng ta lạc mất thiên đường. Thần thoại rắn thật hấp dẫn; tự nó 'vô hình'—'Hãy đứng sau lưng tôi, Sa-tăng'—và 'Không ai mù quáng đến nỗi không mong nhìn thấy'—rắn cứ nhai nghiền con ếch.

Thus the seeming bondage of the Wheel, bondage by the afflicting passions. But there is also the wisdom of the serpent, and of the snake that is portrayed as a circle, with its tail in its own mouth, devouring itself as well as ever continuing. What better symbol do we need to point at the possibility of transformation of the serpent power into the 'Wisdom Gone Beyond'?

The Buddha found the Way out of afflictions and suffering. In the above analogy this begins when the frog takes heed and looks at the snake, and the snake looks at the frog, and they suddenly recognize each other. Then they begin to have respect as well as tolerance for each other. But though their families are fairly close, both have to change a good deal until they finally can merge into one.

So the man looking for the traces finally stumbles upon them — not in the sublime scriptures where he thought they were, far above everything that bothers him. The traces are right in the middle of daily life, amid our daily chores, troubles and hang-ups, and they are conspicuous. Once they have been found and acknowledged as the traces of the bull, wherever I look, there are traces everywhere.

Do đó, có sự ràng buộc của Vòng Luân Hồi, do phiền não si mê trói chặt. Nhưng cũng có trí tuệ của con rắn và con rắn được miêu tả như một vòng tròn, ngậm trong miệng chiếc đuôi, tự nuốt chửng tiếp tục như thế. Chúng ta cần biểu tượng nào hay hơn chỉ ra khả năng biến đổi năng lực con rắn thành 'Trí tuệ Bát-nhã'?

Đức Phật đã tìm ra con đường thoát khỏi phiền não và đau khổ. Tương tự như trên, việc này bắt đầu khi con ếch chú ý và nhìn con rắn, và con rắn nhìn con ếch, và cả hai đột nhiên nhận ra nhau. Sau đó, cả hai bắt đầu tôn trọng và bao dung lẫn nhau. Nhưng mặc dù gia đình khá thân, cả hai phải thay đổi thỏa thuận tốt cho đến khi cuối cùng có thể hiệp nhất.

Vì vậy, người chẵn tìm dấu cuối cùng vấp phải dấu—không phải trong kinh sách cao siêu như anh nghĩ, chỗ cao xa khỏi mọi sự phiền nhiễu mình. Dấu vết thì ngay đây giữa cuộc sống hàng ngày, giữa công việc đời thường của chúng ta, rối rắm và khó chịu, và dễ thấy dễ biết. Một khi tìm thấy và thừa nhận là dấu trâu, nơi nào mở mắt, tôi đều thấy dấu khắp nơi.

That produces the first serious upset in the practice.

'What have I let myself in for? I am getting worse instead of better! This is not leading out of suffering.' But factually this only goes to show that the practice works. For it is not that I am getting worse, it is only that I am beginning to see what actually is there, and always has been there. Little by little the defence screens behind which I habitually hide myself are beginning to give way and dissolve; and with that a first awareness arises of what formidable task is ahead.

Much energy is needed for that task. And there is also the need to examine those traces most carefully. First of all, beware of golden balls, for these are the most dangerous and treacherous! It is much better just to look for the ordinary traces of losing one's temper; of greediness; of refusal and resentment; of passionate, stubborn, opinionated flare-ups, however small or 'justified'. So again, rather than being deceived by a golden ball, the ordinary traces of 'don't want', 'don't like', 'won't', 'must have' are good enough to start with.

Như thế trong công phu sẽ tạo ra đảo lộn đầu tiên nghiêm trọng.

'Tôi đã dẫn mình vào việc gì? Tệ hơn hay tốt hơn! Việc này không dẫn đến thoát khổ.' Nhưng thực tế chỉ cho thấy rằng công phu đặc lực. Vì không làm tôi tệ hại hơn, chỉ khiến tôi bắt đầu thấy điều gì thực sự ở đây, và luôn luôn có mặt. Dần dần những màn hình phòng thủ tôi thường ẩn mình phía sau bắt đầu rạn nứt và tan biến; và tiếp theo là sức tỉnh giác khởi phát đầu tiên đối với bốn phạm sự siêu vĩ trước mặt.

Cần nhiều năng lượng cho bốn phạm này. Và cũng cần xem xét những dấu vết rất cẩn thận. Trước hết, hãy cảnh giác với những quả bóng vàng, vì đây là vật nguy hiểm và hiểm nghèo nhất! Tốt nhất chỉ nên tìm kiếm dấu vết bình thường việc mất bình tĩnh; tham lam; từ chối và oán giận; si mê, bướng bỉnh, bực bội ngoan cố, dù nhỏ hay 'chính đáng.' Vì vậy, một lần nữa, thay vì bị quả bóng vàng lừa dối, những dấu vết thông thường của 'không muốn', 'không thích', 'thôi', 'phải có' cũng đủ để khởi tu.

They are also of an energy potential that can just about be endured, without being carried away at least to some extent. It is a twenty-four hour occupation to be open to the impact of such traces; that is 'looking for the traces' honestly, not denying them or blaming somebody else, wanting to seem better than I actually am. For the traces of the bull do not signify an enemy that should be got rid of, but rather precious energy of sufficient power to grind, burn or singe away 'I'. This powerful energy, being much stronger than I, needs to be approached religiously, respectfully, with folded hands, 'The Fires still burn, I am still here, please burn me away.' That is what purification really means in the religious life, and why bowing is so important. Only the precious energy that flares up in the Fires has the strength actually to change I, and itself also changes in that process. So follow those traces gratefully but carefully, and gently — that is the purpose of the exercise.

When we started searching for the bull, we had 'ideas', that is, mental pictures about him which prevented recognition.

Tất cả đều có tiềm năng kiên trì, mà không phải phát triển xa hơn ở mức độ nào đó. Đây là phận sự hai mươi bốn giờ (hằng ngày) để mở ngõ cho dấu vết tác động; đó là "thấy dấu" một cách trung thực, không phủ nhận dấu vết hoặc đổ lỗi cho người khác, muốn sự việc tốt hơn hiện trạng tôi đang là. Vì dấu trâu không biểu thị một kẻ thù phải loại trừ, mà là năng lượng quý báu đủ sức mạnh để nghiền nát, đốt cháy hoặc tiêu diệt 'cái Tôi.' Năng lượng mạnh mẽ này, mạnh hơn tôi rất nhiều, cần được tôn giáo tiếp cận, chắp hai tay trân trọng, 'Ngọn lửa vẫn cháy, tôi vẫn ở đây, xin hãy đốt tôi đi.' Đó là ý nghĩa thanh lọc thực sự trong đời sống tôn giáo, và tại sao lễ lạy quan trọng đến thế. Chỉ có năng lượng quý báu bùng lên trong Lửa mới có sức mạnh thực sự chuyển hóa tôi, và cũng tự biến đổi trong tiến trình này. Vậy, hãy nương theo dấu trâu với lòng biết ơn nhưng cẩn trọng và nhẹ nhàng—đó là mục đích bài tập.

Khi bắt đầu tìm trâu, chúng ta có 'ý kiến', đó là những bức tranh tâm linh về người chăn đã cản trở sự nhận biết.

Or it could also be said that the bull was hiding behind these pictures, or that he was hidden behind them — both apply.

When we suddenly stumble across him, it is uncommonly difficult to recognize the heart-bull, though actually he has never been absent. Even if searching for him, we tend to look in just one direction and so usually miss him; and when he is actually there in front of us, we refuse to see him because we are blinded by the veils of our delusion.

Thus finding the traces is not easy. Moreover, it takes great courage actually to recognize the traces, to affirm and verify them as such, and say, 'Yes, that is of the heart-bull, is me.' But this means abstaining from our usual scapegoat evasions of blaming something or somebody else — you, the circumstances, the establishment, or whatever, anything rather than my cherished opinions!

I had been in Japan five years when a friend at home, who was having a very difficult time, wrote to me, 'You in your cloistered peace! What do you know of the problems that beset us in the world?'

Hoặc cũng có thể nói rằng trâu đang ẩn mình sau những bức tranh, hoặc người chăn ẩn núp phía sau—áp dụng cho cả hai.

Khi bất ngờ vấp ngã vào trâu, thật khó nhận ra trâu-tâm, dù thực sự chưa bao giờ thiếu vắng. Ngay cả khi tìm trâu, chúng ta có xu hướng chỉ nhìn theo một hướng và vì vậy thường vượt mắt; và khi trâu thực sự ở đó trước mặt mình, chúng ta mờ mắt không thấy trâu vì bị màn tối vô minh che phủ.

Do đó, việc tìm dấu trâu không dễ dàng. Hơn nữa, thực sự cần dũng lực để thấy dấu, để khẳng định và xác minh, và nói, 'Vâng, đó là trâu-tâm, là tôi.' Nhưng ở đây có nghĩa tránh né hành vi lừa dối thông thường của mình để đổ lỗi cho việc gì hoặc ai đó—chính ông, hoàn cảnh, tổ chức, hoặc bất cứ việc gì, bất cứ điều gì, không phải là ý kiến áp ứ của tôi!

Tôi đã ở Nhật Bản năm năm khi người bạn trong nhà, đang gặp khó khăn, viết thư cho tôi, 'Bạn trong tu viện an bình! Có biết chằng những vấn đề trên thế giới đang bủa vây chúng ta?'

He knew that as a woman I went to the monastery for training or work, but did not sleep there. So in my replies I pointed out to him that the cloister is not of itself peaceful, nor is the world troublesome. There is not all that much difference between outside and inside. Whether I am angry or upset because the head monk scolds me, perhaps even for something that I have not done, or whether upset about something in the office, or at school, being upset is the same. If the monks leave me the worst places to weed or sweep leaves, especially in winter when half under snow, or whether my colleagues in the office leave me more than my fair share of work, the grating against it is in me! What produces it is really irrelevant. As long as there is grating in me, any situation will produce it, and if there is no 'legitimate' outlet, it will produce its own release, i.e. fasten on anything! So not the cloister, but work with that grating is important.

A cloister is not a haven of peace, nor is it an escape. If we live in the world, we have a job, a home, perhaps a family. So I can escape, for if there is grating against my work, I can leave it behind and go home.

Anh bạn biết rằng là một phụ nữ tôi đã đến tu viện để tu tập hoặc làm việc, nhưng không nghỉ đêm. Vì vậy, trong câu trả lời, tôi cho anh biết tu viện không phải là chỗ an bình, cũng không phải thế gian rắc rối. Giữa bên ngoài và bên trong không quá nhiều sai khác. Cho dù tôi tức giận hay buồn bã vì vị thủ tọa la rầy, thậm chí do việc tôi không phạm, hoặc buồn về điều gì ở văn phòng, hoặc ở trường, buồn bã thì như nhau. Nếu chu tưng cho tôi chỗ tôi tậ nhất để nhỏ cỏ hoặc quét lá, đặc biệt mùa đông khi một nửa phủ tuyết, hoặc đồng nghiệp trong sở không công bằng vì chia nhiều việc hơn cho tôi thì bực bội chống đối ở trong tôi! Nguyên nhân phát sinh bực bội thực sự không đáng kể. Bao lâu còn khó chịu trong lòng, tình cảnh nào cũng sẽ gây ra khó chịu, và nếu không có lối thoát 'hợp pháp', sẽ có sự giải tỏa riêng, tức là trói mình vào bất cứ vật gì! Vì vậy, không phải tu viện, nhưng công phu với sự khó chịu mới quan trọng.

Một tu viện không phải thiên đường an bình, cũng không phải lối thoát. Sống ở thế gian, chúng ta có việc làm, nhà ở, có lẽ một gia đình. Vì vậy, tôi sẽ có lối thoát, vì nếu khó chịu với công việc, tôi có thể bỏ việc về nhà.

Even though I may carry a certain amount with me, mostly I can leave behind what aggravates me. If I have trouble at home, I can escape from it to my place of work. But in a monastery, there is no such escape. One is continuously in that surrounding that chafes and grates. At home, too, or at work, someone may almost take on the features of a demon, or persecutor, but then we can escape. In a monastery we cannot, and so really it is very much a grinding situation, grinding off excrescences! That cloistered peace takes a very long time to be established; they say about seven to nine years minimum. Until then, it needs to be endured. This endurance is a very formative process.

As we begin to find the traces in our gratings and gripings, we actually become familiar with ourselves, with how we habitually react. We suffer from great deception about ourselves; though we truly believe we know ourselves, yet we really do not.

In my own experience, I used to believe that I could not live without music. Even in Japan I soon acquired a little radio.

Mặc dù có thể mang theo mình một phần việc làm, nhưng chủ yếu tôi bỏ lại mỗi bận tâm nặng nề. Nếu ở nhà phiền muộn, tôi có thể đào thoát đến sở làm. Nhưng trong chùa, không có lối thoát như vậy. Chúng ta sống liên tục trong khung cảnh này mặc tình mà tức với giận. Ở nhà cũng vậy, hoặc tại sở làm, có người gằn như có nét mặt ma quỷ, hay kẻ trảm quyết, và rồi chúng ta vẫn thoát ra được. Trong chùa thì không thể, và thực sự tình cảnh thật thâm, nghiền nát u nhọt! Sống an bình trong chùa đòi hỏi thời gian rất dài để ổn định; tối thiểu khoảng bảy đến chín năm. Cho đến lúc đó, cần phải kham nhẫn. Tâm kham nhẫn là cả một quá trình hình thành.

Bắt đầu tìm thấy dấu vết khó chịu và kìm kẹp, chúng ta thực sự trở nên mật thiết với chính mình, với cách phản ứng theo thói quen. Chúng ta đau khổ vì chính mình dối gạt mình rất nặng; dù thực sự tin rằng mình biết mình, nhưng thực tế không phải vậy.

Kinh nghiệm riêng tôi thì tin rằng mình không thể sống thiếu âm nhạc. Ngay cả ở Nhật Bản tôi cũng nhanh chóng kiếm được một chiếc radio nhỏ.

A day during which I could not hear any music was somehow incomplete. Yet I found that if occasionally a friend invited me to go to a concert, though with shining eyes I would say, 'Yes, I would love to,' when the time approached, particularly in winter, and if it meant going by slow tram to an unheated concert hall and coming back late and very cold, yet having to get up early next morning to go to the monastery — well, I looked for excuses to cry off! The third time this happened I began to wonder whether it was really fair to accept only to cancel at the last moment. From that I began to realise that although I loved music, I did not love it as much as I thought; other considerations could override it. On the other hand, I also became aware that summer or winter, snow or rain or shine, I managed somehow to have a walk, even an occasional good long tramp. Somehow I always seemed to find the time, or time miraculously happened to become available! So from what I actually did and not from what I thought, I learnt what my real preferences were!

Một ngày mà tôi không nghe nhạc quả thật thiếu thốn. Tuy nhiên, tôi nhận thấy nếu thỉnh thoảng một người bạn mời đi xem hòa nhạc, mặc dù mắt sáng lên và nói: 'Vâng, tôi rất thích', nhưng khi ngày hẹn gần đến, đặc biệt mùa đông, và nếu đi bằng xe điện chạy chậm đến phòng hòa nhạc không máy sưởi và trở về muộn và lạnh cóng, rồi phải dậy sớm sáng hôm sau để đến chùa—thôi, tôi kiểm lý do để thất hứa! Đến lần thứ ba xảy ra tôi bắt đầu tự hỏi liệu có thực sự công bằng khi chỉ chịu bỏ hẹn vào phút cuối. Từ đó tôi nhận ra mặc dù ưa thích âm nhạc nhưng không quá mức như tôi nghĩ; những sự quan tâm khác có thể gạt âm nhạc qua một bên. Ngoài ra, mùa hè hay mùa đông, trời tuyết hay mưa hay nắng, tôi biết mình đều sắp xếp cách này hay cách khác để đi bộ, có khi thỉnh thoảng cất bước đường dài cũng tốt. Không hiểu sao dường như tôi luôn tìm đúng thời, hoặc thời gian kỳ diệu đến đúng lúc tôi sẵn sàng! Vì vậy, từ việc thực sự đã làm không phải từ nghĩ tưởng, tôi hiểu được sở thích thực sự của tôi là gì!

I still consider it one of my greatest discoveries, finding out that what I actually did was different from what I thought my preferences were.

Along such lines we can find the traces of the bull. But since the Middle Way is remarkably difficult to keep to, one can now veer off into the other extreme, and become dazzled and attached to the new-won insight! Hence, having just learnt how important my walk was to me, I may begin to feel that if I cannot have that walk then I cannot endure the long evening sitting! So back to the Middle Way, where both extremes, 'must have' and 'can't do without' (both sharing the common denominator I), undergo transformation by 'walking on'. It requires long and patient training.

Thus we find the traces of the bull and discover the beginning of the Middle Way — the Buddha's Way.

Tôi vẫn coi sự kiện này là một trong những khám phá lớn lao nhất của mình, phát hiện tôi thực sự làm khác với điều tôi đã nghĩ chính là sở thích của tôi.

Đọc theo những hàng chữ trên chúng ta có thể tìm ra dấu trâu. Nhưng vì Trung Đạo rất khó lĩnh hội, bây giờ có thể xoay qua cực đoan khác, và sẽ lóa mắt và chập đính vào tuệ giác mới đạt! Do đó, khi biết đi bộ quan trọng với tôi ra sao, tôi bắt đầu cảm thấy nếu không đi bộ thì tôi không kham nổi thời ngồi Thiền lâu buổi tối! Vì vậy phải trở về Trung Đạo, nơi cả hai thái cực, 'phải có' và 'không có không được' (cả hai có chung mẫu số là cái tôi), đều trải qua quá trình chuyển hóa bằng cách 'tiếp tục đi bộ'.⁴⁸ Việc này đòi hỏi công phu lâu dài và kiên nhẫn.

Do đó, chúng ta tìm thấy dấu trâu và khám phá bước đầu của Trung Đạo—Phật Đạo.

⁴⁸ Cả hai thái cực 'phải có' và 'không có không được' sẽ tan mất trong 'Thiền hành chánh niệm,' là Trung Đạo (D.G.)

It is helpful to bear in mind that the first teaching the Buddha gave to his erstwhile disciples, the five monks who by their long practice were qualified or ready to hear it, was that of the Middle Way! Only then did he present the Four Noble Truths.

'The Great Way is not difficult; it only avoids picking and choosing.' But picking and choosing, and thus preferences, are natural in any sentient being. The very way we move or walk is individually different; friends can recognise each other by the way they walk, even if seen from far off. Is that picking and choosing? Should I now train myself to walk in a 'universal' way? Is that 'universal' way so uniform that there is no distinction? It is still all picking and choosing, is it not? All 'I', the doer!

There is still another type of preference, very different from the natural one.

Thật hữu ích khi nhớ rằng giáo lý đầu tiên Đức Phật ban cho năm vị đệ tử đầu tiên xưa kia⁴⁹, tu tập từ lâu có trình độ hoặc nhiệt tình lắng nghe, đó là Trung Đạo! Về sau Phật mới thuyết Tứ Diệu Đế.

'Chí Đạo không khó; chỉ hiềm lựa chọn.'⁵⁰

Nhưng lựa chọn, và do đó, ưa thích, là tự nhiên nơi mọi chúng sinh. Cách lay động hoặc đi bộ của mỗi người khác nhau; bạn bè có thể nhận ra lẫn nhau khi thấy cung cách đi bộ, ngay cả khi nhìn từ xa. Có phải đó là lựa chọn? Bây giờ tôi có nên tự tập đi bộ theo cách 'phổ quát' không? Có phải là cách 'phổ quát' đến mức đồng đều sẽ không còn khác biệt? Vẫn là chọn lựa, phải không? Tất cả là 'tôi', người thực hiện!

Vẫn còn một loại sở thích khác, rất khác với loại tự nhiên.

⁴⁹ Năm anh em Kiều Trần Như. (D.G.)

⁵⁰ Câu đầu tiên trong Tính Tâm Minh của Tam Tổ Tăng Xán. (D.G.)

It can be clearly distinguished by its energy content which is so powerful that I feel 'I must have' or 'can't do without' whatever it is. How do we in daily life become aware of that type? Well, as for me, I usually drink coffee, but in the afternoon I prefer tea. And if a friend who knows me well gives me a cup of tea in the morning, that is one of the tests. Do I say thanks for the tea and drink it, or do I feel aggrieved, even angry, react against it? 'She knows I like coffee!' Complaint, irritation, annoyance, instead of gratitude for the cup of tea! That is when my choosing makes the energy erupt as Fire, invades the natural preference, and 'heats' it.

There is nothing wrong with the natural preferences as such; as long as there is a body, there will be preferences. And if I cannot have 'my' want (or wish) now, that is all right, too. But if the preferences become inflated to 'I must have or I cannot go on', then, metaphorically, we are in bull country and clearly can see his traces.

Có thể khác biệt rõ ràng bởi nội dung năng lượng mạnh mẽ đến mức tôi cảm thấy 'tôi phải có' hoặc 'không thể làm gì nếu không có' dù là việc gì. Làm thế nào để trong cuộc sống hằng ngày chúng ta nhận biết loại sở thích này? Vâng, trường hợp tôi là thường uống cà phê, nhưng buổi chiều tôi thích uống trà hơn. Và nếu có người bạn nào hiểu rõ tôi và mời tôi một tách trà buổi sáng, thì đó là trắc nghiệm. Tôi sẽ nói cảm ơn và uống trà, hay tôi cảm thấy phiền lòng, thậm chí tức giận, phản ứng lại? 'Cô biết tôi thích cà phê mà!' Cẩn nhắc, cầu kính, khó chịu, thay vì biết ơn tách trà! Đây là sự lựa chọn của tôi khiến năng lượng bùng phát thành Lửa, xâm chiếm sở thích tự nhiên và 'đốt cháy.'

Không có gì sai trái với sở thích tự nhiên như vậy; bao lâu có thân thì có sở thích. Và nếu bây giờ tôi không thể muốn (hoặc ước ao) 'cho mình' thì cũng tốt thôi. Nhưng nếu sở thích bị thổi phồng thành 'Tôi phải có hoặc tôi không thể tiếp tục', thì theo nghĩa bóng, chúng ta đang ở trong đất nước của trâu và rõ ràng có thể thấy dấu trâu.

As we get familiar with them, we learn also to read them; how he was stumping and rampaging around but was too quick to be seen. He is already away — only the traces remain.

As familiarity increases and we get closer to the heated ambience of the bull, some important discoveries await us! So, whenever we come across those fancies of the mind that seem—to me—the most lucid logic, basic assumptions that all know, laws on which the world is built on, that is where we have to watch out. They are likely to be mine only and by no means shared by everybody else. Though I may think coffee the best drink except in the afternoon, that does not mean that you have—even less ought to have—the same liking for coffee. To realise at least some of the ramifications of this is having found the traces

*

Khi làm quen với dấu trâu, chúng ta cũng học và hiểu; làm thế nào trâu chạy lộp bộp và hung hăng chung quanh nhưng quá nhanh nên không thấy trâu. Trâu chạy mất—chỉ còn lại dấu chân.

Khi sự thân quen gia tăng và chúng ta tiến gần môi trường nóng bỏng của trâu, những khám phá quan trọng đang chờ chúng ta! Vì vậy, khi nào bắt gặp những tưởng tượng của tâm—đối với tôi—có vẻ là những giả định cơ bản hợp lý, sáng suốt nhất mọi người đều biết, những định luật mà thế gian căn cứ, đó là chỗ chúng ta phải đề phòng. Tất cả như là của riêng tôi và không có lý do gì để chia sẻ cho ai khác. Mặc dù tôi có thể nghĩ rằng cà phê là thức uống tốt nhất ngoại trừ vào buổi chiều, không có nghĩa bạn—thậm chí không cần—có cùng sở thích uống cà phê. Nhận ra ít nhất một số phân nhánh của sự kiện này tức đã thấy dấu.

*

PHỤ BẢN

1/ Qui Sơn Linh Hựu sắp tịch, đệ nhất tọa hỏi: “Sau khi Hòa thượng trăm tuổi đi về chỗ nào?”

Sư bảo: “Sau khi Lão tăng trăm tuổi đến dưới núi làm con trâu, hông bên trái viết năm chữ Qui Sơn Tăng Linh Hựu. Khi ấy gọi là Qui Sơn Tăng hay gọi là con trâu? Gọi là con trâu hay gọi là Qui Sơn Tăng? Gọi thế nào mới đúng?”

Tăng hỏi: “Con theo Hòa thượng được chăng?”

Sư bảo: “Nếu người muốn theo ta phải ngâm theo một bó cỏ.”

*

2/ NGÓN TAY của CÂU CHI (VMQ 3 BNL 19)

Cử:

Hòa thượng Câu Chi⁵¹ phàm có người tham hỏi chỉ đưa lên một ngón tay. Có chú tiểu khi ai hỏi Sư dạy pháp yếu thế nào cũng chỉ đưa lên một ngón tay. Sư hay biết bèn chặt đứt ngón tay chú. Chú quá đau

⁵¹ Tên do ngài hay tụng Câu-chi Phật-đà thần chú, sống đồng thời với Lâm Tế.

vứt bỏ chạy. Sư gọi chú. Khi chú vừa quay đầu, Sư đưa lên một ngón tay. Chú chợt đại ngộ.

Khi sắp tịch Sư nói cùng đại chúng: “Ta được ngón tay Thiên của Thiên Long cả đời dùng không hết⁵².” Nói xong Sư tịch.

*

3/ Bài Kệ của Tô Đông Pha

溪聲便是廣長舌
山色豈非清淨身
夜來八萬四千偈
他日如何舉似人

Khe thanh tiện thị quảng trường thiệt
Sơn sắc khởi phi thanh tịnh thân

⁵² Khi xưa Câu Chi sống một mình dưới chân núi. Một hôm có bà Ni Thực Tế đến viếng, nhiều giờ đồng Thiên ba vòng, xong đứng trước mặt Câu Chi không giờ nón, nói: “Nói được ta sẽ gỡ nón và lễ bái.” Câu Chi không nói được. Ni ra đi. Thấy trời tối Câu Chi mời Ni ở lại sáng mai hãy đi. Ni bảo: “Nói được ta ở lại.” Câu Chi không nói được. Ni ra đi. Câu Chi hổ thẹn tự nhủ ‘Ta tướng tượng phu mà tâm không tượng phu, không trả lời được câu nói của một bà Ni.’ Rồi quyết định lên đường tìm thiện tri thức. Tối hôm đó có thiện thần mách bảo đừng đi, vài hôm nữa hiện thân Bồ-tát sẽ đến. Quả nhiên hôm sau hòa thượng Thiên Long đến. Câu Chi kể lại tự sự. Thiên Long (đệ tử Đại Mai, cháu Mã Tổ) nghe xong đưa lên một ngón tay. Câu Chi chợt đại ngộ.

Dạ lai bát vạn tứ thiên kệ

Tha nhật như hà cử tợ nhân

(Suối reo vẫn Pháp âm bất tuyệt

Màu non kia Chân thể Như lai

Đêm về tám vạn bốn nghìn kệ

Ngày sau làm sao nói cho người?)

*